

Phân tích Sóng Elliott là một phương pháp đã được chứng minh để hiểu các biến động thị trường thông qua tâm lý đám đông và các mô hình fractal. Hướng dẫn toàn diện, dễ hiểu này sẽ hướng dẫn bạn phân tích sóng với các ví dụ chi tiết, giải thích mọi khía cạnh của lý thuyết.

Hướng dẫn này sẽ giới thiệu cho bạn cách phát hiện sóng đẩy và sóng điều chỉnh, áp dụng các quy tắc chính và sử dụng các chiến lược để lập biểu đồ chính xác. Bạn sẽ học cách đưa ra dự đoán và xác định điểm vào lệnh tốt nhất. Khám phá Lý thuyết Sóng Elliott để giao dịch Forex, tiền điện tử và cổ phiếu hiệu quả, với rủi ro thấp hơn và lợi nhuận cao hơn. Đây là hướng dẫn chi tiết và sâu sắc nhất hiện có.

Bài viết bao hàm các chủ đề sau:

## Nội dung

Các khái niệm cơ bản về lý thuyết Elliott wave .....	3
Các ưu điểm của nguyên lý sóng Elliott waves .....	4
Cách hoạt động của Elliott waves .....	6
Sóng là gì? Cách đếm sóng Elliott. Cách vẽ sóng Elliott.....	6
Sóng actionary (sóng hoạt động) và sóng reactionary (sóng phản ứng) .....	10
Chu kỳ giá đầy đủ. Sóng motive (sóng phát động) và sóng corrective (sóng điều chỉnh)	14
Các cấp độ sóng .....	19
Số Fibonacci .....	22
Sóng motive .....	25
Sóng impulsive (sóng đẩy) .....	26
Quy tắc của sóng impulsive giảm dần .....	31
Leading diagonal .....	32
Ending diagonal.....	36
Sóng corrective (corrective waves) .....	40
Zigzag.....	40
Flat .....	45
Zigzag kép.....	49
Zigzag ba.....	53
Double three.....	57
Triple Three .....	61
Tam giác nằm ngang.....	64
Tam giác xiên .....	68
Mối quan hệ giữa các sóng Elliott và số Fibonacci .....	71

### Tác giả

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Phát động. Sóng đẩy .....	72
Sóng Phát động. Leading diagonal .....	72
Phát động. Ending diagonal .....	72
Sóng điều chỉnh. Zigzag .....	73
Sóng điều chỉnh. Flat.....	73
Sóng điều chỉnh. Zigzag kép và ba. ....	73
Sóng điều chỉnh. Double and triple three.....	73
Sóng điều chỉnh. Tam giác nhỏ dần nằm ngang. ....	73
Sóng điều chỉnh. Tam giác lớn dần nằm ngang. ....	74
Sóng điều chỉnh. Tam giác xiên. ....	74
Phương pháp xác định các mô hình sóng trên biểu đồ .....	74
Ví dụ 1 .....	75
Ví dụ 2.....	75
Khuyến nghị về việc nghiên cứu phần thực hành của phân tích sóng Elliott .....	76
Giao dịch Sử dụng Lý thuyết sóng Elliott .....	77
Chiến lược giao dịch sóng Elliott .....	80
Elliott dành cho giao dịch trong ngày .....	80
Dự đoán Dựa trên Mô hình Sóng.....	80
Các indicator cho sóng Elliott.....	81
MACD.....	81
Elliott Wave Oscillator.....	82
Elliott Wave Prophet (Nhà tiên tri Sóng Elliott) .....	83
WATL .....	83
Cách đọc biểu đồ sóng Elliott.....	84
Mẹo quan trọng khi sử dụng Sóng Elliott .....	84
Thuật ngữ Lý thuyết Sóng Elliott.....	85
Bàn luận về sóng Elliott.....	87
Bài học rút ra: ưu điểm và nhược điểm của Sóng Elliott.....	88
Câu hỏi thường gặp về sóng Elliott.....	89

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

## Các khái niệm cơ bản về lý thuyết Elliott wave

Phân tích Elliott wave là một phương pháp phổ biến để phân tích thị trường tài chính. Sau khi đọc bài viết này, bạn sẽ hiểu được bản chất của phương pháp này và làm quen với các khái niệm chính của nó. Ngoài ra, bạn sẽ nắm được cách đọc-hiểu dự báo của các nhà phân tích, xác định các loại sóng trong biểu đồ và đưa ra dự báo của riêng bạn.



**R. N. ELLIOTT, 1939**

Photo: *The Financial World*

Hình 1.

Tác giả của lý thuyết Elliott wave là kế toán viên người Mỹ Ralph Nelson Elliott, người nhận thấy rằng giá thị trường biến động theo các pattern lặp đi lặp lại chứ không phải theo một cách thức tùy ý hỗn loạn. Năm 1938, sau 9 năm nghiên cứu liên tục về thị trường chứng khoán, ông đã xuất bản tác phẩm đầu tiên của mình về phân tích sóng có tựa đề “Nguyên lý sóng”. Đã tám mươi năm trôi qua kể từ khi Elliott phát hiện ra nguyên lý sóng, nhưng sự phổ biến của lý thuyết Elliott wave đối với các nhà giao dịch vẫn đang tiếp tục mở rộng ra trên toàn thế giới. Các nhà giao dịch thành công nhất áp dụng phân tích sóng trong các chiến lược của họ ở một mức độ nhất định: một số chỉ áp dụng một phần và một số khác hoàn toàn căn cứ các quyết định giao dịch và phân tích thị trường của họ dựa trên phương pháp này. Nó không chỉ hoạt động trên thị trường chứng khoán mà còn trong giao dịch tất cả các loại tài sản tài chính.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Ý tưởng chính của phương pháp này là như sau: thị trường được hình thành bởi một số lượng lớn những người tham gia tương tác với nhau. Elliott nhận thấy rằng số đông này hành xử theo cách có thể dự đoán được và tạo thành các pattern giá giống nhau, hoặc "waves" (sóng), trong biểu đồ giá. Ông đã mô tả và phân loại tất cả các loại sóng mà chúng ta có thể thấy trên thị trường.

Nhiệm vụ của nhà giao dịch là xác định được loại sóng nào đang hình thành và đã hình thành ở mức độ nào. Nếu xác định thành công, bạn sẽ dễ dàng đưa ra dự báo chính xác và đưa ra quyết định giao dịch có lợi nhuận.

## Các ưu điểm của nguyên lý sóng Elliott waves

Nền tảng nguyên lý cơ bản cho sự ra đời của phân tích kỹ thuật là lý thuyết Dow Jones. Ngoài ra, lý thuyết sóng Elliot cũng là một lý thuyết khác có nhiều điểm chung với lý thuyết Dow, bên cạnh đó phân tích sâu hơn về cấu trúc chu kỳ của xu hướng giá. Phân tích Elliott wave có một số lợi ích của so với các phương pháp phân tích kỹ thuật khác.

## Phân tích thị trường không có độ trễ thời gian

Khi bạn phân tích biểu đồ giá bằng cách sử dụng bất kỳ indicator hoặc oscillator nào đều sẽ có độ trễ thời gian. Ý tôi là các indicator và oscillator phản ánh tình hình thị trường kèm theo độ trễ thời gian vì chúng được tính toán dựa trên dữ liệu lịch sử.

Khi một xu hướng (trend) mới bắt đầu trên thị trường, các indicator và oscillator sẽ gửi tín hiệu tương ứng với độ trễ. Ngược lại, phân tích Elliott wave giúp dự đoán trước một xu hướng mới.

Cơ hội này cho phép nhà giao dịch chuẩn bị trước cho sự thay đổi xu hướng và đưa ra quyết định giao dịch đúng đắn. Nhờ đặc điểm này của nguyên tắc sóng (the wave principle), bạn có thể mở giao dịch trước khi một xu hướng mới bắt đầu và tăng lợi nhuận tiềm năng. Hoặc bạn có thể thoát lệnh với lợi nhuận tối đa, ví dụ: ở mức đáy của xu hướng khi đường trung bình động cách xa giá, báo hiệu một xu hướng mạnh trên thị trường.

Hầu hết các nhà giao dịch không kỳ vọng rằng xu hướng giảm sẽ sớm thay đổi, giả sử các nhà tham gia thị trường duy trì thái độ bi quan, nhưng một nhà phân tích lý thuyết Elliott wave chuyên nghiệp nhận thấy sóng impulsive giảm đã hình thành. Hơn nữa, sóng thứ năm của sóng impulsive là một ending diagonal, báo hiệu sự đảo chiều của xu hướng. Vì vậy, nhà giao dịch thường sử dụng phân tích sóng sẽ thoát lệnh ở mức lợi nhuận cao nhất. Thị trường bắt đầu di chuyển theo hướng ngược lại và nhà giao dịch đã kiếm được lợi nhuận.

## Độ chính xác của các pattern sóng.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Ngoài ra, trong số các ưu điểm của nguyên lý sóng, chúng ta có thể chọn ra mô tả chi tiết về cấu trúc sóng. Ví dụ, tất cả chúng ta đều đã nghe về pattern phân tích kỹ thuật như pattern đảo chiều vai đầu vai. Chúng ta có thể tìm thấy vô số pattern khác nhau trong biểu đồ giá có thể được gọi là "vai đầu vai". Một số sẽ rõ ràng sắc nét, một số khác sẽ được mở rộng theo thời gian, một số khác sẽ sâu trong các đợt pullback, một số khác sẽ nông. Bên cạnh đó cũng có sự khác biệt trong cấu trúc của tất cả các thành phần của "vai đầu vai". Tuy nhiên, cho dù pattern này được mô tả chi tiết đến đâu trong phân tích kỹ thuật (PTKT), nó vẫn rất khó để phát hiện ra trong biểu đồ.

Nếu chúng ta nhìn vào pattern này dựa trên phân tích sóng, chúng ta sẽ thấy rằng trong một trường hợp, pattern vai đầu vai mở rộng sóng 4 và 5 của sóng impulsive trước đó và tạo thành sóng 1 và 2 của sóng impulsive ngược mới. Trong trường hợp này, chúng ta sẽ kỳ vọng vào sự phát triển của sóng 3 và đưa ra quyết định giao dịch tương ứng.

Tuy nhiên, trong một trường hợp khác, chúng ta có thể thấy rằng một phần của pattern vai đầu vai, dựa trên lý thuyết Elliott wave, là sóng liên kết X và zigzag Y, trong khi phần còn lại là sóng liên kết XX, vẫn chưa hoàn thành. Trong trường hợp này, một nhà phân tích Elliott wave sẽ mong đợi sự hoàn thành của sóng XX, tiếp nối bởi một zigzag Z khác, mở ra theo cùng hướng với sóng Y.

Trong trường hợp này, một nhà phân tích kỹ thuật có thể nhầm lẫn pattern đang xuất hiện với pattern vai đầu vai và hy vọng thị trường sẽ di chuyển theo hướng ngược lại, trong khi một nhà phân tích sóng sẽ quan sát thấy rằng phần cuối cùng của zigzag ba đang hình thành. Có rất nhiều ví dụ như vậy. Đó là bởi vì các pattern và cấu trúc sóng trong phân tích sóng được nghiên cứu và mô tả chi tiết hơn nhiều so với các pattern phân tích kỹ thuật.

Tôi cũng muốn đưa ra một ví dụ về pattern triangle. Trong phân tích kỹ thuật, pattern triangle được nhắc đến khá ít, không có hạn chế nghiêm ngặt trong các quy tắc mà chỉ có các đề xuất gần đúng. Các nhà phân tích kỹ thuật cần tự xác định xem pattern đang hình thành có phải là một triangle hay không. Tuy nhiên, nếu chúng ta nhìn vào các quy tắc phân tích sóng liên quan đến triangle, chúng ta sẽ thấy một số quy tắc nhất định và nghiêm ngặt cần phải được tuân theo trong tất cả các trường hợp. Nếu ít nhất một quy tắc không được đáp ứng trong pattern đang xuất hiện, nó không thể là pattern triangle. Không có ngoại lệ trong trường hợp này.

Cách tiếp cận như vậy hạn chế việc hiểu sai và cho phép các nhà giao dịch đánh giá chắc chắn hơn liệu pattern đang xuất hiện có phải là một triangle hay không. Ngoài các quy tắc, còn có một số hướng dẫn và quan sát liên quan đến cấu trúc của sóng, các đặc điểm của chúng, thường xuất hiện nhưng không phải lúc nào cũng có. Ví dụ, nếu theo hướng dẫn, một

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

trong các sóng phụ của triangle mở rộng sóng corrective nhưng không đáp ứng đủ điều kiện của một triangle, thì điều này không thay đổi vấn đề, sóng này vẫn có thể là một triangle.

Trong phân tích sóng, tồn tại các quy tắc và hướng dẫn rõ ràng khi phân tích một pattern sóng cụ thể, cho phép nhà giao dịch xác định chính xác pattern, giảm thiểu rủi ro xảy ra lỗi. Trong phân tích kỹ thuật thông thường, mọi thứ đều mơ hồ hơn và có rất ít quan sát về các pattern đã được thực hiện, vì thế mà có ít quy tắc chính thức hơn. Có lẽ đây là nguyên nhân giải thích cho việc phân tích sóng Elliott được đánh giá là một phương pháp khá phức tạp.

## Cách hoạt động của Elliott waves

Chúng ta đều biết thị trường được hình thành do sự tương tác của rất nhiều người tham gia, từ các nhà giao dịch bán lẻ đến các nhà tạo lập thị trường và ngân hàng thương mại. Những người tham gia này mở giao dịch dựa trên mục tiêu của họ. Do đó, giá của tài sản giao dịch liên tục thay đổi và sự thay đổi này được hiển thị trên biểu đồ thời gian thực. Những biểu đồ này có trong các phần mềm giao dịch và phân tích, phản ánh mọi chuyển động trên thị trường.

Ví dụ, một quốc gia quyết định mua thiết bị với số tiền lớn, do đó cần giao dịch tiền tệ, tức là bán một loại tiền tệ và mua một loại tiền tệ khác. Điều này chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến biểu đồ giá. Có lẽ được biểu thị dưới hình dạng của một sóng impulsive. Các nhà giao dịch có thể phát hiện ra động thái này và tham gia vào, tạo ra một sóng impulsive khác. Sau đó, các nhà đầu tư trung bình cuối cùng sẽ mua, tham gia thị trường và thu được lợi nhuận từ các biến động giá sau cùng của sóng impulsive, sau đó một đợt điều chỉnh sẽ bắt đầu.

Elliott đã theo dõi chặt chẽ các biểu đồ giá và nhận thấy sau mỗi biến động trên thị trường, một trong mười loại sóng luôn hình thành. Ông đã mô tả và phân loại tất cả các loại sóng, nhờ đó xuất hiện một bộ quy tắc và hướng dẫn phân tích sóng.

Nhà giao dịch nên tìm hiểu cách áp dụng các quy tắc và hướng dẫn này vào biểu đồ giá và xác định chính xác các sóng đang hình thành để đưa ra dự báo giá. Đây là cơ sở cho các quyết định giao dịch sau đây. Đó là cách Elliott wave hoạt động.

## Sóng là gì? Cách đếm sóng Elliott. Cách vẽ sóng Elliott.

Hãy cùng bắt đầu tìm hiểu quá trình phân tích sóng Elliot.

Đầu tiên, sóng là gì? Sóng là một thuật ngữ cơ bản của phân tích sóng vì toàn bộ thị trường sẽ hình thành các sóng, bắt đầu với một tick và các khung thời gian 1 phút và kết thúc bằng

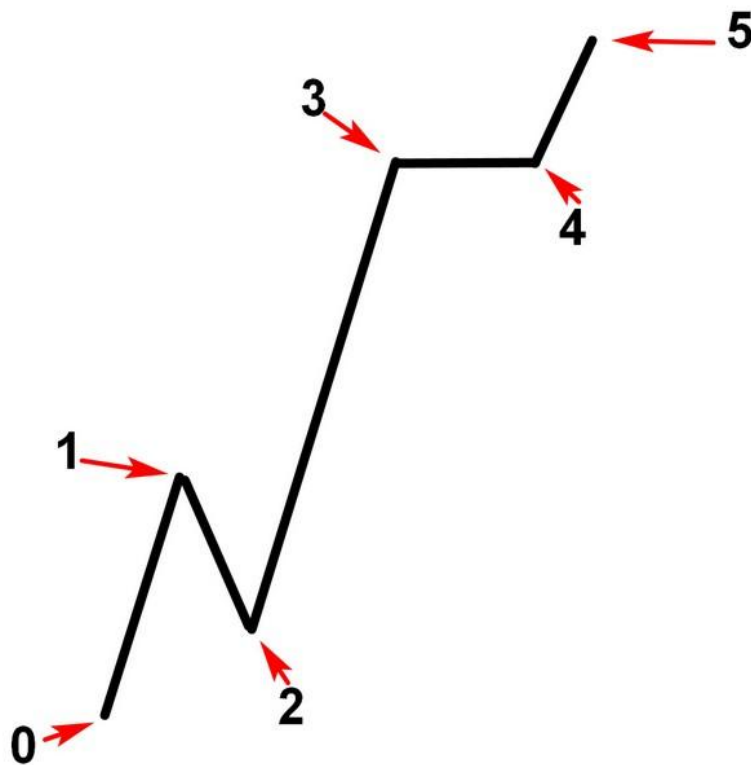
**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

các khung thời gian 1 tháng và dài hơn. Điều này có nghĩa là, chúng ta sẽ đều thấy sóng khi nhìn vào bất cứ đâu của biểu đồ.

Sau đây là định nghĩa về sóng: sóng là một phần của chuyển động giá từ hướng này sang hướng khác. Để làm rõ hơn, chúng ta hãy vẽ một phần của xu hướng tăng trong hình 2.



Hình 2.

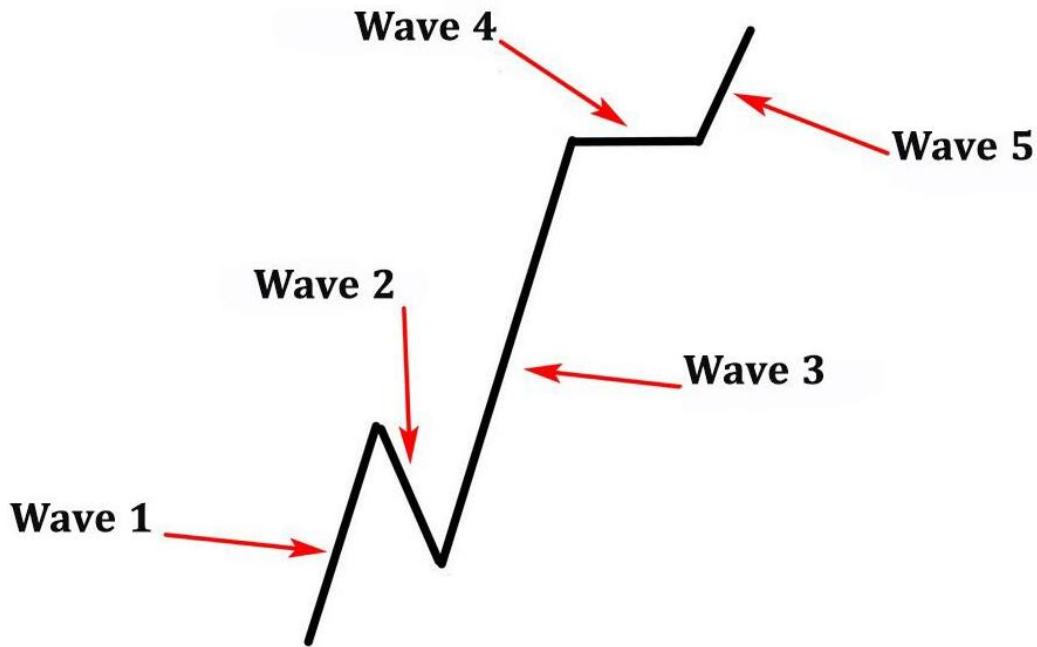
Hình ảnh này cho thấy một thị trường tăng giá, một xu hướng tăng, bao gồm năm sóng với 6 chấm: chấm 0, chấm 1, chấm 2, chấm 3, chấm 4 và chấm 5. Sự thay đổi hướng đầu tiên (từ tăng thành giảm) xảy ra trong chấm 1, vì vậy chúng ta có thể cho rằng sóng đầu tiên tiếp tục từ chấm 0 đến chấm 1.

Trong chấm 2, giá thay đổi hướng từ giảm sang tăng và thị trường tăng giá tích cực vẫn còn đó. Điều này cho thấy sóng thứ hai là phân đoạn chuyển động giá từ chấm 1 đến chấm 2. Tương tự, chúng ta có thể xác định sóng thứ ba nằm giữa chấm 2 và sau đó là sóng thứ tư và thứ năm. Hãy đánh dấu các sóng trong hình 3.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



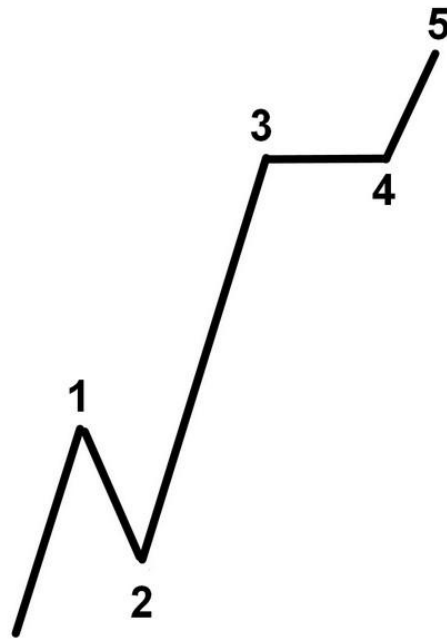
Hình 3.

Có một thời điểm rất quan trọng cần lưu ở đây: trong phân tích Elliott wave, tên của một sóng được đánh dấu ở phần gần cuối của nó. Vì vậy, cách đánh dấu sóng hợp lý là cách được hiển thị trong hình 4 (một sóng impulsive bao gồm năm sóng).

**Tác giả**

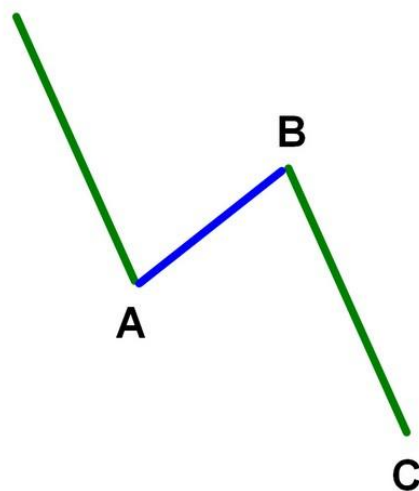
Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 4.

Để hiểu rõ hơn, chúng ta hãy xem xét một phân đoạn sóng giảm trong hình 5 bao gồm ba sóng: A, B và C.



Hình 5.

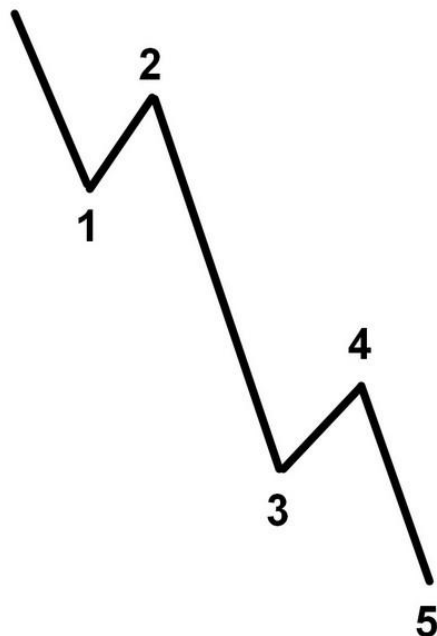
Nếu chúng ta muốn nói đến sóng A, chúng ta nói đến sóng giảm đầu tiên được đánh dấu bằng màu xanh lá cây. Nếu chúng ta đang nói về sóng B, đó là sóng tăng được đánh dấu bằng màu xanh lam. Nếu chúng ta nói đến sóng C, đó là sóng giảm thứ hai được đánh dấu bằng màu xanh lá cây. Nhân đây, một chu kỳ Elliott wave hoàn chỉnh bao gồm tám sóng, một sóng impulsive và một sóng corrective.

Chúng ta đã tìm hiểu sóng là gì và học cách đánh dấu sóng đúng cách trong biểu đồ. Tiếp theo, chúng ta sẽ tìm hiểu về các ý tưởng cơ bản khác của lý thuyết Elliott wave trong Forex.

Phần tiếp theo (sóng actionary và sóng reactionary) sẽ được công bố dưới đây trong vòng một tuần. Đừng quên lưu lại đường link và quay lại sau một tuần!

## Sóng actionary (sóng hoạt động) và sóng reactionary (sóng phản ứng)

Dựa trên chức năng của chúng, tất cả các sóng được chia thành 2 loại: hoạt động và phản ứng. Để hiểu sự khác biệt giữa chúng, chúng ta hãy vẽ một đoạn sóng của xu hướng giảm trong hình 6.



Hình 6.

**Tác giả**

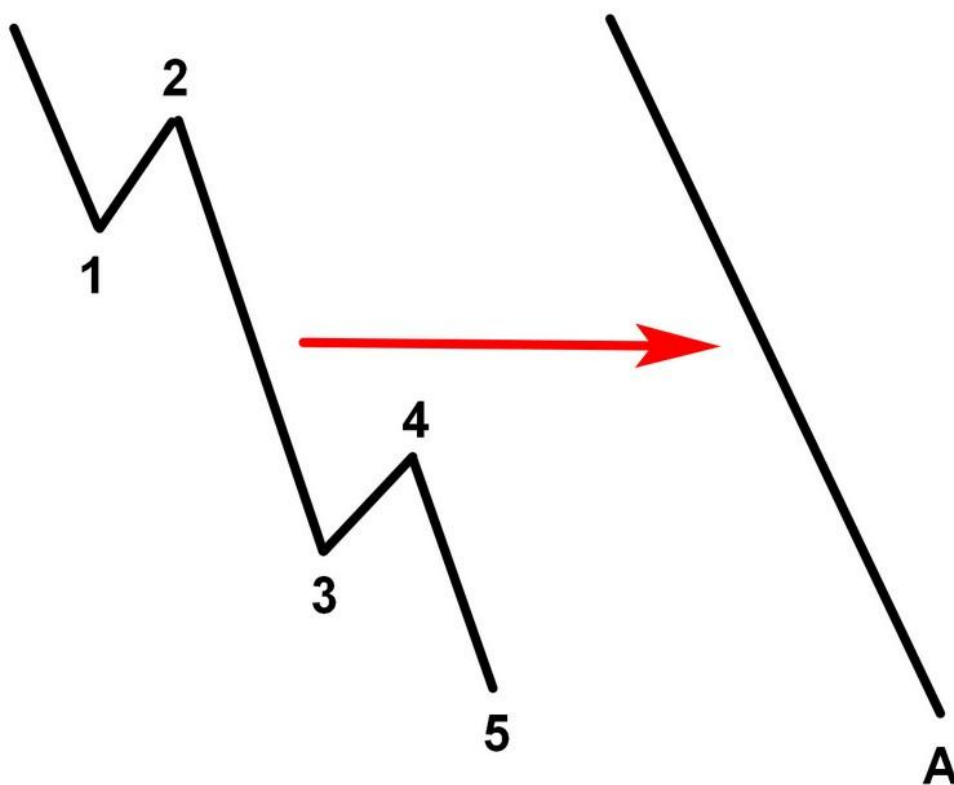
Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Chúng ta thấy sóng 1 đang đưa thị trường xuống dưới, tác động lên nó, trong khi sóng 2 đang cố gắng tạo ra một sự thoái lui theo hướng ngược lại, tức là để phản ứng chống lại các biến động giá giảm mạnh. Tiếp theo, sóng 3 đang tác động lên thị trường một lần nữa, cố gắng đẩy nó xuống càng thấp càng tốt, trong khi sóng 4 đang phản ứng chống lại chuyển động này bằng cách tạo ra một sự thoái lui hướng lên. Sau đó, chúng ta thấy sóng 5 hoạt động trở lại và đẩy thị trường đi xuống.

Vì vậy, trong một đầy bao gồm năm sóng, chúng ta có thể tách ra ba sóng actionary: 1, 3 và 5 và 2 sóng reactionary: 2 và 4.

Tiếp theo, hãy cùng tìm hiểu qua một số thuật ngữ. Sóng actionary là sóng phát triển theo cùng hướng với sóng cao hơn một cấp độ. Để hiểu "sóng cao hơn cấp độ" là gì, vui lòng xem hình 7.



Hình 7.

Nếu chúng ta lập nhóm theo giản đồ bao gồm năm sóng, ba sóng impulsive và hai sóng corrective, trong hình 7 thành một sóng duy nhất, chúng ta sẽ có một sóng giảm được đánh dấu là sóng A ở bên phải. Trong trường hợp này, sóng A là sóng lớn hơn một cấp độ, một xu hướng lớn hơn. Điều này cho thấy tất cả các sóng actionary ở phần bên trái của hình 7 là

**Tác giả**

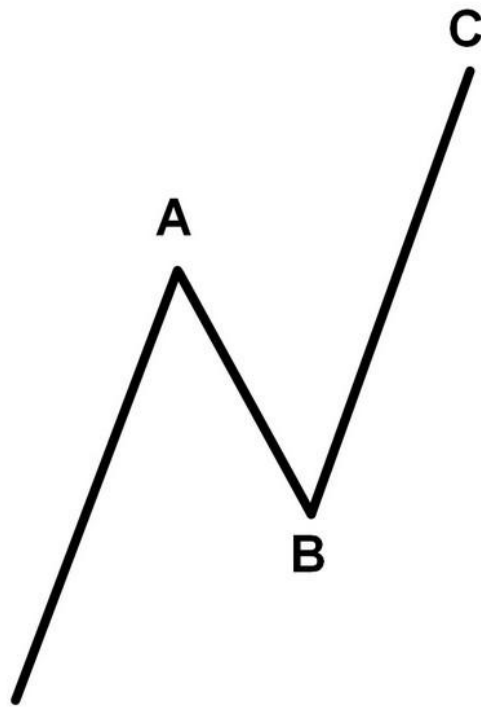
Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

những sóng hướng xuống dưới tương tự sóng A. Các sóng reactionary là những sóng có hướng ngược lại sóng chính, tức là hướng lên trên.

Theo đó, sóng reactionary có thể được xác định như sau: sóng reactionary là sóng có hướng ngược lại với hướng của sóng lớn hơn một cấp độ. Trong ví dụ chúng tôi đã đưa ra, sóng reactionary là sóng 2 và 4.

Để hiểu rõ hơn, hãy vẽ sơ đồ phân đoạn sóng A-B-C của xu hướng tăng (xem pic.8).



Hình 8.

Chúng ta có thể dễ dàng đoán được phân đoạn này được tạo thành từ 3 sóng và sóng lớn hơn một cấp độ được hướng lên trên vì toàn bộ phân đoạn đều hướng lên. Do đó, các sóng reactionary ở đây là sóng A và C, khi thị trường tăng giá bắt đầu, còn sóng reactionary là sóng B.

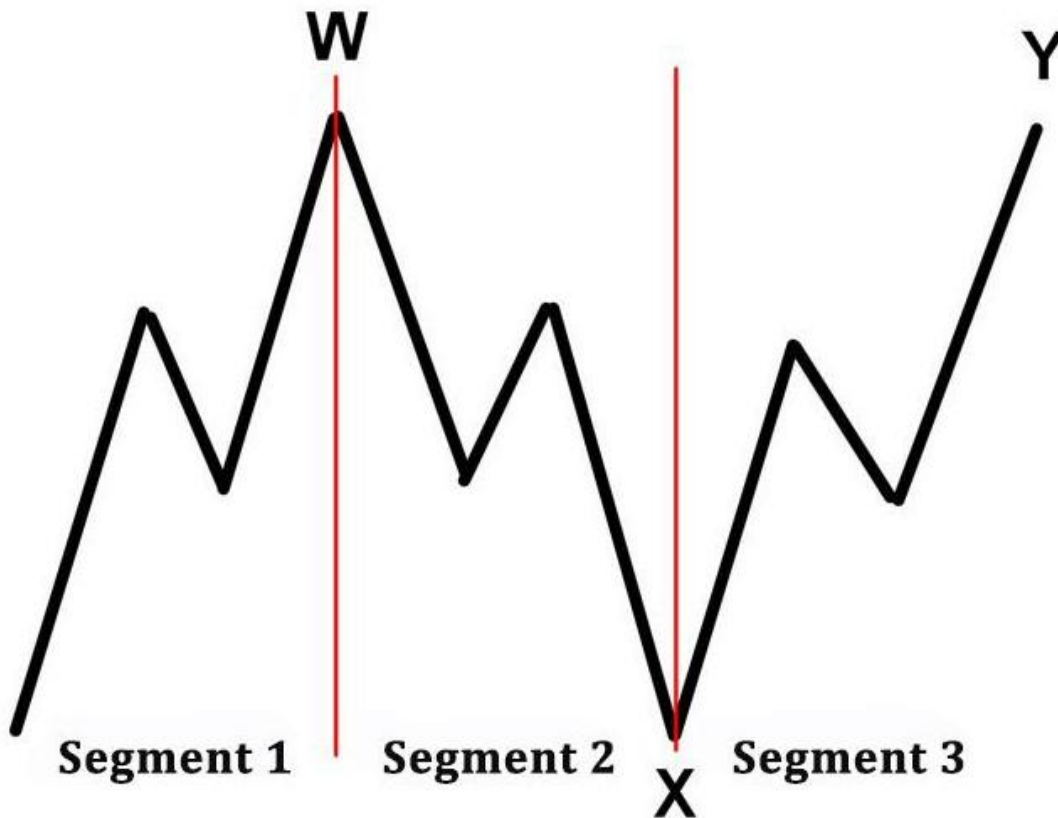
Chúng ta đã nắm được cách xác định các sóng actionary và sóng reactionary trong các xu hướng giảm hoặc xu hướng tăng dựa trên cơ sở phân tích thị trường. Vậy, đối với các giai đoạn flats, chúng ta sẽ xử lý thế nào? Hãy cùng tìm hiểu.

Dưới đây là giản đồ flat.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 9.

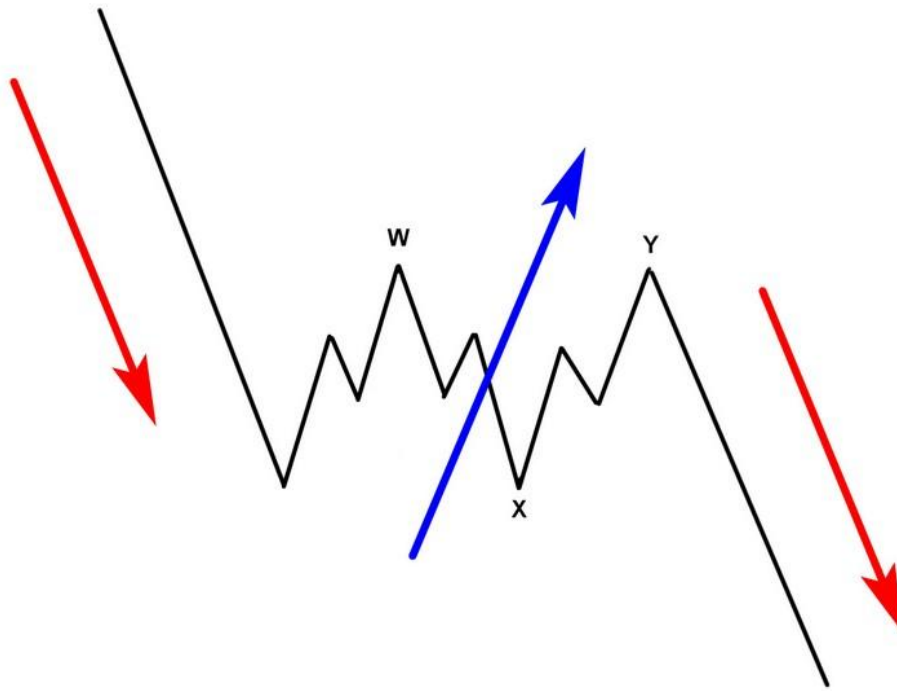
Làm thế nào để xác định sóng actionary và sóng reactionary? Trước hết, bất kỳ phân đoạn flat phức tạp nào cũng có thể được phân thành các phần đơn giản hơn. Chúng ta đã chia flat thành 3 phần bằng cách vẽ các đường thẳng đứng qua các đỉnh sóng W và X. Giờ đây, bằng cách xem xét 3 phần này, chúng ta có thể dễ dàng quyết định sóng nào là hoạt động và phản ứng. Phân đoạn đầu tiên hướng lên, nghĩa là các sóng nằm bên trong phân đoạn này và hướng lên trên là sóng actionary trong khi sóng hướng xuống dưới sẽ là sóng reactionary. Tương tự, chúng ta sẽ chia các sóng thành sóng actionary và phản ứng trong phân đoạn thứ hai và thứ ba. Trong phân đoạn thứ hai, các sóng actionary hướng xuống, trong khi sóng reactionary nằm ở giữa và hướng lên trên. Trong phân đoạn thứ ba, các sóng actionary đang tăng dần và sóng reactionary đang giảm dần.

Tuy nhiên, nếu chúng ta nhóm toàn bộ phân đoạn từ hình 9 thành một sóng duy nhất, đó sẽ là sóng actionary hay sóng reactionary? Như bạn đã biết, điều này phụ thuộc vào hướng của sóng trong một xu hướng lớn hơn. Trong hình 10, chúng ta thấy sóng ở hình 9 và sóng của một sóng motive lớn hơn.

**Tác giả**

Roman Oegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 10.

Sóng W-X-Y là một phần của xu hướng lớn hơn hướng xuống (được đánh dấu bằng mũi tên màu đỏ) và nỗ lực hình thành một sự thoái lui theo hướng ngược lại, tức là hướng lên (được đánh dấu bằng một mũi tên màu xanh). Vì vậy, sóng W-X-Y là sóng reactionary so với sóng ở cấp độ lớn hơn.

Qua những gì được trình bày vừa rồi, chúng ta nắm được cách để phân biệt sóng actionary và sóng reactionary, đó là so sánh hướng của nó với hướng của xu hướng lớn hơn.

Sau khi đã nghiên cứu qua các trọng điểm, bạn có thể dễ dàng hiểu được khi một nhà phân tích "Hãy quan sát sóng reactionary của xu hướng này". Khái niệm sóng actionary và sóng reactionary cần thiết để dễ dàng xác định các phân đoạn biểu đồ nhất định.

## Chu kỳ giá đầy đủ. Sóng motive (sóng phát động) và sóng corrective (sóng điều chỉnh)

Chúng ta đã biết tất cả các sóng thị trường đều được chia thành hoạt động và phản ứng dựa trên chức năng của chúng. Tuy nhiên, sóng cũng có thể được phân chia dựa trên đặc điểm

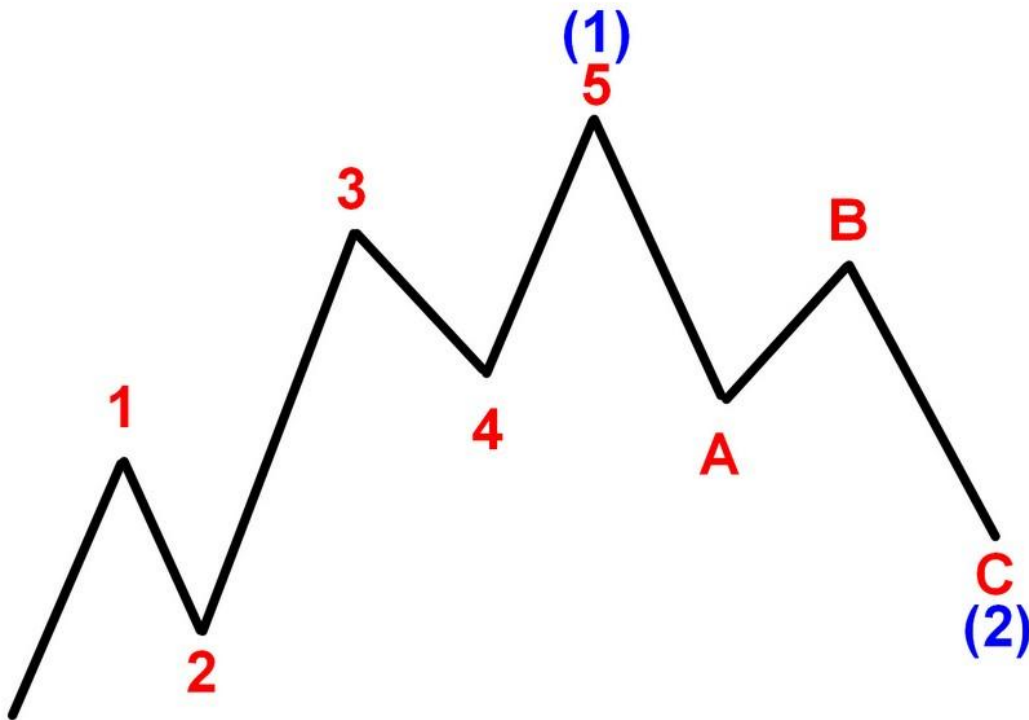
**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

của chúng. Có 2 kiểu phát triển của sóng: giai đoạn phát động (motive phase) và giai đoạn điều chỉnh (corrective phase). Sóng motive luôn bao gồm 5 phần. Sóng corrective được xây dựng từ 3 sóng hoặc một vài phần, mỗi phần chứa ba sóng, được kết hợp bởi một sóng liên kết. Để đơn giản hóa, chúng tôi sẽ minh họa sóng corrective chỉ được chia nhỏ thành 3 phần ở giai đoạn hiện tại.

Chúng ta hãy cùng xem xét cái gọi là chu kỳ giá đầy đủ. Chu kỳ giá đầy đủ là sự kết hợp giữa sóng motive và sóng corrective (xem hình 11).



Hình 11.

Sóng tăng là một sóng motive bao gồm 5 sóng phụ, trong khi sóng giảm là một sóng corrective được hình thành từ 3 sóng phụ. Hãy đánh dấu sóng motive là sóng (1) và sóng corrective là sóng (2).

Sóng motive luôn được đánh dấu bằng các số 1-2-3-4-5 và sóng corrective bằng các chữ cái A-B-C hoặc W-X-Y. Dựa trên loại sóng, các chữ cái XX, Z, D và E cũng có thể được sử dụng. Dựa trên các điều này, các sóng phụ của sóng motive và sóng corrective trong hình 11 đã được đánh dấu bằng các chữ cái và số màu đỏ.

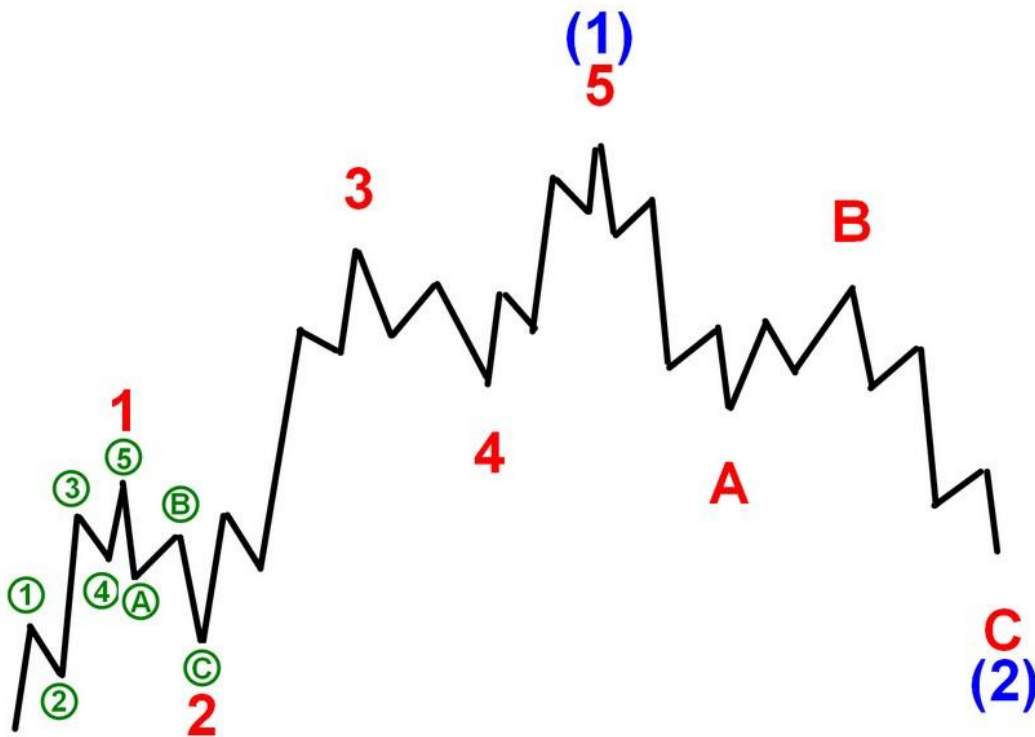
**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Lưu ý rằng phần đầu tiên của pattern - các sóng nhỏ 1 và 2 – là một bản sao nhỏ hơn của các sóng (1) và (2) lớn. Đó là lý do sóng 1 nhỏ cũng bao gồm 5 sóng phụ nhỏ hơn, giống như sóng (1) lớn, và do đó cũng cần được đánh dấu bởi các số từ 1 đến 5.

Sóng 2 nhỏ là một bản sao nhỏ hơn của sóng (2) lớn, đó là lý do tại sao nó cũng mang đặc điểm của sóng corrective và được đánh dấu bởi các chữ cái A-B-C (xem hình 12).



Hình 12.

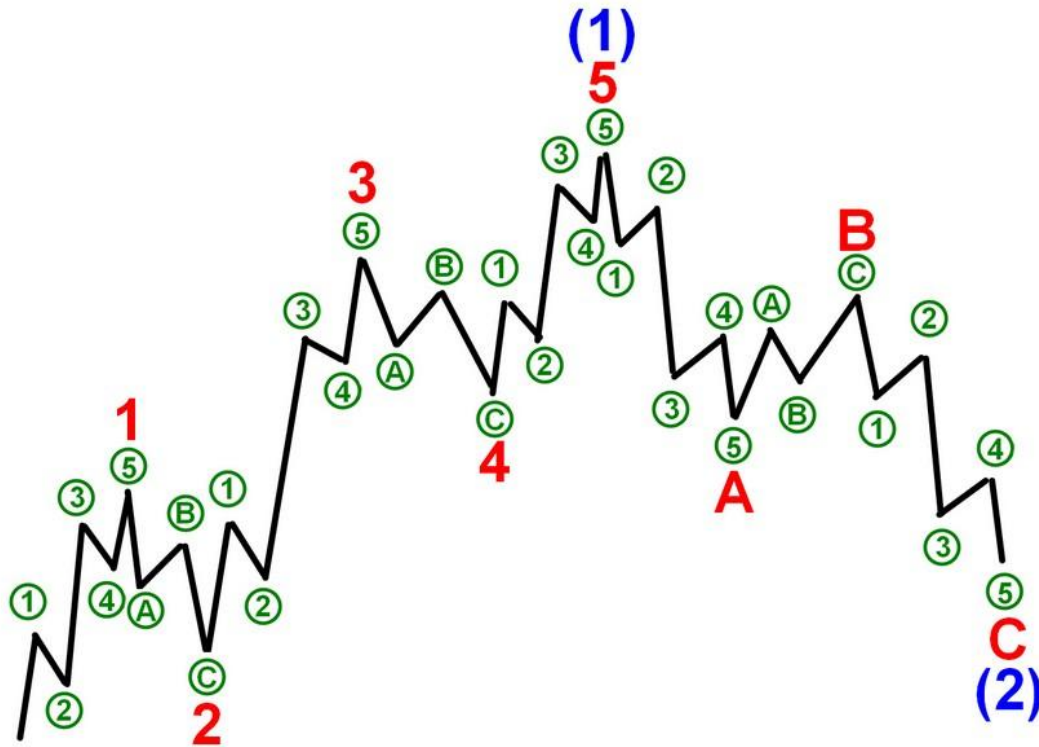
Tiến hành theo cách tương tự, có thể chia phần còn lại của các sóng trong pattern này thành các sóng motive và sóng corrective. Nghĩa là sóng 3 là phát động và được cấu thành từ 5 sóng phụ. Sóng 4 là sóng corrective và bao gồm 3 phần, và sóng 5 là phát động và được tạo thành từ 5 sóng phụ.

Đối với sóng (2) hướng xuống A-B-C, chúng ta bắt đầu quá trình đếm sóng từ đầu. Sóng A là sóng motive và bao gồm 5 phần; sóng B là sóng corrective và bao gồm 3 phần; sóng C là phát động (xem hình 13).

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 13.

Hãy quan sát cấu trúc của sóng 1 nhỏ nhất nằm ở góc dưới bên trái của biểu đồ và được đánh dấu bằng các số màu xanh lá cây, chúng ta sẽ phát hiện được sóng này cũng được hình thành từ 5 sóng phụ và phát triển các đặc điểm của sóng motive. Sóng nhỏ nhất 2 được tạo thành từ 3 sóng phụ và là sóng corrective.

Pattern chu kỳ giá đầy đủ hoàn toàn thể hiện nguyên tắc bản chất fractal của sóng. Khi quan sát pattern này, chúng ta thấy các sóng nhỏ tạo thành chính xác cùng một sóng lớn bằng cách kết hợp với nhau. Và điều thú vị nhất là tất cả các sóng này đều là bản sao chính xác của nhau, chỉ khác nhau về kích thước. Do đó, các sóng như vậy có thể được gọi là các sóng tương tự nhau. Pattern được minh họa trong hình 13 là fractal vì các sóng nhỏ giống với các sóng lớn trong cùng biểu đồ và ngược lại.

Nguyên tắc phân dạng này cần được hiểu và ghi nhớ vì chúng ta có thể có các sóng có cùng cấu trúc sóng trong các khung thời gian khác nhau, ví dụ, trong các khung thời gian một phút và một ngày. Nguyên tắc này cho phép chúng ta phân tích các biểu đồ dựa trên nguyên tắc Elliott wave trong bất kỳ khung thời gian nào. Chúng ta có thể đưa ra dự báo trong 10 phút gần nhất hoặc trong 10 năm tới.

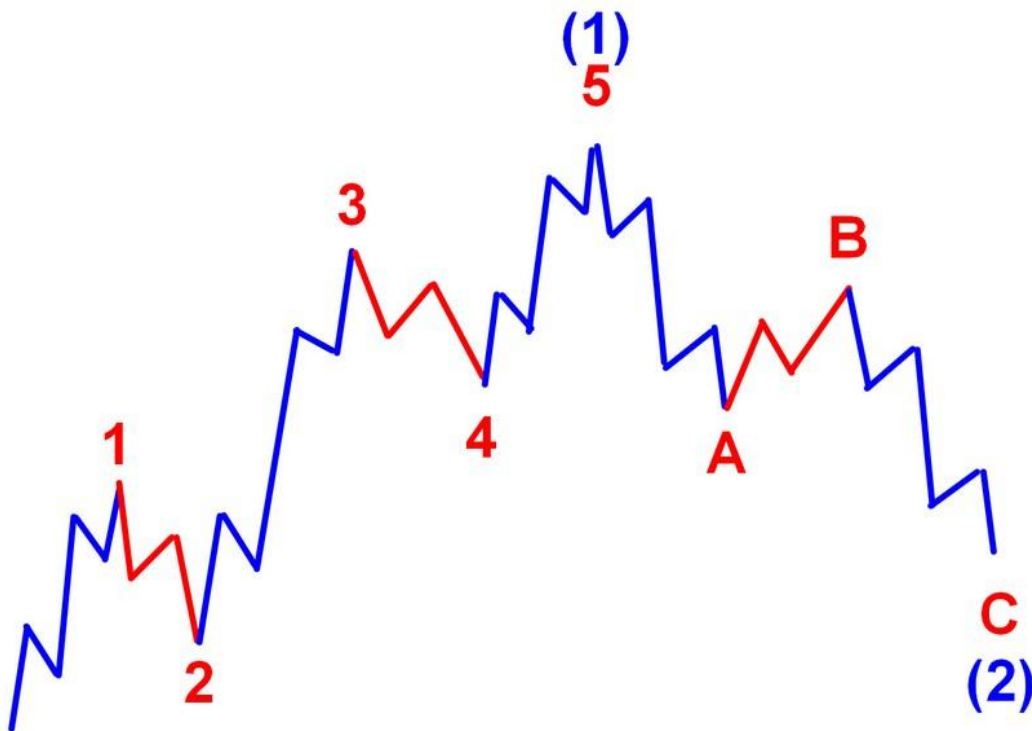
**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Hãy quay trở lại chu kỳ giá đầy đủ và mô tả ngắn gọn cấu trúc bên trong của nó. Tất cả các sóng actionary của nó là đều là sóng motive và tất cả các sóng reactionary là sóng corrective.

Để xác nhận điều này, hãy quan sát hình 14.



Hình 14.

Hãy cùng xem sóng (1). Nó được tạo thành từ 5 phần và do đó là một sóng motive. Tất cả các sóng actionary bên trong sóng này, tức sóng 1, 3 và 5 cũng là sóng motive và bao gồm 5 phần. Chúng được đánh dấu bằng màu xanh lam trong hình 15.

Tất cả các sóng reactionary bên trong sóng (1) bao gồm 3 sóng phụ. Chúng được đánh dấu màu đỏ. Điều tương tự cũng áp dụng cho sóng (2): sóng actionary là sóng motive và được tạo thành từ 5 phần (được đánh dấu bằng màu xanh lam), trong khi sóng reactionary là sóng corrective và bao gồm 3 phần (được đánh dấu bằng màu đỏ).

Vì vậy, chúng ta vừa xác nhận trên rằng tất cả các sóng actionary của pattern này là sóng motive và các sóng reactionary là sóng corrective.

Chúng ta còn cần lưu ý thêm: nếu sóng actionary luôn là sóng motive và sóng reactionary là sóng corrective, chúng ta sẽ không cần phải tách làm bốn cách gọi như trên, mà chỉ cần "phát

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

động" và "điều chỉnh" là đủ. Tuy nhiên, chúng ta cần tất cả 4 thuật ngữ này vì một số sóng hành động có thể vừa là động cơ vừa là khắc phục. Chúng ta chưa thể giải thích được điều này vì chúng ta cần nghiên cứu thêm về sóng corrective.

Chúng ta đã nghiên cứu chu kỳ giá đầy đủ, nguyên lý phân đoạn và sóng actionary/phản ứng. Ngoài ra, chúng ta đã tìm hiểu về sóng motive và sóng corrective.

Tiếp tục, hãy cùng nghiên cứu các loại sóng. Có 3 loại sóng motive và 7 loại sóng corrective. Do đó, tồn tại 10 loại sóng trong phân tích sóng. Chúng ta sẽ xác định các quy tắc và hướng dẫn cho từng loại sóng này.

## Các cấp độ sóng

Chúng ta đã biết rằng một phân đoạn biểu đồ cụ thể có thể chứa các sóng có kích thước khác nhau. Để phân biệt giữa các cấp độ sóng khác nhau, một hệ thống đánh dấu đặc biệt đã được cho ra đời.

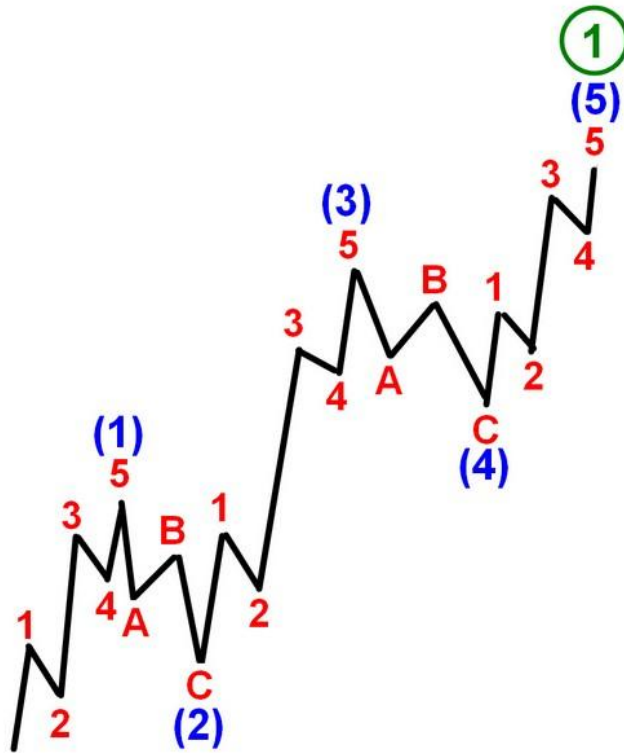
Chúng ta cần nhớ rằng giữa khung thời gian và cấp độ sóng không có sự kết nối chặt chẽ. Sóng có mức độ "Chu kỳ" có thể thuộc về cả khung thời gian hàng tuần và hàng giờ. Nó phụ thuộc vào cách các sóng lớn hơn hoặc nhỏ hơn một cấp độ đã được gọi. Việc lựa chọn điểm tham chiếu tùy thuộc vào bạn. Ví dụ, tôi thường đặt các sóng có cấp độ "Sơ cấp" trên khung thời gian H4 và đánh dấu phần còn lại của các cấp độ sóng dựa trên cấp độ "Sơ cấp".

Sóng ở cấp độ "Sơ cấp" được đánh dấu bằng chữ cái màu xanh lá cây và số trong vòng tròn (hoặc trong dấu ngoặc vuông). Theo thứ tự giảm dần, cấp độ sơ cấp được theo sau bởi cấp độ trung cấp. Sóng ở cấp độ trung cấp được đánh dấu bằng chữ cái màu xanh lam và các số trong ngoặc đơn. Tiếp theo, cấp độ nhỏ được đánh dấu bằng chữ cái và số màu đỏ. Trong hình 15, chúng ta có thể thấy một sóng impulsive tăng dần có chứa ba cấp độ sóng.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 15.

Việc sử dụng các màu sắc khác nhau giúp dễ dàng phân biệt giữa các sóng trong biểu đồ. Ví dụ, sóng thứ tư ở mức độ trung cấp có thể là zigzag ABC. Tuy nhiên, chúng ta cần thời gian để làm quen với sự khác biệt giữa các màu sắc này. Biểu đồ chỉ định cấp độ sóng được minh họa trong hình 16 dưới đây.

Các cấp độ sóng	Sóng motive	Sóng corrective	Khung thời gian
Millennial	1, 2, 3, 4, 5	A, B, C, D, E, W, X, Y, Z	Sóng Thiên niên kỷ và dài hơn
Grand Supercycle	[I] [II] [III] [IV] [V]	[a][b][c][d][e][w][x][y][z]	Thiên niên kỷ, thế kỷ

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Supercycle	(I) (II) (III) (IV) (V)	(a)(b)(c)(d)(e)(w)(x)(y)(z)	Thế kỷ, hàng năm
Cycle	I, II, III, IV, V	a, b, c, d, e, w, x, y, z	Hàng năm (annual), hàng quý, hàng tháng
Primary	[1] [2] [3] [4] [5]	[A][B][C][D][E][W][X][Y][Z]	Hàng quý (quarterly), hàng tháng, hàng tuần, hàng ngày
Intermediate	(1) (2) (3) (4) (5)	(A)(B)(C)(D)(E)(W)(X)(Y)(Z)	Hàng tháng (monthly), hàng tuần, hàng ngày
Minor	1, 2, 3, 4, 5	A, B, C, D, E, W, X, Y, Z	Hàng tháng, hàng tuần, hàng ngày, 240 phút
Phút	[i] [ii] [iii] [iv] [v]	[a][b][c][d][e][w][x][y][z]	Hàng tuần (weekly), hàng ngày, 480-60 phút
Minuette	(i) (ii) (iii) (iv) (v)	(a)(b)(c)(d)(e)(w)(x)(y)(z)	Hàng ngày (daily), 480-60 phút
Subminuette	i, ii, iii, iv, v	a, b, c, d, e, w, x, y, z	480-60 phút và ngắn hơn

Thứ tự của màu sắc phải luôn được tuân thủ. Cấp độ sóng đánh dấu đỏ được theo sau bởi cấp độ sóng đánh dấu xanh lá cây. Sau đó chuyển sang màu xanh, và trình tự này lặp lại. Đỏ, xanh lá cây, xanh dương. Và một lần nữa: đỏ, xanh lá cây, xanh dương. Sóng cấp độ xanh lá luôn được khoanh tròn hoặc đặt trong ngoặc vuông, sóng xanh dương nằm trong ngoặc vuông và sóng đỏ luôn được chỉ định mà không có ngoặc. Nếu bạn ghi nhớ những điều được trình bày trên đây, bạn sẽ dễ dàng tìm thấy phương hướng cho mình ở khía cạnh cấp độ sóng, ngay cả ở giai đoạn đầu tiên của quá trình học hỏi.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

## Số Fibonacci

Phân tích Elliott wave trên thị trường Forex sử dụng rộng rãi các số Fibonacci để dự đoán kích thước sóng.

Chuỗi Fibonacci được phát hiện bởi nhà toán học người Ý Leonardo Fibonacci, người sống vào thế kỷ 13. Chuỗi này lần đầu tiên được công bố trong "Book on calculation", 1202.

Trình tự dựa trên giải pháp cho bài toán con thỏ được xây dựng như sau: "Từ một cặp thỏ, có thể sinh thêm bao nhiêu cặp thỏ trong một năm nếu mỗi cặp sinh được thêm một cặp trong mỗi tháng, bắt đầu từ tháng thứ hai mà chúng còn sống". Giải pháp cho vấn đề này là chuỗi Fibonacci nổi tiếng.

Trước hết chúng tôi sẽ không giải thích cách giải pháp đã được tìm ra và sẽ đề cập sau. Câu trả lời có thể được viết ra dưới dạng một chuỗi các số:

1, 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, 55, 89, 144... và v.v.

Chuỗi này có một số thuộc tính đáng chú ý. Một trong số đó là nếu bạn lấy hai phần tử lân cận trong chuỗi và chia phần tử nhỏ hơn cho phần tử lớn hơn, bạn sẽ có giá trị 0,618, được biết đến trên toàn thế giới với tên gọi "tỷ lệ vàng" hoặc "mặt cắt tỷ lệ vàng". Giá trị này được gọi là "phi". Ví dụ, hãy chia phần tử thứ 11 của chuỗi cho phần tử thứ 12, tức là 89 cho 144. Chúng ta sẽ có 0,61805.

Nếu chúng ta chia phần tử lớn hơn cho phần tử nhỏ hơn, chúng ta sẽ có giá trị nghịch đảo là 1,618. Ví dụ,  $89/55=1,618$ .

Giá trị 1,618 (0,618) được gọi là "tỷ lệ vàng" hoặc "mặt cắt tỷ lệ vàng". Sự hài hòa của nó tạo cảm giác dễ chịu về thị giác và là một khái niệm quan trọng trong âm nhạc, nghệ thuật, kiến trúc và sinh học.

Ngoài ra, tỷ lệ này tạo thành một xoắn ốc vàng, xuất hiện đa dạng trong các tạo tác của thiên nhiên như lá dương xỉ, vỏ ốc sên, các thiên hà, v.v (Xem hình 17).

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



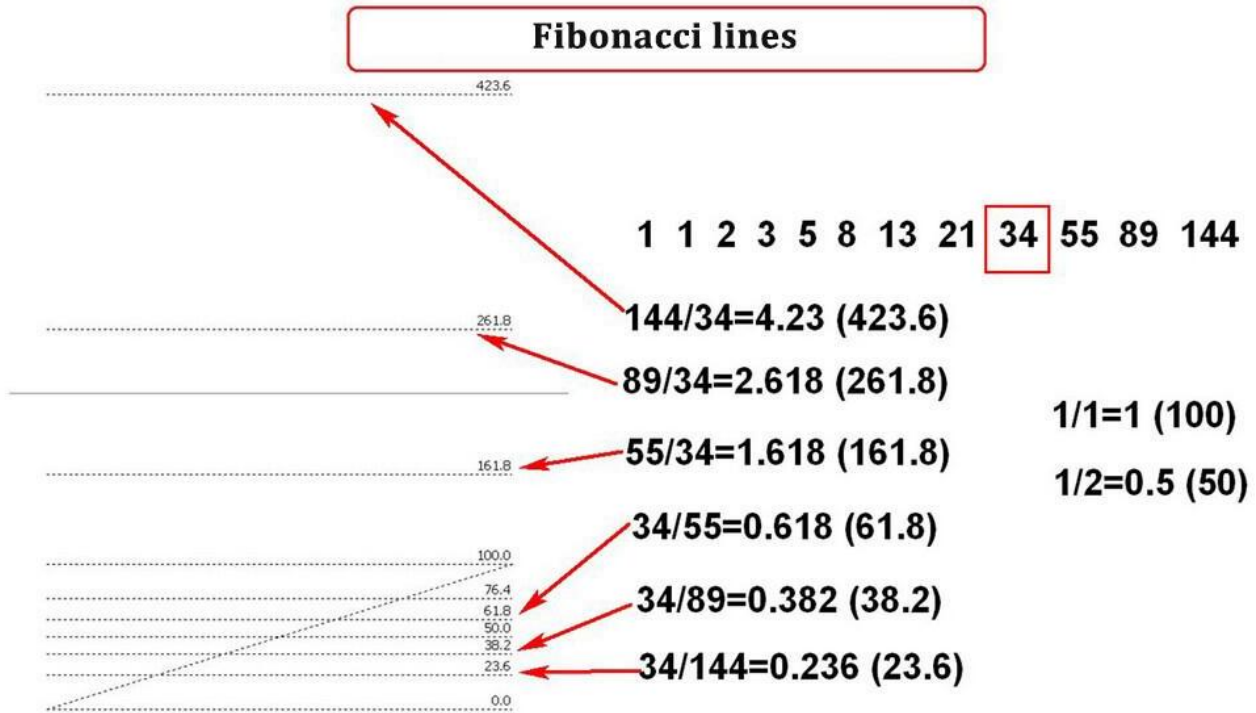
Hình 17.

Một điểm đặc biệt quan trọng khác của các số Fibonacci là chúng ta sẽ có các giá trị hoàn toàn khác nhau nếu chúng ta chia một phần tử không phải cho phần tử gần nhất mà cho phần tử gần nhất tiếp theo. Ví dụ:  $34/89=0,382$  (38,2%), hoặc  $55/34=1,618$  (161,8%). Đó là cách chúng ta có được tất cả 8 giá trị được sử dụng để xây dựng Fibonacci thoái lui. Các đường Fibonacci đều có mặt trong bất kỳ chương trình phân tích kỹ thuật nào (xem hình 18).

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



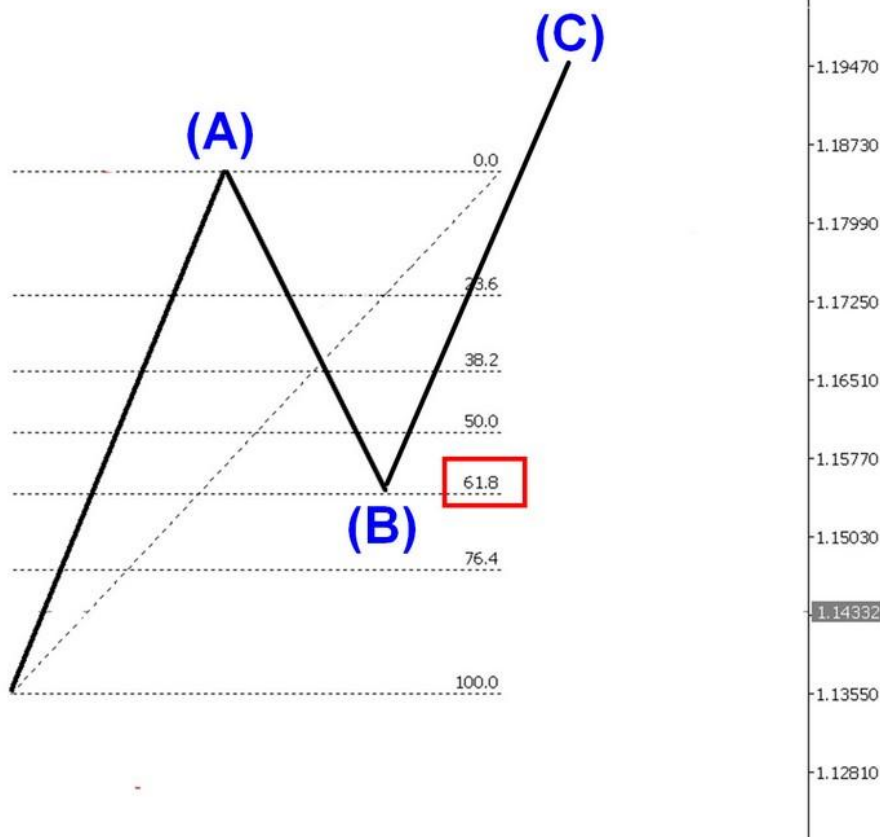
Hình 18.

Chúng giúp đo kích thước của một sóng so với một sóng khác theo phần trăm. Ví dụ, sóng (B) thường bằng 61,8% sóng (A) theo trong một zigzag. Loại tình huống này được thể hiện trong hình 19. Các phép đo được thực hiện bằng cách sử dụng công cụ nêu trên.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 19.

Bây giờ, hãy viết xuống theo % tất cả các tỷ lệ được sử dụng trong phân tích sóng để dự đoán kích thước sóng: 23,6%, 38,2%, 50%, 61,8%, 76,4%, 100%, 161,8%, 261,8%, 423,6%. Ví dụ: kích thước của sóng 2 thường bằng 50%, 61,8% hoặc 76,4% của sóng 1. Biết được tính đều đặn thống kê này và xem xét cấu trúc bên trong của sự hình thành sóng 2, chúng ta có thể xác định khá chính xác điểm kết thúc dự kiến của nó. Do đó, nhà kinh doanh có cơ hội hoàn hảo để mở giao dịch có lợi nhuận hoặc đóng giao dịch sớm hơn dựa trên dự báo chính xác.

Có khá nhiều thông tin thống kê về kích thước của sóng motive và sóng corrective. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ giải quyết vấn đề này ở cuối bài viết vì chúng ta vẫn chưa tìm hiểu hết về tất cả các loại sóng.

## Sóng motive

Như chúng ta đã biết, có 10 loại sóng trong phân tích sóng: 3 loại sóng motive và 7 loại sóng corrective. Loại sóng motive mà chúng ta sẽ tìm hiểu trước hết là một sóng impulsive.

**Tác giả**

Roman Onegin

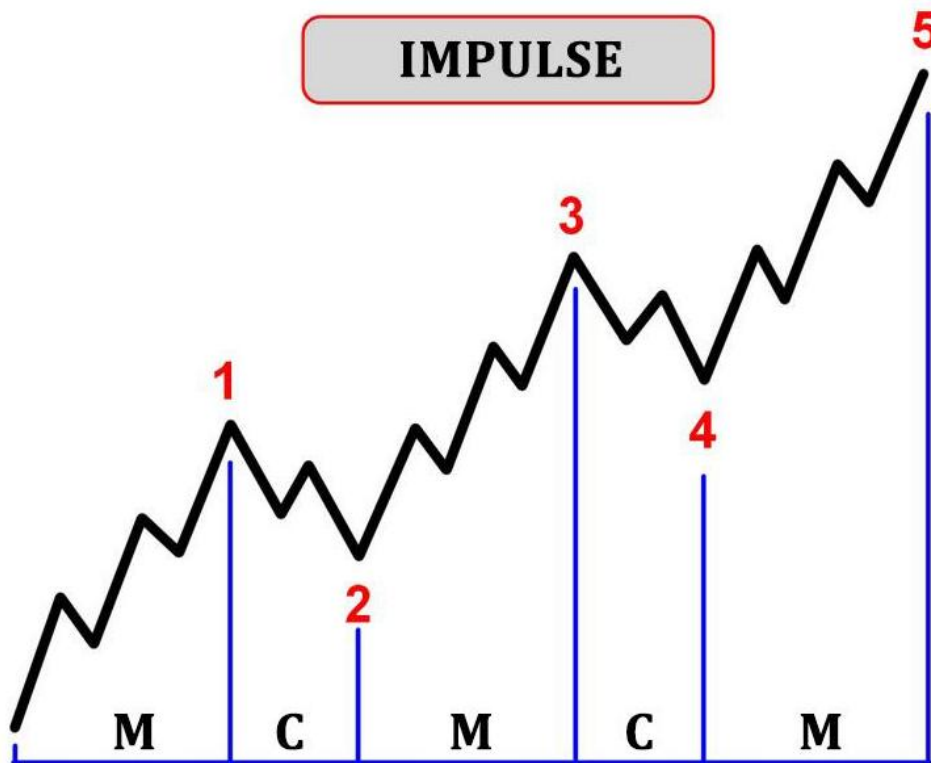
Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

## Sóng impulsive (sóng đẩy)

Sóng impulsive là loại sóng phổ biến nhất và thường thấy trên thị trường. Bất kỳ pattern điều chỉnh phức tạp nào cũng có thể được chia thành các sóng impulsive, cho thấy một sóng impulsive là phần tử cơ bản. Khi được kết hợp trong các tổ hợp khác nhau, những phần tử này tạo nên các sóng lớn hơn với độ phức tạp đa dạng. Về phần sóng corrective, dù có phức tạp đến đâu, vẫn có thể được phân tích thành các sóng impulsive cơ bản.

Điều này cũng tương tự với các nguyên tử trong vật lý. Các nguyên tử liên kết với nhau để hình thành nên tất cả các loại chất trong thế giới này. Vật chất bất kỳ có thể bị phân hủy thành các nguyên tử. Theo cách tương tự, sóng impulsive là một nguyên tử cơ bản hình thành nên tất cả các sóng trên thị trường.

Trước khi đề cập đến các quy tắc, chúng ta hãy cùng xem qua giản đồ của một sóng impulsive (xem hình 20).



Hình 20.

Các quy tắc của sóng impulsive.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

## Các quy tắc của sóng impulsive:

1. Một sóng impulsive bao gồm năm sóng nhỏ hơn.
2. Công thức sóng: M-C-M-C-M
3. Sóng 2 < Sóng 1
4. Sóng 3 vượt xa điểm kết thúc của Sóng 1
5. Điểm kết thúc của Sóng 4 cao hơn điểm kết thúc của Sóng 1
6. Sóng 3 không bao giờ là sóng ngắn nhất so với sóng 1 và 5.

## Nhận xét

Nhận xét về quy tắc 1:

- Một sóng impulsive luôn được tạo thành từ 5 sóng và được đánh dấu bởi các con số, giống với bất kỳ sóng motive nào.

Nhận xét về quy tắc 2:

- Sóng impulsive 1, 3 và 5 là sóng motive và sóng 2 và 4 là sóng corrective. Chúng ta có thể sử dụng công thức M-C-M-C-M để trình bày nó theo giản đồ. Đầu tiên, giản đồ cho thấy pattern bao gồm 5 sóng. Thứ hai, nó cho thấy đặc điểm của các sóng (phát động hoặc điều chỉnh).

Công thức sóng thường sử dụng các số 5 và 3, không phải các chữ cái M và C như trong các hướng dẫn phân tích sóng. Cá nhân tôi muốn sử dụng các chữ cái vì tôi đã nhận thấy nhiều người mới bắt đầu dễ bị nhầm lẫn bởi các con số. Nếu chúng ta sử dụng các con số cho công thức sóng impulsive, nó sẽ có dạng 5-3-5-3-5. Khi nhìn vào công thức này, người mới bắt đầu cho rằng số 3 ở vị trí thứ hai và thứ tư có nghĩa là sóng thứ hai và sóng thứ tư trong một sóng impulsive có thể chỉ chứa số lượng ba sóng. Tuy nhiên, có thể xảy ra trường hợp sóng corrective gồm 5 phần. Ví dụ, triangle A-B-C-D-E hoặc triple three W-X-Y-XX-Z. Do đó, số 3 trong công thức trên chỉ cho thấy sóng này là sóng corrective, không liên quan gì đến số lượng các phần trong pattern. Đó là lý do tôi đề nghị sử dụng chữ cái C thay vì số 3 biểu đạt rõ hơn, rằng sóng đang được phân tích là một sóng corrective. Sự biến tấu này sẽ hỗ trợ cho những người mới bắt đầu nghiên cứu phân tích sóng.

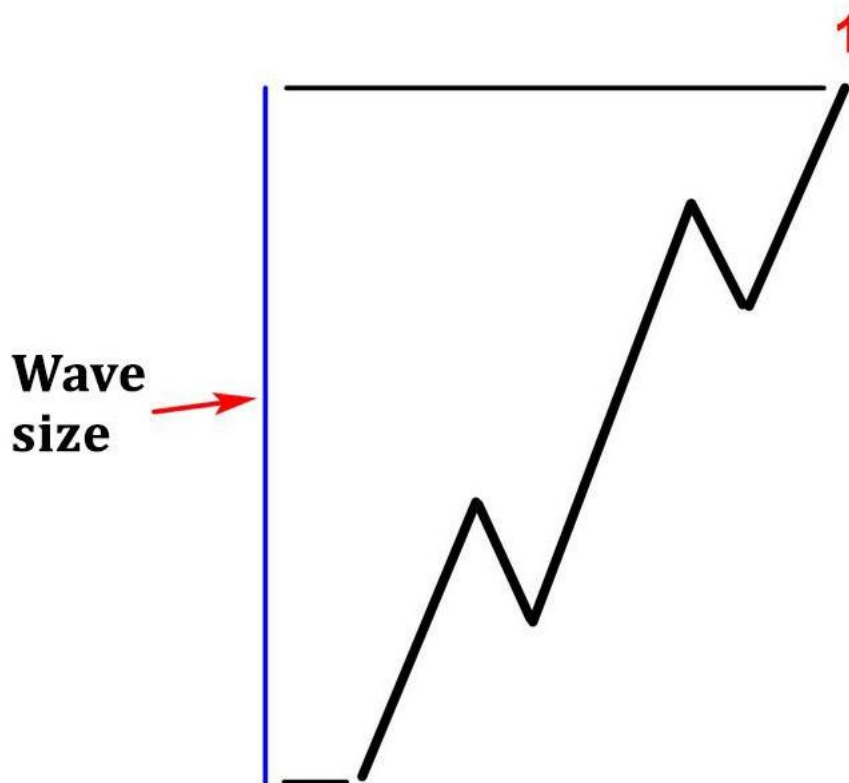
Nhận xét về quy tắc 3:

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

- Theo quy tắc số 3, kích thước của sóng 2 nhỏ hơn kích thước của sóng 1. Kích thước của một sóng được đo thông qua phép chiếu của nó lên trục tung. Điều này có nghĩa là kích thước của sóng 1 là chiều dài của đoạn thẳng đứng được đánh dấu xanh lam trong hình 21.



Hình 21.

Trong trường hợp kích thước sóng 2 lớn hơn kích thước sóng 1, chúng ta sẽ không có sóng impulsive mà là một cấu trúc sóng khác, hoặc điều này cho thấy chúng ta chưa xác định chính xác cấu trúc sóng.

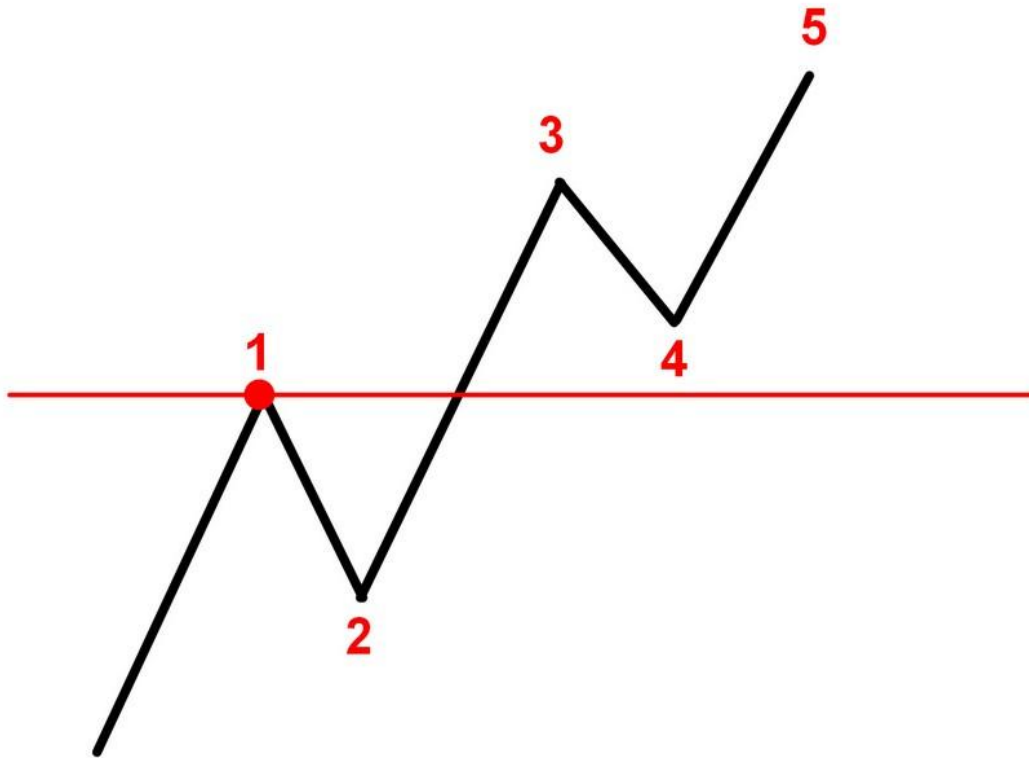
Nhận xét về quy tắc 4:

- Sóng 3 luôn vượt ra ngoài điểm kết thúc của Sóng 1. Quy tắc này quy định sóng 3 không được kết thúc thấp hơn mức được đánh dấu bằng đường ngang màu đỏ trong hình 22.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 22.

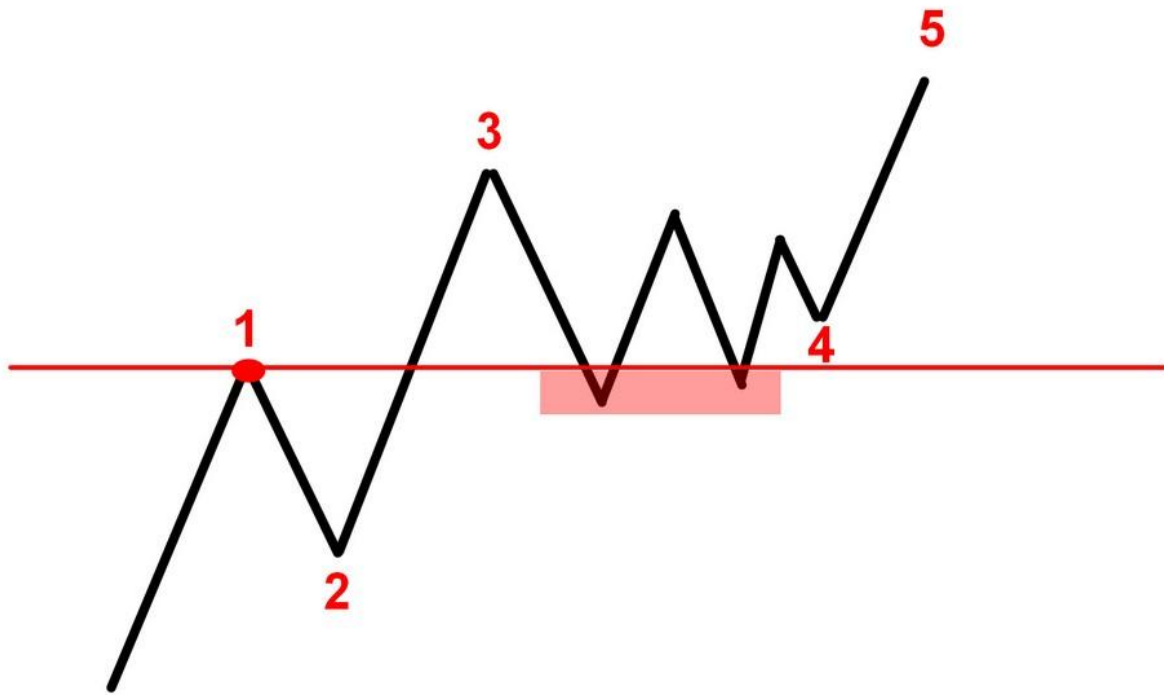
Nhận xét về quy tắc 5:

- Điểm kết thúc của Sóng 4 cao hơn kết thúc của Sóng 1, nghĩa là sóng 4 luôn kết thúc cao hơn điểm kết thúc của sóng 1 (nếu chúng ta đang nói về một sóng impulsive tăng dần). Ngoài ra, chúng ta cần lưu ý rằng sóng 4 có thể chuyển động thấp hơn điểm cuối của sóng 1 trong khi hình thành. Hãy tham khảo hình 23 để hiểu rõ hơn.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 23.

Chúng ta nhận thấy rằng sóng 4 đã chuyển động xuống dưới đường ngang màu đỏ được vẽ qua đỉnh của sóng 1, nhưng kể cả điều này, sóng 4 đã hoàn thành trên đường màu đỏ, tuân thủ thành công quy tắc. Những tình huống như vậy có thể xảy ra trên thị trường và chúng không nên được đánh giá là một sai lầm.

Nhận xét về quy tắc 6

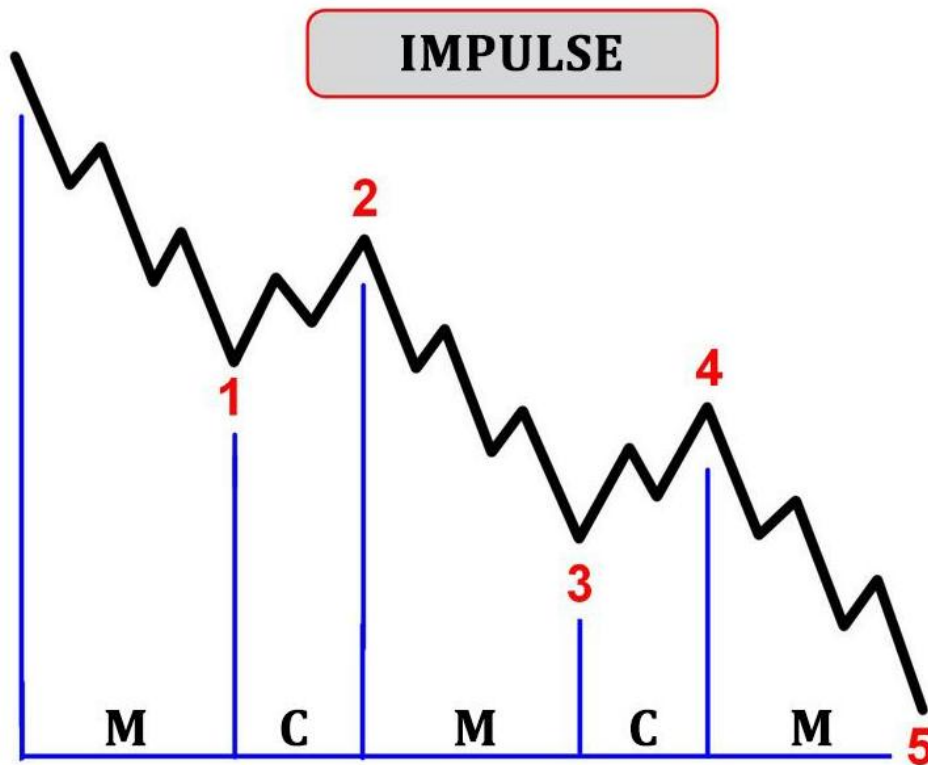
- Theo quy tắc thứ sáu, sóng 3 không bao giờ là sóng ngắn nhất so với sóng 1 và 5. Nói cách khác, sóng 3 không bao giờ có thể là sóng actionary ngắn nhất của một sóng impulsive. Quy tắc này, tương tự với các quy tắc còn lại, phải luôn được tuân thủ chặt chẽ và không được bỏ qua. Ngoài ra, hãy lưu ý rằng về mặt thống kê, sóng thứ ba thường là sóng actionary lớn nhất và mạnh (sharp) nhất của một sóng impulsive. Vì vậy, sóng 3 thường có xu hướng đi kèm với các yếu tố như khối lượng lớn hơn và chuyển động giá mạnh. Giao dịch trong sóng thứ ba là chiến lược có lợi nhất và chắc chắn nhất. Vì vậy, nếu trader đã học được cách xác định sóng thứ ba trên thị trường, họ rất có khả năng sẽ kiếm được lợi nhuận khi giao dịch.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Tất cả các quy tắc trên cũng áp dụng cho thị trường giảm dần. Hình 24 minh họa một sóng impulsive giảm dần.



Hình 24.

## Quy tắc của sóng impulsive giảm dần

1. Một sóng impulsive bao gồm năm sóng nhỏ hơn.
2. Công thức sóng: M-C-M-C-M
3. Sóng 2 điều chỉnh Sóng 1 ít hơn 100%
4. Sóng 3 vượt xa điểm kết thúc của Sóng 1
5. Điểm kết thúc của Sóng 4 thấp hơn điểm kết thúc của Sóng 1
6. Sóng 3 không bao giờ là sóng ngắn nhất so với sóng 1 và 5.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Tập hợp các quy tắc cho sóng impulsive tăng dần và giảm dần hầu như giống nhau. Sự khác biệt chỉ nằm ở hướng phát triển của sóng.

## Leading diagonal

Trong phần này của bài viết, chúng ta sẽ tìm hiểu về các sóng diagonal. Có các sóng diagonal và sóng ending diagonal. Các pattern này từng được gọi là "diagonal triangles" (triangle chéo). Sau đó, Robert Prechter, một chuyên gia nổi tiếng toàn cầu về lý thuyết Elliott wave, đã bỏ từ "triangle" khỏi tên của các diagonal để các nhà giao dịch toàn cầu không nhầm lẫn đặt diagonal chung vào danh mục triangle. Tôi hoàn toàn đồng ý với quyết định này để đơn giản hóa việc phân tích cho người mới.

Trong phần này, chúng ta sẽ nghiên cứu leading diagonal - loại sóng thứ hai mang đặc điểm của một sóng motive. Một tên khác của leading diagonal là "wedge" (cái nêm).

Vậy, một leading diagonal trông như thế nào? Trước hết, pattern này thường là dấu hiệu của một chuyển động mạnh (sharp) và luôn xảy ra ở vị trí của sóng impulsive 1 hoặc zigzag A.

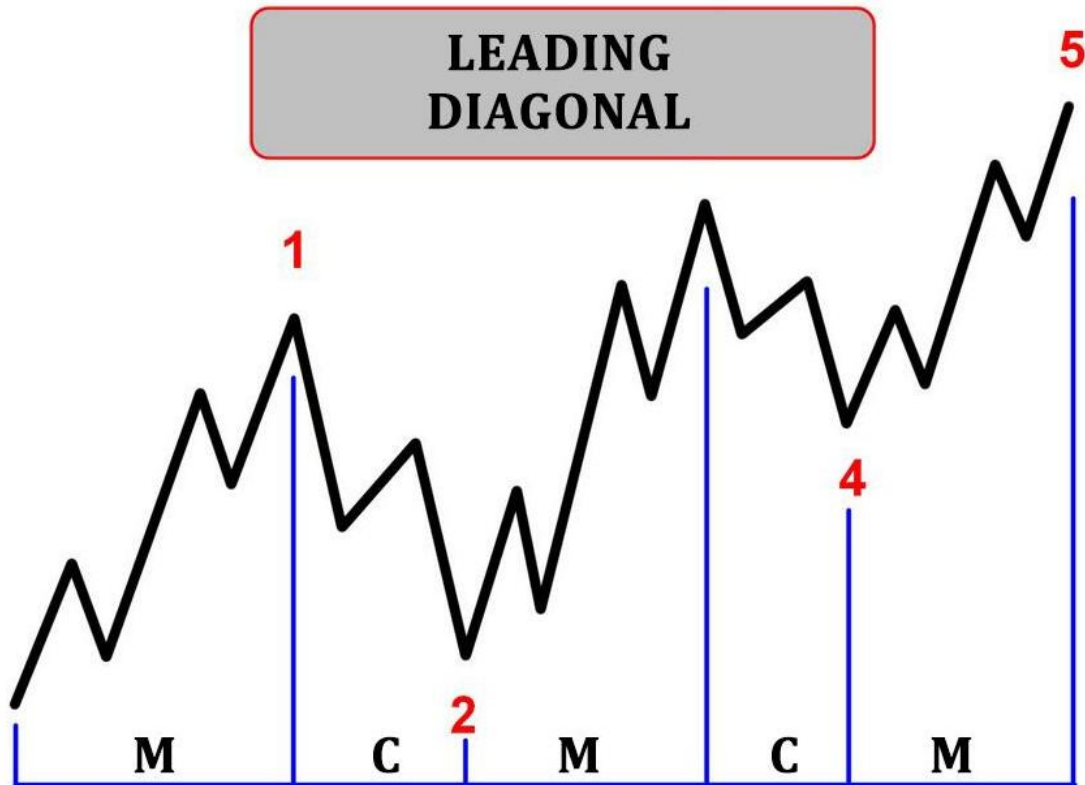
Nếu bạn đã xác định được leading diagonal trong biểu đồ, nó có thể là một dấu hiệu của một xu hướng mạnh mẽ và đó là một thời điểm tốt để tìm kiếm điểm vào lệnh.

Dưới đây là giản đồ leading diagonal trong hình 25.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 25.

**Quy tắc của một leading diagonal:**

1. Gồm 5 sóng.
2. Công thức sóng: M-C-M-C-M
3. Sóng 2 < Sóng 1
4. Sóng 3 vượt xa điểm kết thúc của Sóng 1
5. Sóng 4 hoàn thành giữa sóng 1 và 2.
6. Sóng 5 vượt xa điểm kết thúc của Sóng 3
7. Sóng 3 không bao giờ là sóng ngắn nhất.
8. Leading diagonal nằm ở vị trí sóng 1 của sóng impulsive hoặc sóng A của zigzag.

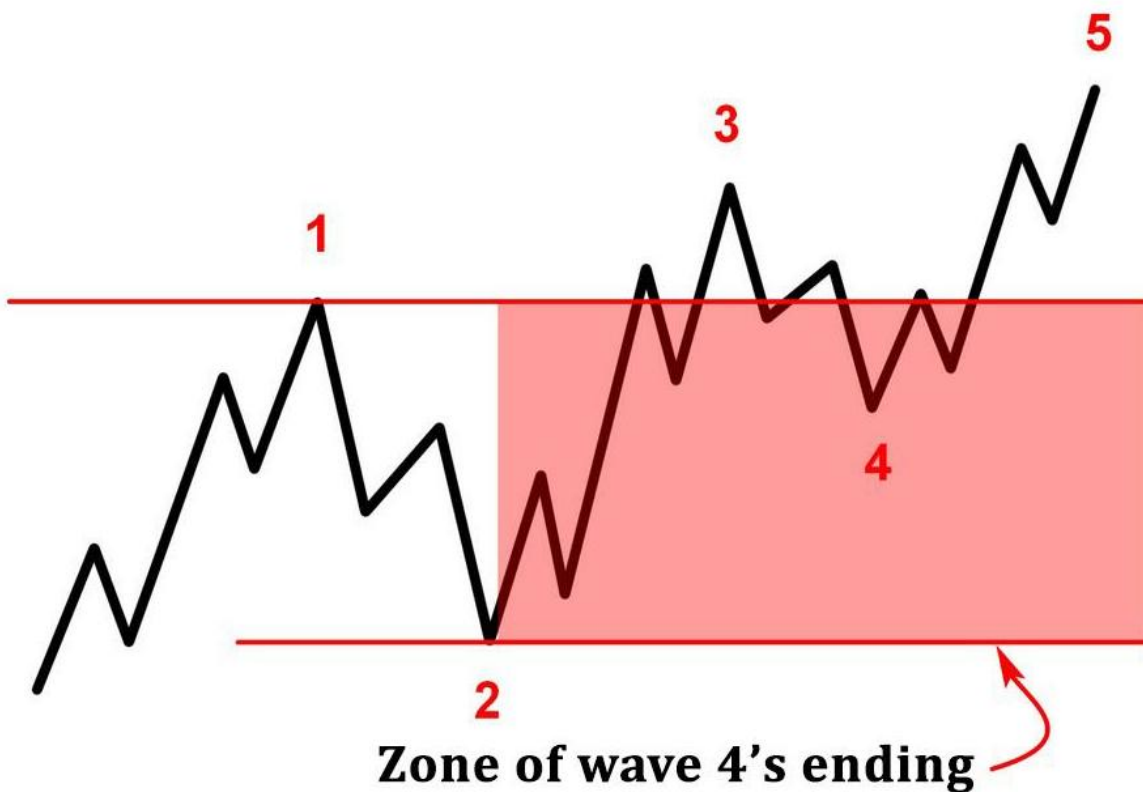
**Tác giả**

Roman Oegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

## Nhận xét về quy tắc:

Về mặt cấu trúc, một leading diagonal trông giống với một sóng impulsive: bao gồm 5 sóng có cùng công thức sóng. Sóng 3 luôn vượt xa điểm kết thúc của Sóng 1. Tuy nhiên, có một sự khác biệt trong quy tắc thứ năm: sóng 4 luôn hoàn thành ở đâu đó giữa các điểm kết thúc của sóng 1 và 2. Hãy xem hình 26.



Hình 26.

Hình 26 cho thấy vùng mà sóng 4 được cho là hoàn thành. Nếu sóng 4 hoàn thành bên ngoài vùng được chỉ định, điều này có nghĩa là chúng ta đã xác định một pattern khác hoặc các sóng chưa được xác định chính xác.

Một sự khác biệt khác giữa leading diagonal và sóng impulsive là sóng 5 luôn nằm trên điểm kết thúc của sóng 3. Điều này có nghĩa là sóng 5 không bao giờ bị cắt ngắn. Các quy tắc của các sóng impulsive hoàn toàn không bao gồm điểm này vì sóng thứ năm không bị giới hạn trong sự phát triển của nó ở đó. Nó có thể không đạt đến điểm kết thúc của sóng 3 (và được gọi là "cắt ngắn" trong trường hợp này) hoặc vượt qua kết thúc của sóng 3.

**Tác giả**

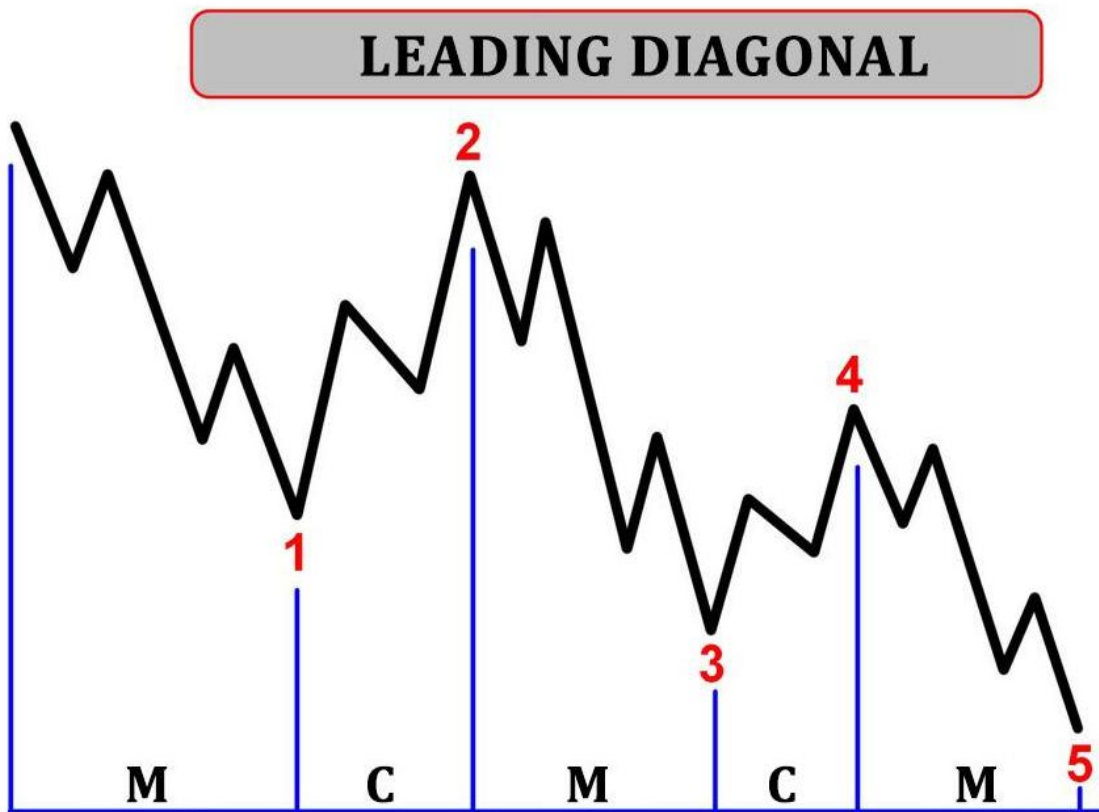
Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Tiếp theo, giống như trong một sóng impulsive, sóng 3 của một leading diagonal không bao giờ là ngắn nhất. Tuy nhiên, trái ngược với sóng impulsive, một wedge có thể chỉ được đặt ở vị trí sóng 1 của sóng impulsive hoặc sóng A của zigzag và nó cho thấy sự sắp bắt đầu của một xu hướng mạnh mẽ, như đã được đề cập trước đó.

Vì vậy, một leading diagonal là một sóng có các thuộc tính và hình dạng gọi chúng ta nhớ về một sóng impulsive. Sự khác biệt chính là vị trí của pattern và vùng kết thúc của sóng thứ tư.

Hãy cùng nghiên cứu một leading diagonal giảm dần. Bộ quy tắc của leading diagonal giảm dần hoàn toàn trùng khớp với quy tắc của leading diagonal tăng dần. Leading diagonal giảm dần được minh họa trong hình 27.



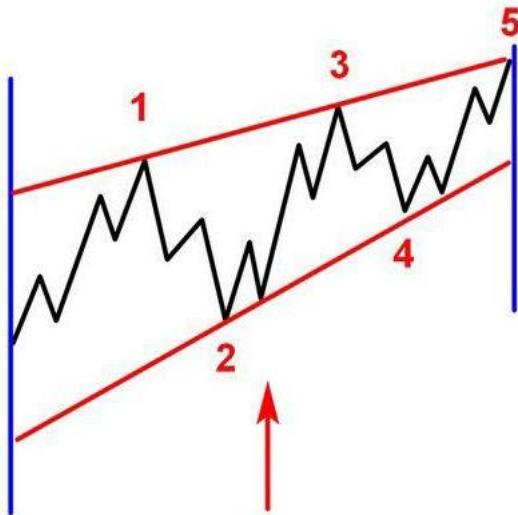
Hình 27.

Để kết luận, hãy tìm hiểu cách đánh dấu chính xác một leading diagonal trong một biểu đồ. Đầu tiên, vẽ hai đường từ đầu pattern đến cuối pattern. Đường trên được vẽ qua đỉnh của sóng 1 và 3, đường dưới được vẽ qua đỉnh của sóng 2 và 4. Hình 28 thể hiện cách các đường trên và đường dưới được vẽ theo các leading diagonal tăng dần và giảm dần.

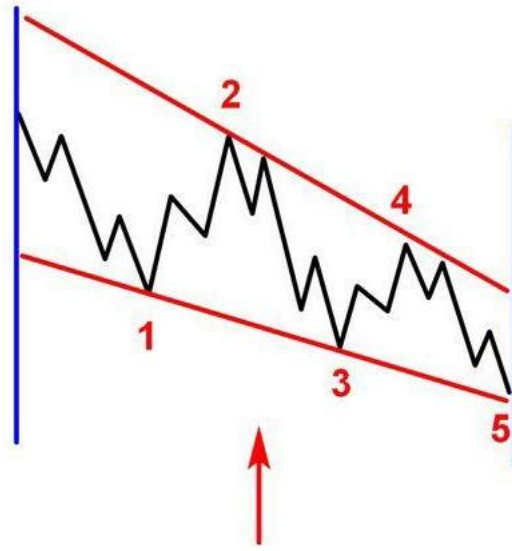
**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



**Upper and lower lines in an ascending leading diagonal**



**Upper and lower lines in an ascending leading diagonal**

Hình 28.

Dựa trên quan điểm thực tế, cách đánh dấu leading diagonal này trong biểu đồ rất thuận tiện. Khi có quá nhiều số và chữ cái trong biểu đồ, một diagonal được đánh dấu bằng các đường bắt mắt và làm cho tình hình rõ ràng hơn.

## Ending diagonal

Trong phần này của bài viết, chúng ta sẽ bàn về ending diagonal. Kiểu sóng diagonal này là loại sóng cuối cùng chứa cấu trúc ba sóng - một đặc điểm của sóng motive.

Như chúng ta đã tìm hiểu, một leading diagonal chỉ nằm ở vị trí sóng 1 của sóng impulsive hoặc sóng A của zigzag. Nó thường chỉ ra sự xuất hiện của một chuyển động mạnh mẽ.

Không giống với các leading diagonal, ending diagonal chỉ xảy ra ở cuối xu hướng, ở vị trí sóng thứ năm (sóng impulsive) hoặc ở vị trí sóng C (zigzag). Một ending diagonal rất hiếm khi xuất hiện ở vị trí sóng C trong một pattern flat. Chúng ta sẽ thảo luận về những pattern điều chỉnh này sau.

Khi bạn đã xác định được ending diagonal trên thị trường, bạn có thể kết luận rằng xu hướng trước đó sắp kết thúc và một sóng corrective hoặc xu hướng ngược lại sắp phát triển. Bởi các ending diagonal thường dễ nhận thấy trong biểu đồ, chúng ta có thể dự báo một điểm kết thúc xu hướng khá chính xác, có khả năng và nên được cân nhắc trong giao dịch.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



## Nhận xét về quy tắc:

Chúng ta có thể thấy tập hợp các quy tắc của một ending diagonal tương tự với các quy tắc cho một leading diagonal. Sự khác biệt chính nằm ở công thức sóng và vị trí pattern. Công thức sóng C-C-C-C-C của ending diagonal cho thấy pattern được tạo thành từ 5 sóng có đặc điểm điều chỉnh. Lưu ý rằng sóng 1, 3 và 5 của ending diagonal luôn là zigzag, nghĩa là tất cả các sóng actionary trong một ending diagonal là zigzag theo cấu trúc.

Một sự khác biệt nữa giữa một ending và một leading diagonal là ở vị trí của pattern. Là một sóng kết thúc, một ending diagonal chỉ có thể xảy ra ở vị trí sóng 1 của sóng impulsive hoặc sóng C của zigzag. Ngoài ra, các ending diagonal đôi khi có thể nằm trong sóng C của một pattern flat.

Một điểm khác biệt nữa là sóng 5 của ending diagonal có thể bị cắt ngắn, nghĩa là nó không phải lúc nào cũng chạm đến đường ngang được vẽ qua đỉnh của sóng 3.

Khi tôi thấy một ending diagonal xuất hiện trong biểu đồ giá, tôi thường đóng các vị thế đã mở trước đó hoặc sẵn sàng mở các vị thế mới theo hướng ngược lại với xu hướng trước đó bởi vì tôi biết rằng một khi ending diagonal đã hình thành, thị trường bắt đầu lao theo hướng ngược lại.

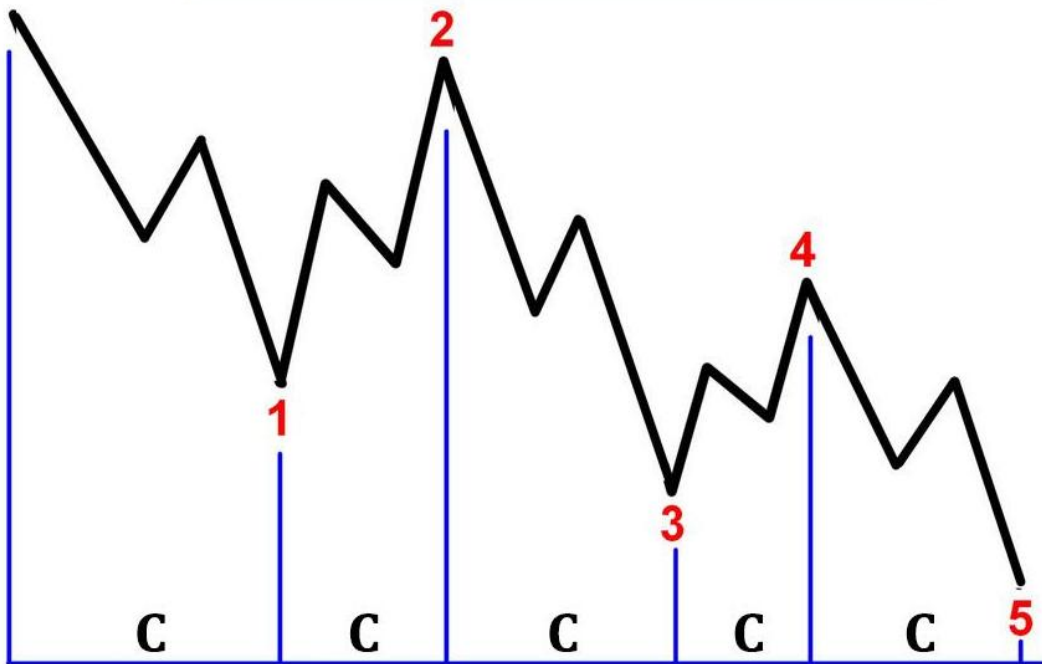
Sơ đồ ending diagonal giảm dần được minh họa trong hình 30.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

## ENDING DIAGONAL



Hình 30.

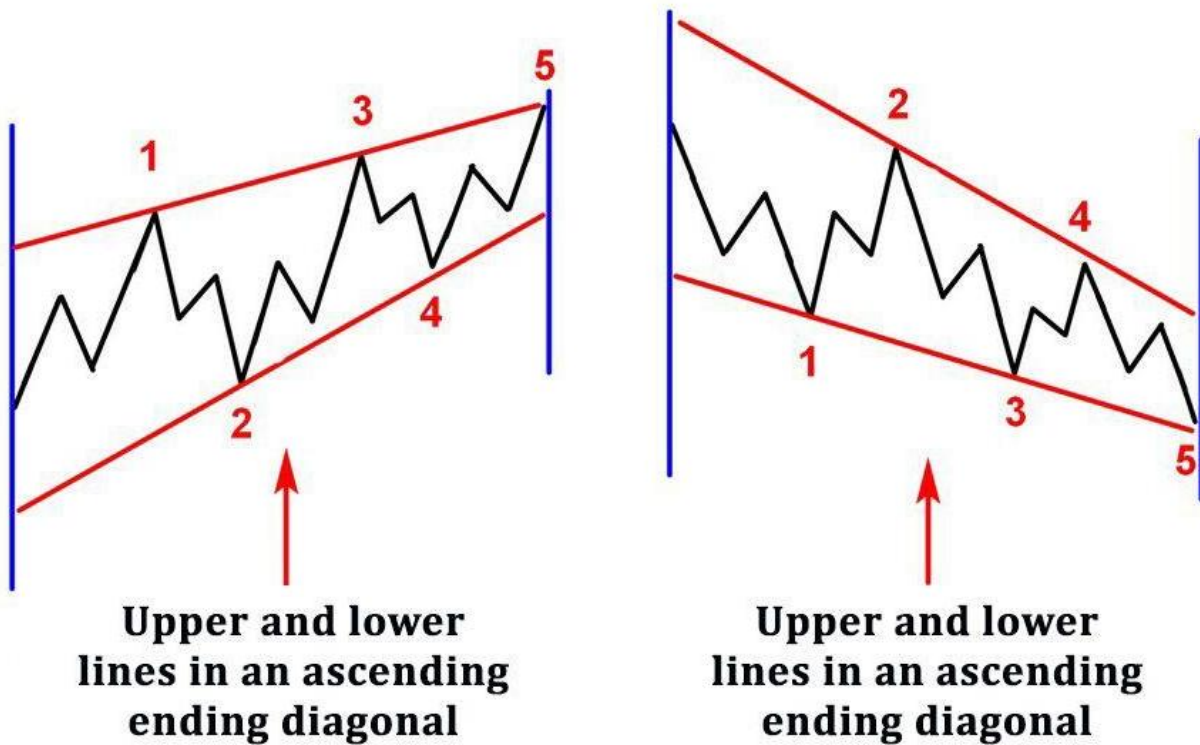
Bộ quy tắc cho ending diagonal giảm dần hoàn toàn tương tự với quy tắc cho ending diagonal tăng dần.

Cách đánh dấu ending diagonal trong biểu đồ giống với cách đánh dấu leading diagonal. Có hai đường được vẽ qua đỉnh của sóng 1 và 3 và sóng 2 và 4. Các đường được vẽ dọc theo chiều dài của sóng (xem hình 31).

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 31.

Chúng ta đã nghiên cứu 3 loại sóng motive. Bây giờ hãy cùng đến với sóng corrective.

## Sóng corrective (corrective waves)

Các pattern sóng corrective đa dạng và khó nghiên cứu hơn nhiều so với các pattern sóng motive. Các pattern sóng corrective có cấu trúc nội bộ phức tạp hơn nhiều, đồng thời có nhiều quy tắc và hướng dẫn hơn dành cho chúng.

Dưới đây, tôi sẽ mô tả bảy loại sóng corrective và giải thích các quy tắc và hướng dẫn dành cho chúng.

### Zigzag

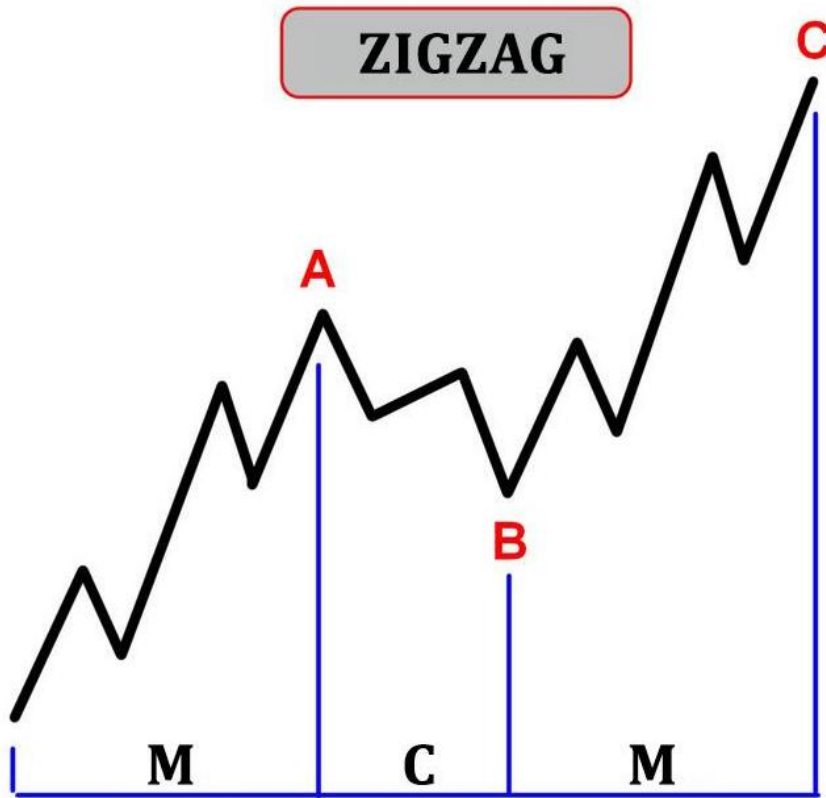
Zigzag là pattern phổ biến thứ hai trong biểu đồ sau một sóng impulsive. Hầu hết tất cả các sóng corrective có thể được chia thành các zigzag và sau đó - thành các sóng impulsive. Đó là lý do tại sao chúng ta cần phải nắm vững các quy tắc để làm việc với sóng corrective có độ phổ biến cao nhất cũng như thường xuất hiện nhất.

Trước tiên, hãy quan sát hình 32.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 32.

### Các quy tắc của Zigzag:

1. Một zigzag bao gồm 3 sóng.
2. Công thức sóng: M-C-M-C-M
3. Sóng B < Sóng A.
4. Theo quy định, sóng C vượt quá điểm kết thúc của sóng A.

### Hướng dẫn về Zigzag:

1. Một zigzag thường là một pattern ba sóng sâu, là sóng corrective.
2. Sóng A thường xấp xỉ bằng sóng C.
3. Một zigzag có thể nằm gọn vào trong một kênh.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Các hướng dẫn này khác với các quy tắc ở điểm nào? Các quy tắc phải được tuân thủ tuyệt đối các trường hợp, trong khi đó các hướng dẫn chỉ là các quy tắc dựa trên thống kê. Các hướng dẫn có thể đúng trong hầu hết các trường hợp, nhưng nếu chúng không đúng trong một trường hợp cụ thể, điều này không có nghĩa là chúng ta đã xác định sai cấu trúc sóng.

### **Nhận xét về các quy tắc và hướng dẫn:**

Theo quy tắc đầu tiên, một zigzag được tạo thành từ 3 sóng phụ. Giống với bất kỳ sóng corrective nào khác, zigzag được đánh dấu bằng chữ cái. Sóng A của một zigzag là sóng motive và thường hình thành như một sóng impulsive. Nó cũng có thể là leading diagonal. Sóng B luôn là sóng corrective và sóng C thường hình thành như một sóng impulsive và đôi khi có thể là một ending diagonal.

Vì sóng B là sóng corrective, nó có thể hình thành như một zigzag.

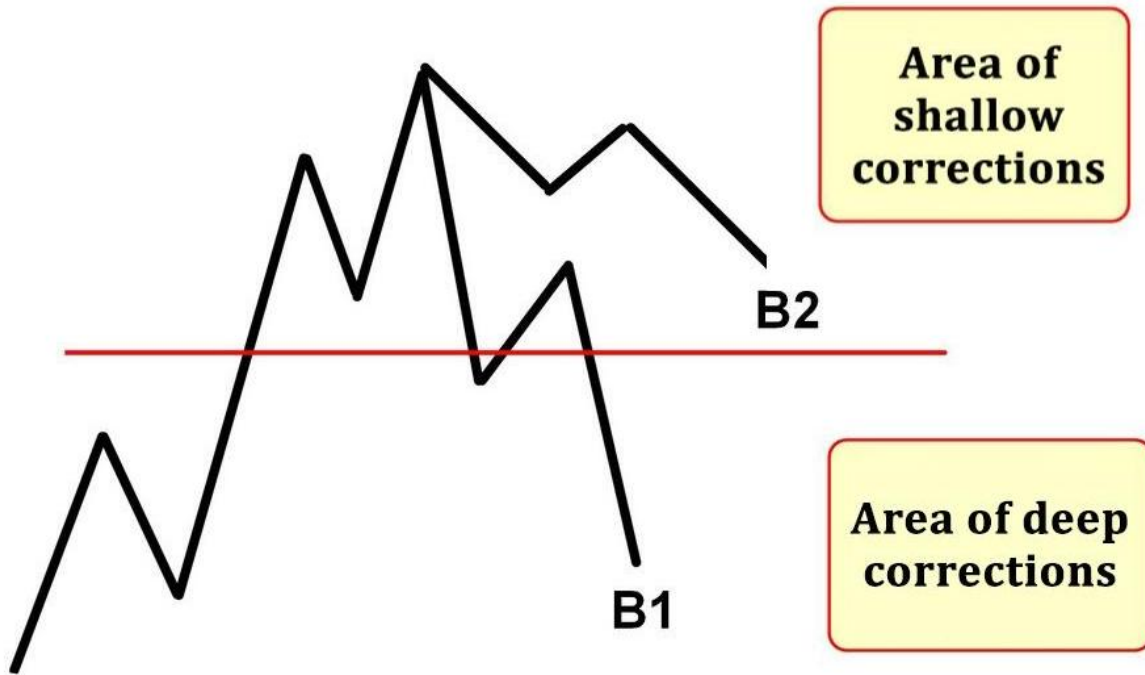
Theo quy tắc 4, sóng C thường vượt ra ngoài điểm kết thúc của sóng A. “Thường” ở đây có nghĩa là sóng C vượt ra ngoài điểm kết thúc của sóng B trong hầu hết các trường hợp, nhưng đôi khi nó có thể bị cắt ngắn.

Hãy cùng nghiên cứu các hướng dẫn. Theo điều đầu tiên, một zigzag là một sóng corrective sâu nếu so sánh với xu hướng trước đó. Một sóng corrective sâu là một sóng corrective lớn hơn 50% so với sóng trước đó. Hình 33 cho thấy sóng impulsive A và đường nằm ngang được vẽ qua điểm chính giữa của nó ngăn cách khu vực của các sóng corrective sâu với khu vực của các sóng corrective nông.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 33.

Nếu một sóng corrective kết thúc dưới đường nằm ngang, một sóng corrective sẽ được xem là sâu. Ví dụ, sóng B1 trong hình 33 là sóng corrective sâu và sóng B2 là sóng corrective nông so với sóng tăng dần A trước đó.

Hướng dẫn tiếp theo rất đơn giản. Kích thước của sóng C thường bằng với kích thước của sóng A. Những sóng này đôi khi bằng nhau dựa trên các số Fibonacci. Nói cách khác, sóng C có thể, ví dụ, bằng 76,4% hoặc 161,8% của sóng A hoặc có thể được sử dụng các số khác từ chuỗi Fibonacci.

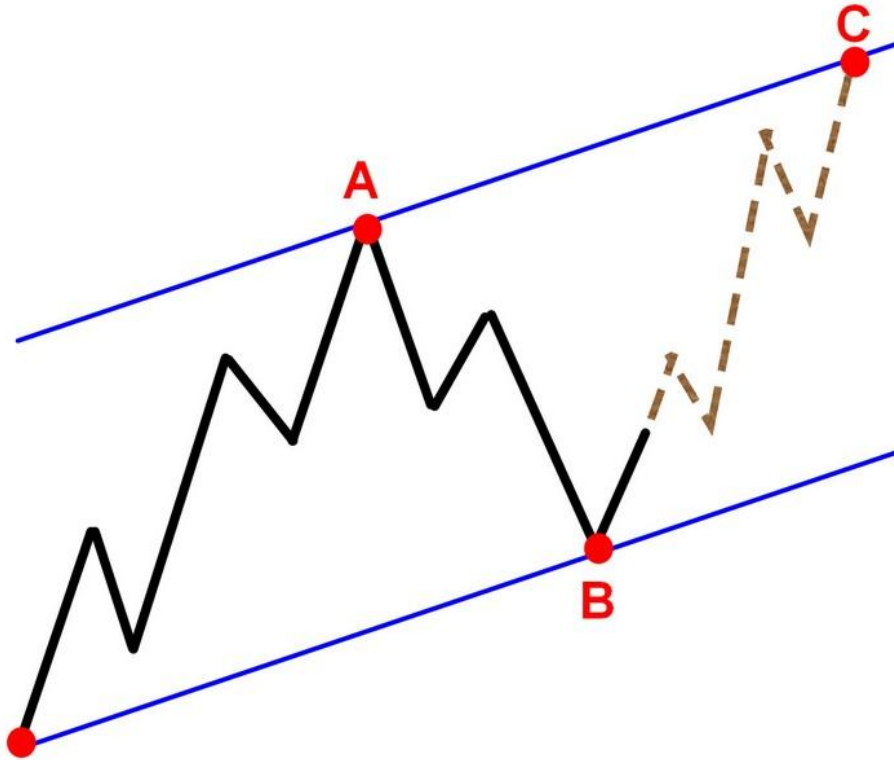
Theo hướng dẫn cuối cùng, zigzag thường nằm gọn trong một kênh, nghĩa là một kênh có thể được hình thành và điểm kết thúc của sóng C có thể được dự báo trong khi một zigzag đang hình thành. Sau đây là một ví dụ.

Giả sử chúng ta có sóng A và B trong một zigzag tăng dần và sóng C vừa mới bắt đầu hình thành (xem hình 34).

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 34.

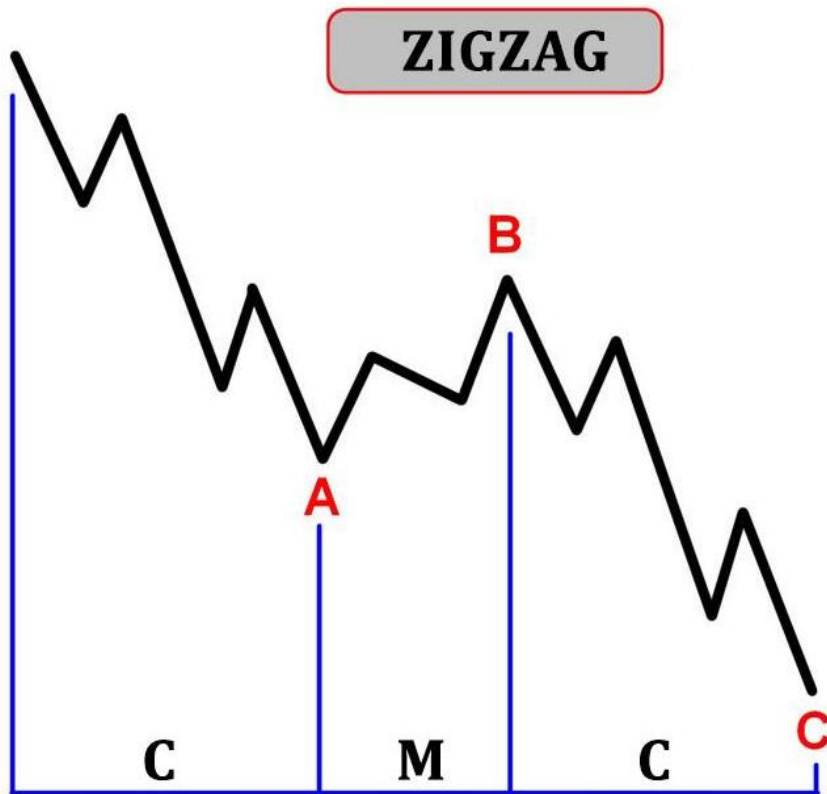
Tại thời điểm này, chúng ta có thể theo dõi một đường thẳng qua các điểm bắt đầu của sóng A và C (đường màu xanh phía dưới trong hình). Tiếp theo, đường này được sao chép và vẽ qua điểm kết thúc của sóng A (đường phía dưới nằm trên). Chúng ta có một kênh xanh lam mà bên trong đó zigzag đang di chuyển. Nếu chúng ta tiếp tục sóng C hướng lên trên ở cùng góc với sóng A cho đến khi nó vượt qua giới hạn trên của kênh xanh lam, chúng ta sẽ có được dự báo về kích thước của sóng C. Sóng C thường hoàn thành chính xác tại biên của một kênh như vậy. Đặc điểm này của zigzag có thể và nên được sử dụng để kiếm lợi nhuận từ giao dịch Forex.

Hình 35 minh họa một zigzag giảm dần.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 35.

Tập hợp các quy tắc và hướng dẫn cho một zigzag giảm dần cũng tương tự với zigzag tăng dần.

## Flat

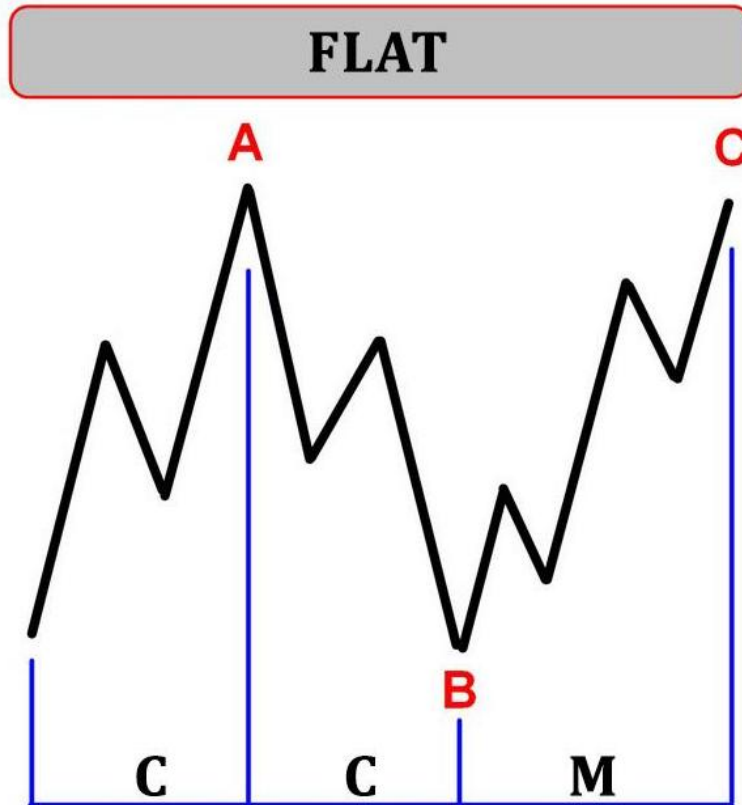
Một pattern flat, giống với zigzag, là một pattern sóng đơn giản bao gồm 3 sóng phụ, điều này giải thích tại sao nó thường xuất hiện trong biểu đồ giá.

Hãy cùng quan sát pattern sóng flat trong hình 36.

**Tác giả**

Roman Oegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 36.

### Các quy tắc của flat:

1. Bao gồm 3 sóng.
2. Công thức sóng: M-C-M-C-M
3. Sóng B xấp xỉ bằng sóng A.

### Các hướng dẫn về flat:

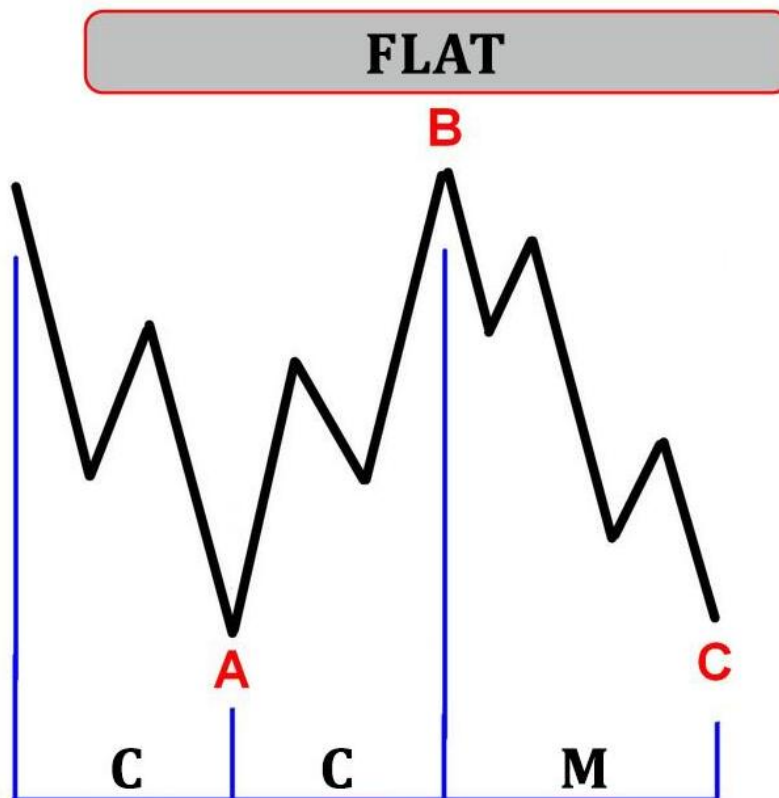
1. Flat thường là một sóng corrective ngang.
2. Có 3 loại flat: contraction, expanding và running.

### Nhận xét về các quy tắc và hướng dẫn:

Sóng A của flat luôn có đặc điểm điều chỉnh, giống với sóng B. Sóng C là sóng motive và thường hình thành như một sóng impulsive đơn giản. Sóng C hiếm khi có thể phát triển thành ending diagonal. Các đặc điểm này của một flat được phản ánh trong công thức sóng của nó: C-C-M.

Trong quy tắc thứ ba, chúng ta nên lưu ý rằng sóng B có thể lớn hơn hoặc ngắn hơn một ít so với sóng A, nhưng nói chung, sóng B hình thành xấp xỉ bằng với sóng A vì một flat thường là một sự điều chỉnh theo chiều ngang.

Các quy tắc và hướng dẫn cho một flat giảm dần cũng tương tự. Hãy cùng quan sát một flat giảm dần trong hình 37.



Hình 37.

Ralph Nelson Elliott đã đưa ra 2 loại flat: flat thông thường, trong đó tất cả các sóng phụ có kích thước xấp xỉ nhau, và flat đặc biệt, trong đó các sóng phụ có kích thước tương đối với nhau.

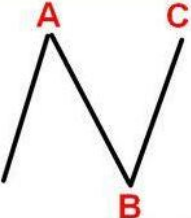
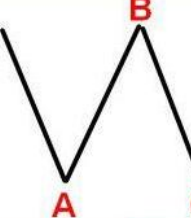
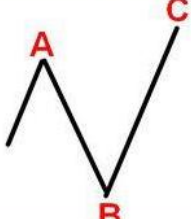
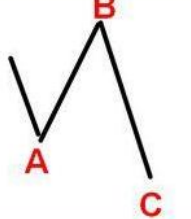
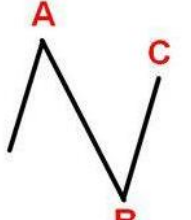
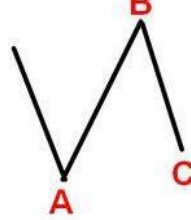
Sau đó, ông Robert Prechter, một nhà nghiên cứu khác về phân tích sóng, đã chỉ ra 3 loại flat dựa trên tài liệu thống kê lớn. Trong bài viết này, chúng ta sẽ nghiên cứu phân loại của Prechter.

**Tác giả**

Roman Oegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Loại đầu tiên là contracting flat. Đây là một flat trong đó tất cả các sóng có kích thước xấp xỉ nhau. Hình 38 minh họa các contracting flat trong một thị trường tăng và giảm.

	<b>Bearish market</b>	<b>Bullish market</b>
<b>Contracting</b>		
<b>Expanding</b>		
<b>Running</b>		

Hình 38.

Loại thứ hai là expanding flat. Một expanding flat là một flat trong đó mọi sóng liên sau đều lớn hơn sóng đứng trước, nghĩa là sóng B lớn hơn sóng A và sóng C lớn hơn sóng B. Pattern dường như dần trải lên xuống trong khi hình thành. Loại pattern này hình thành khi phe "Bò húc" và "Gấu" đều mạnh như nhau và kéo giá lên xuống. Biến động tăng và sóng thị trường ngày càng lớn. Hình 38 cho thấy các expanding flat trong một thị trường có xu hướng chính là tăng giá và một thị trường giảm giá.

Loại thứ ba là running flat. Trong flat này, sóng B lớn hơn sóng A và sóng C nhỏ hơn sóng B, đó là lý do tại sao pattern trông như đang chạy. Một pattern như vậy thường hình thành khi phe "Bò" hoặc phe "Gấu" chiếm ưu thế trên thị trường. Lực lượng chiếm ưu thế ngăn cản sóng hình thành đi ngang, thay vào đó di chuyển nó trong khi nó đang hình thành. Phần dưới của hình 38 minh họa các running flat trong một xu hướng tăng và xu hướng giảm.

Tóm lại, theo hướng dẫn thứ hai, có 3 loại flat: contracting, expanding and running.

**Tác giả**

Roman Onegin

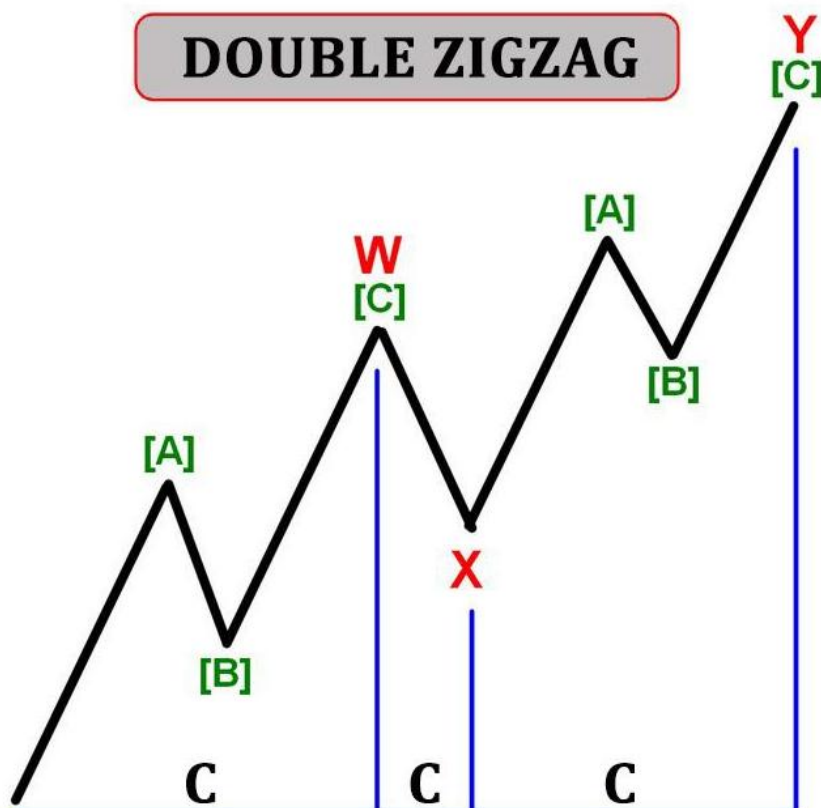
Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Hãy cùng làm rõ điểm khác biệt giữa một flat với một zigzag. Cả flat và zigzag đều là sóng corrective và bao gồm 3 sóng phụ. Điểm khác biệt là sóng A trong một zigzag là sóng motive, còn sóng A trong một flat là sóng corrective. Ngoài ra, zigzag thường là sóng corrective sâu của xu hướng trước đó, theo đó thị trường có thể tăng vọt hoặc sụp đổ. Một flat là một pattern đi ngang và ở đó thị trường di chuyển theo hướng nằm ngang.

## Zigzag kép

Chúng ta đã nghiên cứu sóng motive và bắt đầu kiểm tra sóng corrective. Chúng ta đã xem qua các pattern sóng corrective đơn giản: zigzag và flat. Tiếp theo hãy cùng tìm hiểu về zigzag kép.

Như được thể hiện qua cái tên, một zigzag kép được tạo thành từ hai zigzag kết hợp với một sóng liên kết (xem hình 39).



Hình 39.

Zigzag đầu tiên được đánh dấu bằng chữ W, zigzag thứ hai bằng chữ Y và chúng được liên kết thông qua sóng liên kết X.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Các chữ cái [A]-[B]-[C] được sử dụng để chỉ định các sóng nằm bên trong zigzag. Hình 39 minh họa zigzag kép bao gồm ba phần của một sóng corrective. Hãy cùng thống kê các quy tắc chính cho zigzag kép.

### **Các quy tắc cho zigzag kép:**

1. Bao gồm 3 sóng.
2. Công thức sóng: C-C-C; sóng W và Y gồm các zigzag.
3. Sóng X < sóng W.
4. Sóng Y thường lớn hơn sóng X.

### **Các hướng dẫn về zigzag kép:**

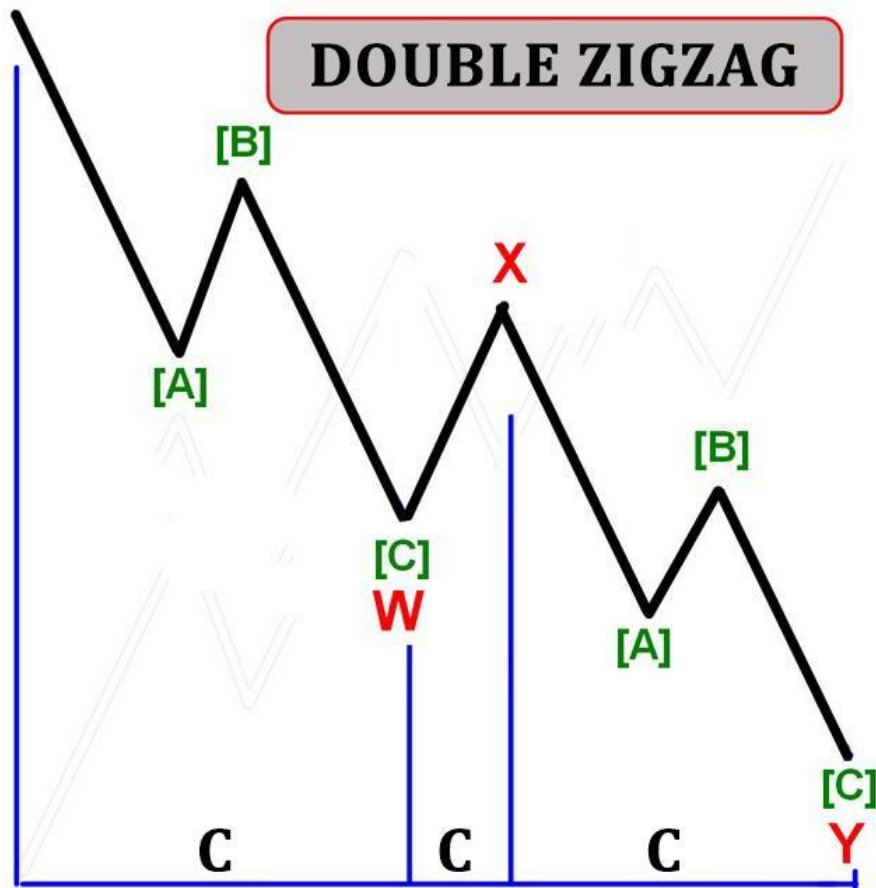
1. Một zigzag kép là một sóng corrective sâu.
2. Kênh hồi quy tuyến tính.

Các quy tắc và hướng dẫn cho zigzag kép giảm dần là tương tự với zigzag kép tăng dần (xem hình 40).

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 40.

## Nhận xét về các quy tắc và hướng dẫn:

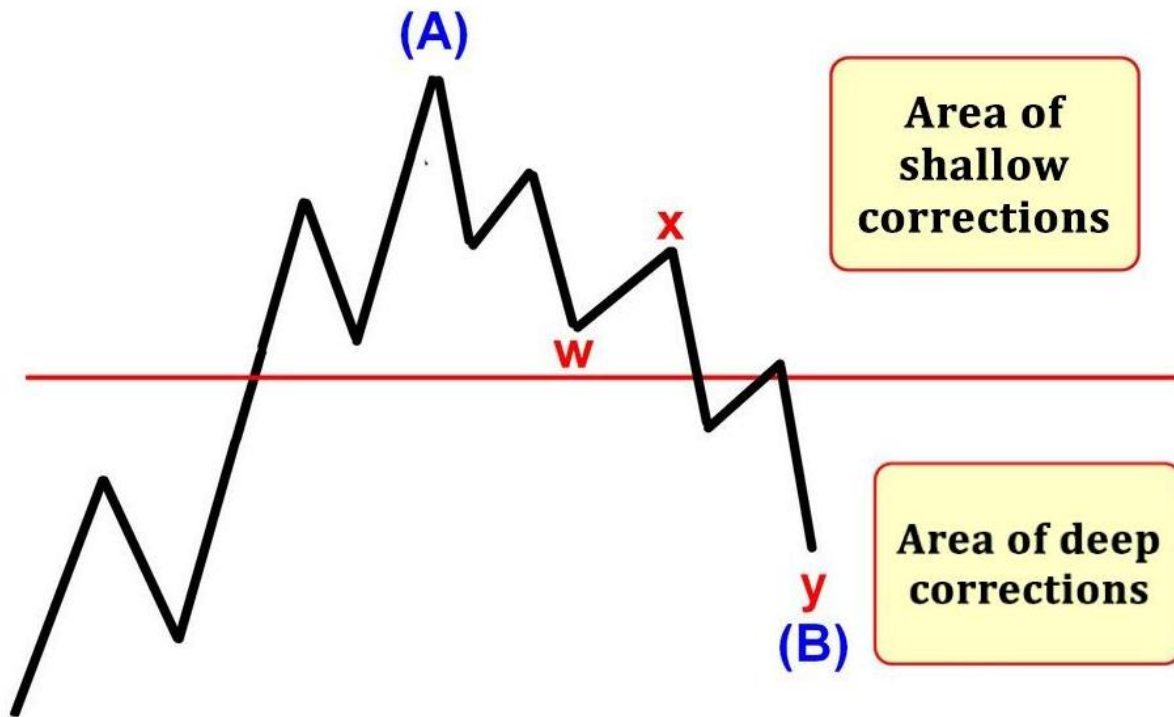
Giống với một zigzag đơn giản, một zigzag kép được tạo thành từ ba sóng phụ, nhưng đó là các zigzag chứ không phải sóng impulsive xuất hiện ở vị trí của sóng thứ nhất và sóng thứ ba. Đó là lý do tại sao công thức sóng chỉ chứa các sóng corrective. Sóng X luôn có kích thước nhỏ hơn sóng W, nhưng sóng Y đôi khi có thể bị cắt ngắn. Tuy nhiên, trong hơn chín năm phân tích sóng, tôi chỉ thấy vài chục trường hợp khi một zigzag kép bị cắt ngắn.

Về phần hướng dẫn, bạn đã biết sóng corrective sâu tương quan như thế nào với xu hướng trước đó. Theo hướng dẫn đầu tiên, zigzag kép là sóng corrective sâu của xu hướng trước đó. Xin lưu ý rằng một zigzag kép thường xuất hiện trong biểu đồ khi một zigzag đơn giản không thể tạo thành sự điều chỉnh ở kích thước cần thiết. Đây là một kế hoạch cho một tình huống như vậy.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 41.

Chúng ta thấy rằng sau khi xu hướng tăng dần (A) kết thúc, thị trường bắt đầu hình thành một sóng corrective giảm (B) với phần đầu tiên có dạng zigzag W. Tuy nhiên, do zigzag đó không đạt đến vùng điều chỉnh sâu và hoàn thành ở trên đường ngang phân chia vùng điều chỉnh sâu và nông, zigzag thứ hai đã xuất hiện, cho thấy một sóng liên kết tăng dần nhỏ X đã được hình thành; sau đó thị trường hình thành zigzag Y thứ hai và hình thành sóng corrective với kích thước cần thiết.

Do đó, một zigzag kép hình thành khi một zigzag đơn giản không thể tạo thành một sóng corrective sâu. Tính chất đặc thù này của zigzag kép có thể được sử dụng trong giao dịch. Nếu sóng corrective xuất hiện sau một xu hướng có hình dạng zigzag đơn giản và không thể đạt được 50% sóng trước đó, chúng ta có thể kỳ vọng rằng một sóng liên kết nhỏ sẽ được hình thành và một zigzag khác sẽ hình thành.

Về phần hướng dẫn thứ hai, đây là quan sát của riêng tôi. Các zigzag kép đã được chứng minh là rất phù hợp với kênh hồi quy tuyến tính. Một kênh như vậy có thể được xây dựng trong bất kỳ chương trình phân tích kỹ thuật nào vì đây là một công cụ khá phổ biến. Kênh hồi quy tuyến tính bao gồm ba đường. Đường trung tâm, hay còn gọi là trục, được tính bằng

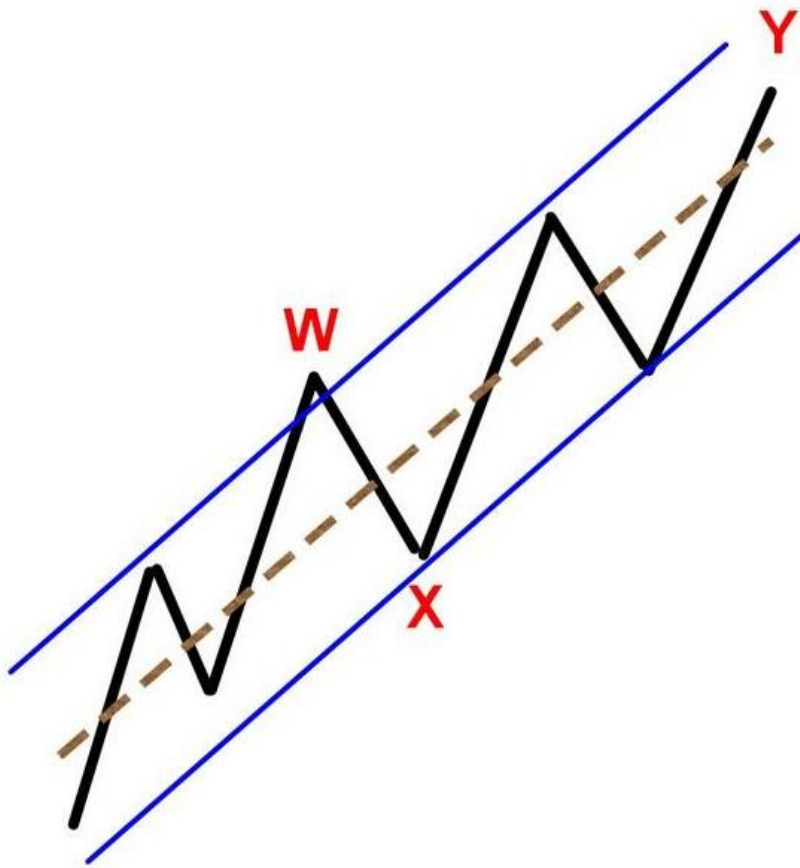
**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

phương pháp bình phương tối thiểu. Tiếp theo, vẽ thêm 2 đường thẳng song song ở cùng khoảng cách với nó. Những đường này mô tả hoàn hảo động thái của zigzag kép.

Nếu bạn đã xác định được phần đầu tiên của zigzag kép trên thị trường, chẳng hạn như sóng W và X (xem hình 42), bạn có thể vẽ kênh hồi quy tuyến tính trong phần này. Và nếu bạn mở rộng các đường của nó hơn nữa, bạn sẽ có thể dự đoán khung chuyển động của sóng Y.



Hình 42.

Tính chất đặc thù này zigzag kép này rất dễ sử dụng khi giao dịch. Ví dụ: bạn có thể mở các vị thế mua gần giới hạn dưới của kênh hồi quy tuyến tính và đóng chúng gần giới hạn trên của kênh.

## Zigzag ba

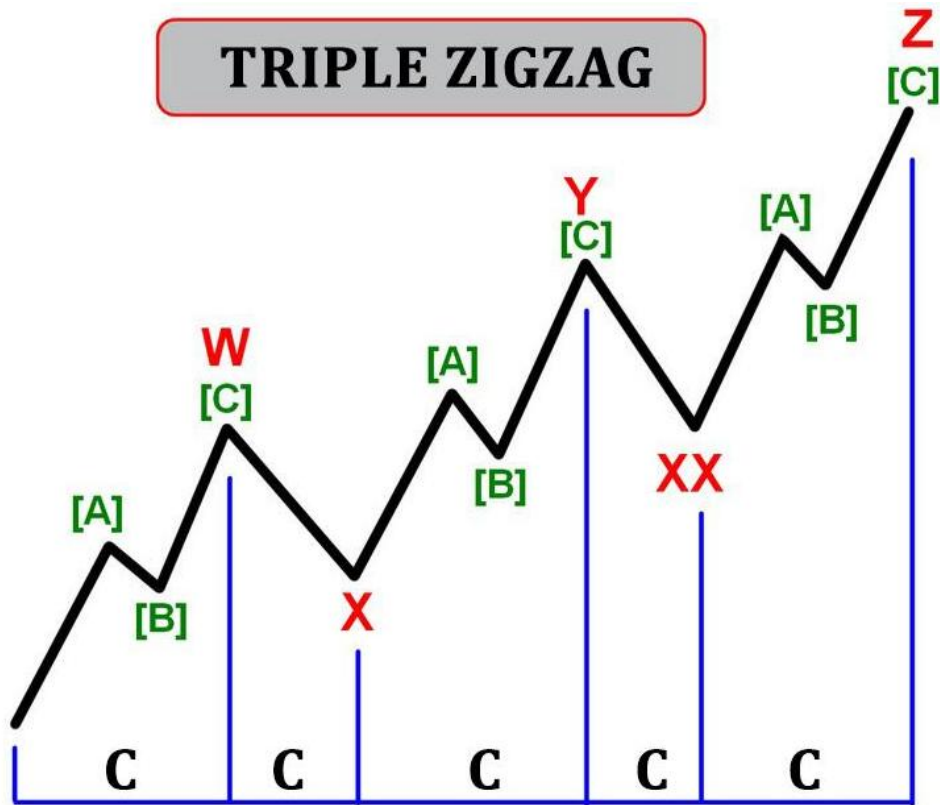
Như tên của pattern này thể hiện, một zigzag ba được tạo thành từ ba zigzag được liên kết bằng các sóng liên kết.

Hình 43 minh họa giản đồ của một zigzag ba.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 43.

Theo quan sát, zigzag đầu tiên W, zigzag thứ hai Y và zigzag thứ ba Z được liên kết bởi các sóng liên kết X và XX. Các sóng liên kết được đánh dấu bởi các chữ cái khác nhau - X và XX- để tránh nhầm lẫn. Điều này rất thuận tiện trong thực tế. Các sóng W, Y và Z có hình dạng giống với các zigzag, đó là lý do tại sao cấu trúc bên trong của chúng được đánh dấu bằng các chữ cái [A]-[B]-[C], như chúng ta quan sát được trong hình 43.

### Các quy tắc của zigzag ba:

1. Bao gồm 5 sóng.
2. Công thức sóng: C-C-C-C-C. Sóng W, Y, and Z thường là zigzag.
3. Sóng X < Sóng W.
4. Sóng Y vượt xa điểm kết thúc của sóng W.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

5. Sóng XX < Sóng Y.
6. Sóng Z thường lớn hơn sóng XX.

## Các hướng dẫn về zigzag ba:

1. Điều chỉnh sâu
2. Kênh hồi quy tiến tính.

## Nhận xét về các quy tắc và hướng dẫn:

Quy tắc của zigzag ba tương tự như quy tắc của zigzag kép, điểm khác biệt duy nhất là zigzag ba chứa một sóng liên kết XX khác và thêm một zigzag Z. Ngoài ra, hãy lưu ý rằng các sóng W, Y và Z của zigzag ba thường được hình thành dưới dạng zigzag đơn giản. “Thường” có nghĩa là trong một số trường hợp, các sóng này cũng có thể là các đường zigzag kép hoặc zigzag ba, nhưng sẽ không phải là các pattern điều chỉnh khác. Nói cách khác, những sóng này chỉ có thể là zigzag hoặc các kết hợp của chúng.

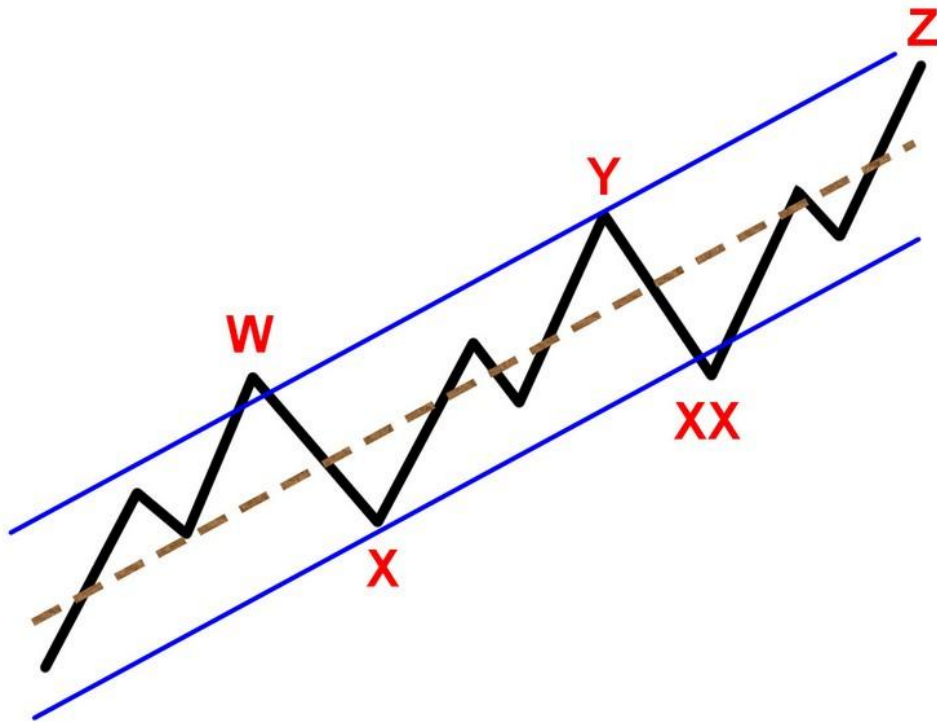
Về phần hướng dẫn, chúng tương tự như hướng dẫn dành cho zigzag kép. Các zigzag ba là các sóng corrective sâu. Chúng hình thành khi cả các zigzag đơn giản và zigzag kép đều không thành công thoái lui sâu đối với xu hướng trước đó. Sau đó, zigzag Z thứ ba xuất hiện, được liên kết với pattern bằng sóng liên kết XX.

Động thái của zigzag ba được miêu tả chi tiết bằng cách sử dụng kênh hồi quy tuyến tính. Nó được vẽ khi các sóng W, X và Y đã hình thành. Trong trường hợp này, chúng ta có thể dễ dàng dự đoán điểm kết thúc của sóng liên kết XX và zigzag Z cuối cùng (xem hình 44).

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 44.

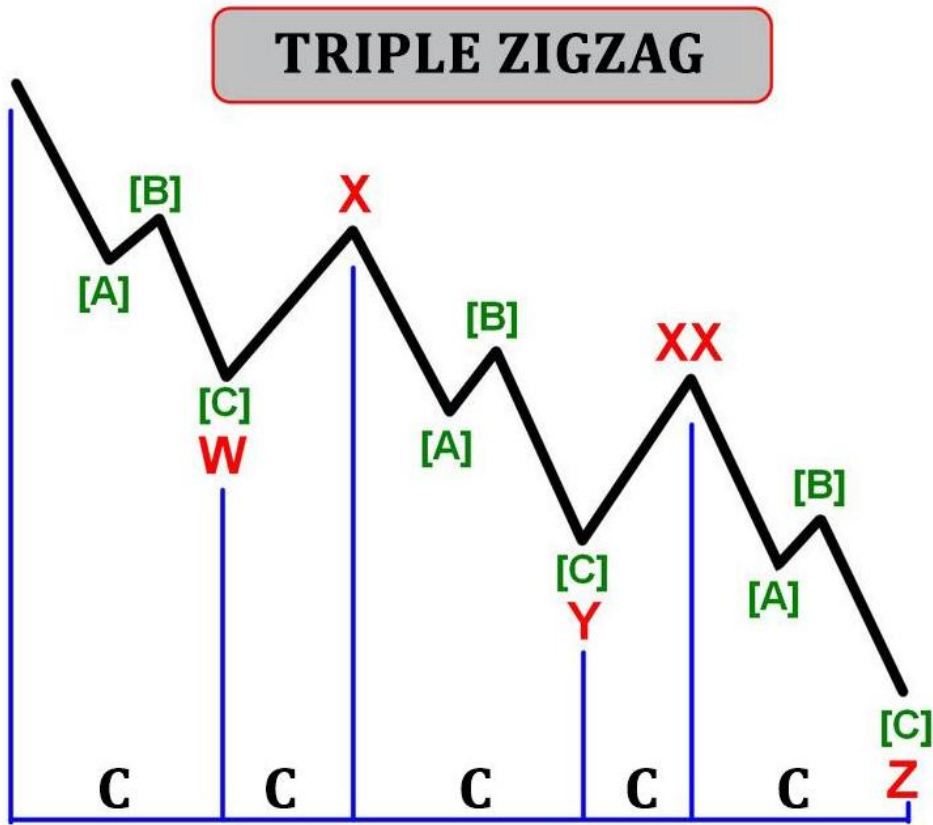
Hoặc nếu không rõ pattern nào đang hình thành, nhưng chúng ta thấy nó nằm gọn bên trong kênh hồi quy tuyến tính, chúng ta có thể cho rằng thị trường đang hình thành một zigzag kép hoặc zigzag ba, và sau đó chúng ta có thể kết luận chính xác.

Các quy tắc và hướng dẫn cho zigzag ba giảm dần là tương tự với zigzag ba tăng dần. Hình 45 minh họa một zigzag giảm dần.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 45.

## Double three

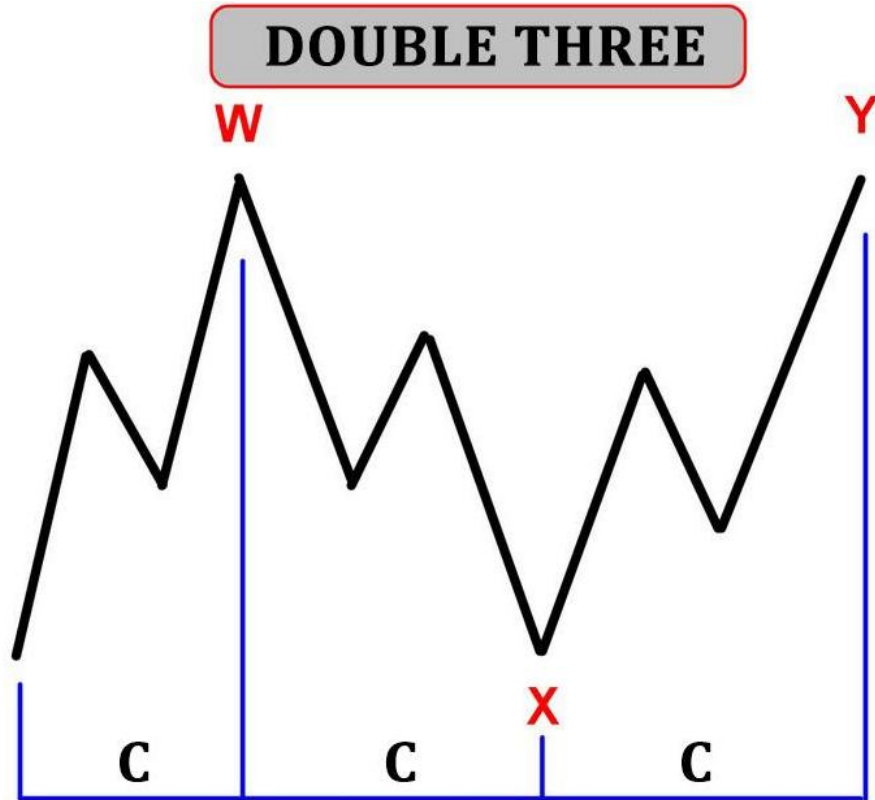
Trong chương này của bài viết, chúng ta sẽ tìm hiểu các sóng corrective ngang. Hãy cùng bắt đầu với pattern double-three.

Trước hết, hãy quan sát hình 46.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 46.

Đúng như tên gọi, double three bao gồm hai bộ ba sóng được kết hợp bởi một sóng liên kết điều chỉnh. “Three” là tên gọi khác của sóng được hình thành theo kiểu điều chỉnh. Ba sóng đầu tiên được đánh dấu bằng chữ W, sóng thứ hai - bằng chữ Y và sóng liên kết được đánh dấu bằng chữ X. Như chúng ta có thể thấy, cách đánh dấu này giống với cách đánh dấu của một zigzag kép, nhưng chúng ta không nên nhầm lẫn giữa hai sóng này. Dưới đây là các quy tắc cho pattern double three.

### Các quy tắc của Double three:

1. Bao gồm 3 sóng.
2. Công thức sóng: C-C-C.
3. Sóng W không phải là một triangle.

### Chỉ dẫn dành cho Double three:

1. Điều chỉnh nông.

**Tác giả**

Roman Onegin

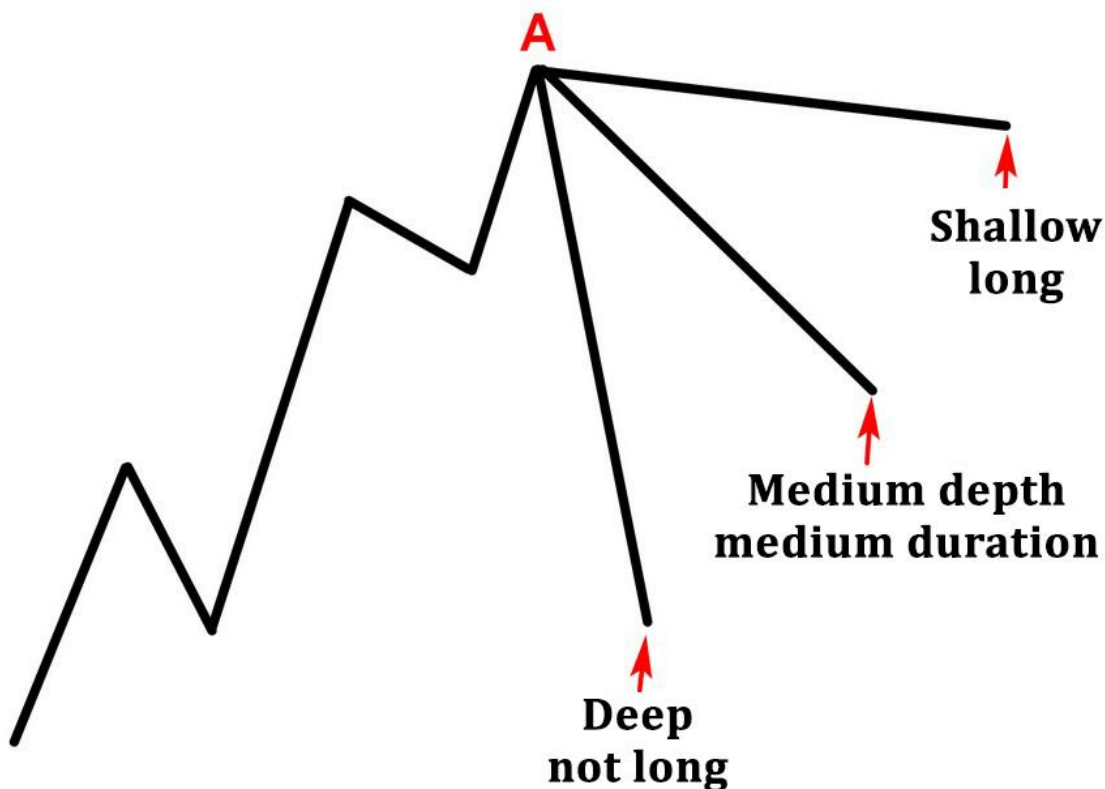
Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

2. Điều chỉnh dài.
3. Có độ dốc so với xu hướng.

## Nhận xét về các quy tắc và hướng dẫn:

Kể cả khi double three được đánh dấu giống với một zigzag kép thì đặc tính và tính chất của hai sóng này là hoàn toàn khác nhau. Điểm khác biệt chính đó là zigzag kép là sóng corrective sâu và nhanh, trong khi double three là sóng corrective nông và ngang. Double three thường không thoái lui quá 36% về xu hướng trước đó. Ngoài ra, các sóng W và Y trong pattern zigzag kép bản thân chúng là các zigzag hoặc các kết hợp của chúng, ngược lại các sóng W và Y trong pattern double three có thể là bất kỳ pattern điều chỉnh nào. Điểm ngoại lệ là sóng W không thể là một triangle (chúng ta sẽ bàn về triangle sau).

Double three là sóng corrective dài. Có các quy luật thị trường sau đây về các sóng corrective: sự điều chỉnh càng nông thì sóng càng kéo dài. Ngược lại, sự điều chỉnh càng sâu thì sóng tồn tại càng ngắn. Tính chất này được minh họa trong hình 47.



Hình 47.

Tác giả

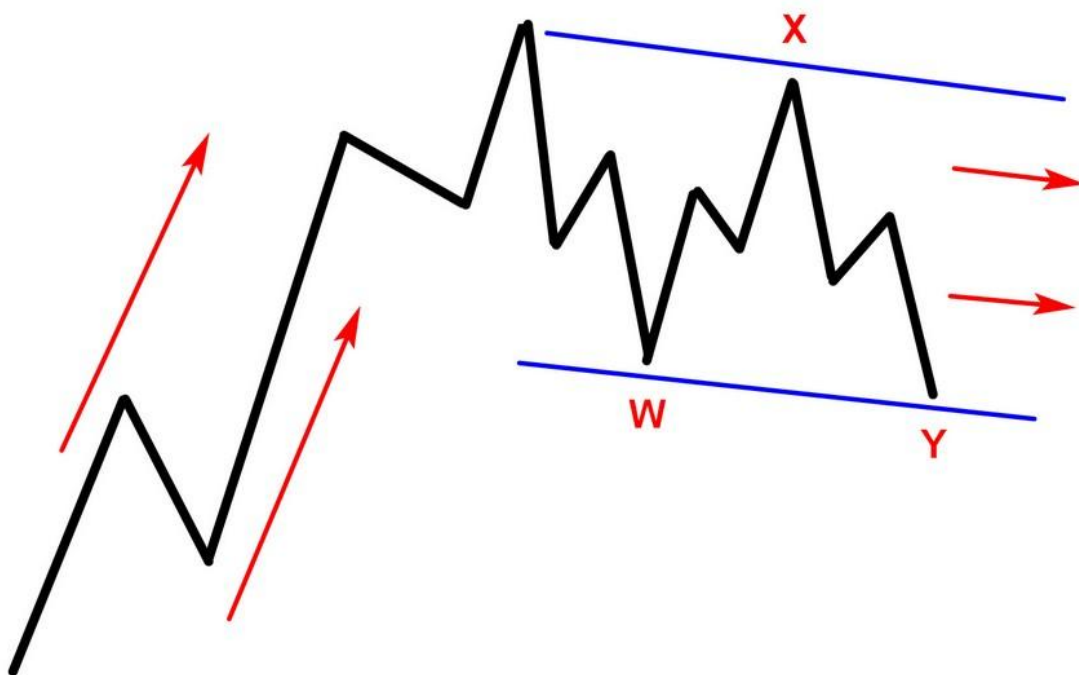
Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Hình ảnh cho thấy xu hướng tăng dần A và sóng corrective của nó. Ba phiên bản của sóng corrective giảm đều được trình bày ở đây. Sóng đầu tiên có độ sâu lớn và không kéo dài theo thời gian phát triển. Sóng thứ hai có độ sâu trung bình và do đó thời gian phát triển của nó cũng dài hơn. Sóng corrective trên cùng nông nhất và do đó cũng dài nhất.

Thuộc tính này có thể được sử dụng trong giao dịch để dự báo quy mô của sóng corrective. Nếu chúng ta thấy một sóng corrective nông đang hình thành trên thị trường, chúng ta có thể kỳ vọng rằng nó sẽ hình thành trong thời gian dài. Ngược lại, thị trường điều chỉnh càng sâu thì sóng sẽ càng ngắn và số Fibonacci mà nó đạt tới càng lớn.

Double three có một đặc tính khác mà tôi muốn đề cập đến - hướng nghiêng của nó. Double three có khuynh hướng thiên theo xu hướng trước đó. Ví dụ: nếu thị trường đang chuyển động theo xu hướng tăng dần và double three bắt đầu phát triển sau khi xu hướng kết thúc thì double three sẽ có xu hướng đi xuống. Tính chất này được minh họa qua hình 48.



Hình 48.

Độ dốc của double three được quyết định thông qua độ dốc của các đường thẳng vẽ qua các đỉnh của pattern.

**Tác giả**

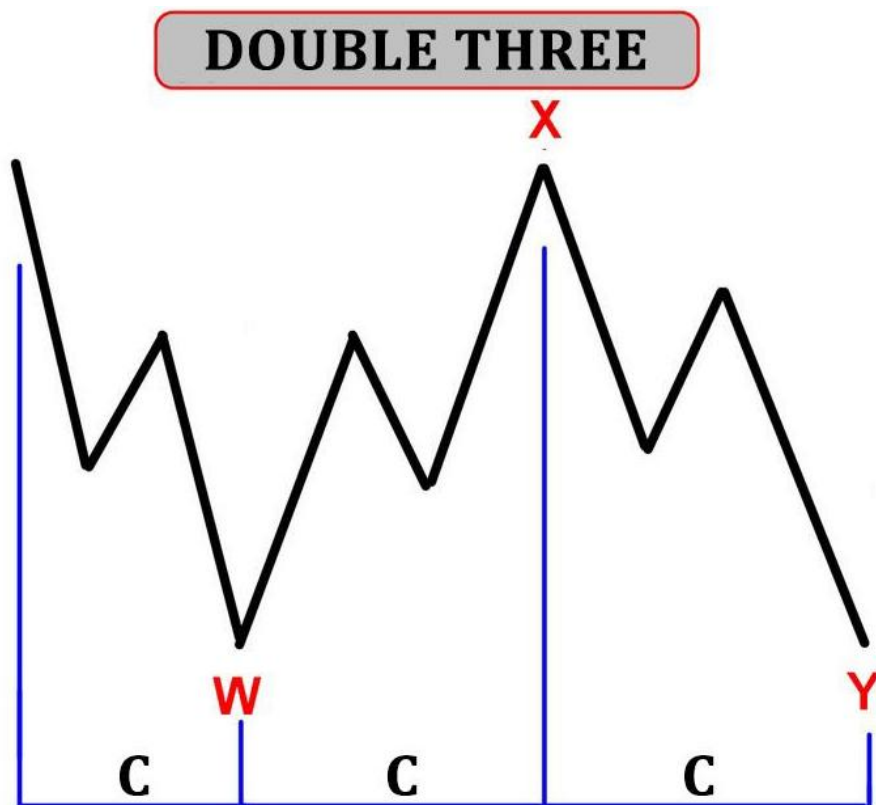
Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Nếu một double three hình thành sau một xu hướng giảm dần, nó sẽ nghiêng hướng lên.

Pattern double three thường hình thành ở vị trí sóng thứ tư - sóng impulsive.

Khi xác định các quy tắc và hướng dẫn cho pattern double three giảm dần, chúng cũng tương tự với các quy tắc của pattern tăng dần. Sơ đồ pattern double three giảm dần được hiển thị trong hình 49.



Hình 49.

Tiếp theo, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu triple three, một pattern điều chỉnh theo chiều ngang khác.

## Triple Three

Điểm chính để phân biệt giữa triple three với double three là double three thường có ba sóng phụ W-X-Y còn triple three thì được tạo thành từ 5 sóng phụ W-X-Y-XX-Z.

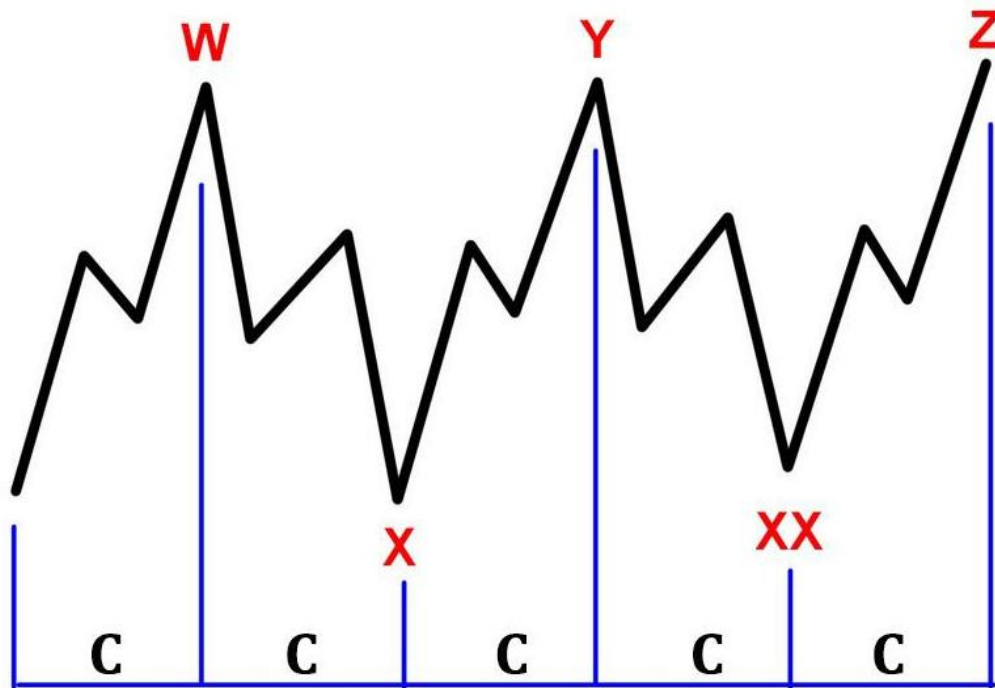
Các sóng phụ của triple three có tính chất điều chỉnh và có thể hình thành dưới dạng mô hình điều chỉnh bất kỳ, ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt. Hình 50 cho thấy cấu trúc của một triple three.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

## TRIPLE THREE



Hình 50.

Ta thấy rằng sóng này được tạo thành từ ba sóng ba: W, Y và Z, được liên kết với nhau bằng các sóng liên kết điều chỉnh X và XX. Dưới đây là các quy tắc và hướng dẫn cho triple three.

### Quy tắc Triple Three:

1. Gồm 5 sóng.
2. Công thức sóng: C-C-C-C-C
3. Sóng W, X, Y không phải là các tam giác.

### Hướng dẫn Triple Three:

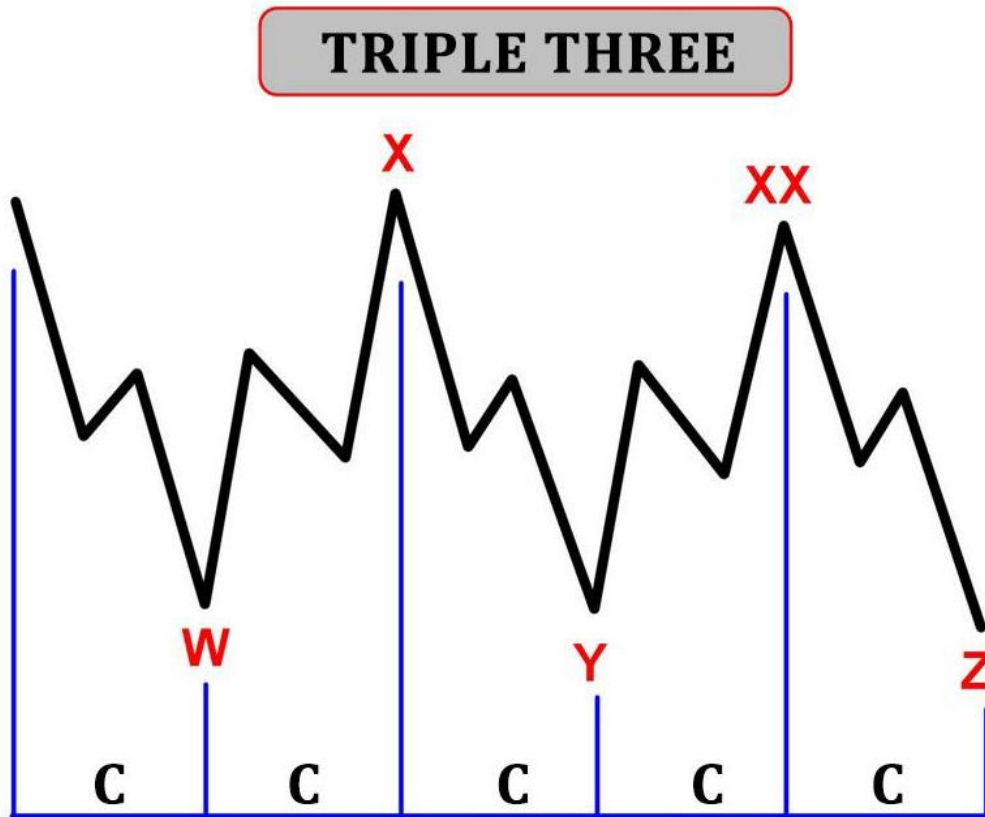
1. Sóng điều chỉnh nông
2. Sóng điều chỉnh dài
3. Đốc theo chiều ngược xu hướng

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Quy tắc và hướng dẫn cho mô hình triple three giảm dần như trong hình 51 sẽ là giống nhau.



Hình 51.

### **Nhận xét về quy tắc và hướng dẫn:**

Các quy tắc và hướng dẫn cho double three và triple three gần như tương tự. Sự khác biệt giữa chúng nằm ở số lượng các sóng và thực tế là các sóng W, X và Y có thể sẽ không phải là các tam giác trong mô hình triple three. Nhưng điều đó cũng phụ thuộc vào số lượng sóng vì các tam giác luôn hình thành ở vị trí sóng cuối cùng hoặc áp chót trong mô hình cấp cao.

Giống như double three, mô hình triple three thường là một sóng điều chỉnh nông của xu hướng trước đó và chưa vượt qua 36% sóng trước đó.

Triple three thường là một sóng điều chỉnh dài. Nó có nghĩa là khi sóng này vẫn đang phát triển, sức mạnh thị trường được tận dụng để hình thành một sóng phụ theo chiều dài chứ không phải để làm cho mức điều chỉnh càng sâu hơn. Thị trường bắt đầu hình thành triple three khi một sóng điều chỉnh phụ đã hình thành dưới dạng double three nhưng chưa đủ lâu. Thị trường vẫn còn lại một phần sức mạnh để hình thành một sóng điều chỉnh và do đó phần thứ ba sẽ bắt đầu hình thành. Đây là cách mô hình triple three hình thành.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Sự hình thành của sóng thứ ba cho thấy triple three có một dốc ngược xu hướng. Điều đó có nghĩa là nếu xu hướng đang tăng dần thì triple three rất có thể sẽ đi theo hướng giảm.

Và ngược lại. Hãy nhớ đặc điểm này của triple three vì điều này giúp xác định mô hình này trong biểu đồ dễ dàng hơn.

Ngoài ra, tôi muốn bổ sung rằng cấu trúc bên trong của triple three thường khá phức tạp. Một vài bộ phận của triple three đôi khi có thể hình thành dưới dạng nhiều triple three, đó là lý do vì sao việc giao dịch với mô hình này khá khó khăn vì thị trường thực tế thường không có giới hạn ở bất kỳ quy tắc nào.

Vì vậy, nếu bạn đã xác định được mô hình này trong biểu đồ, tốt nhất bạn nên đứng ngoài thị trường cho đến khi nó kết thúc hoặc chuyển sang các mức sóng khác (chia triple three thành các xu hướng riêng biệt nhỏ hơn hoặc ngược lại, thu nhỏ biểu đồ để làm cho triple three trông giống như một sóng điều chỉnh nhỏ trong một xu hướng lớn hơn).

## Tam giác nằm ngang

Nhiều người đã biết được hình dạng của các sóng tam giác trong phân tích kỹ thuật. Tuy nhiên, phân tích sóng sẽ cung cấp mô tả chi tiết hơn nhiều về cách mà các sóng này được hình thành và nơi chúng có thể xảy ra. Sự xuất hiện của mô tam giác thường gắn liền với cơ hội giao dịch tốt vì mô hình này có thể dễ dàng nhận biết trong biểu đồ giá và sau khi hoàn thành, thị trường thường sẽ có những chuyển động nhảy vọt theo cùng hướng mà nó đã di chuyển trước khi xuất hiện mô hình. Đặc tính này rất hữu dụng khi giao dịch.

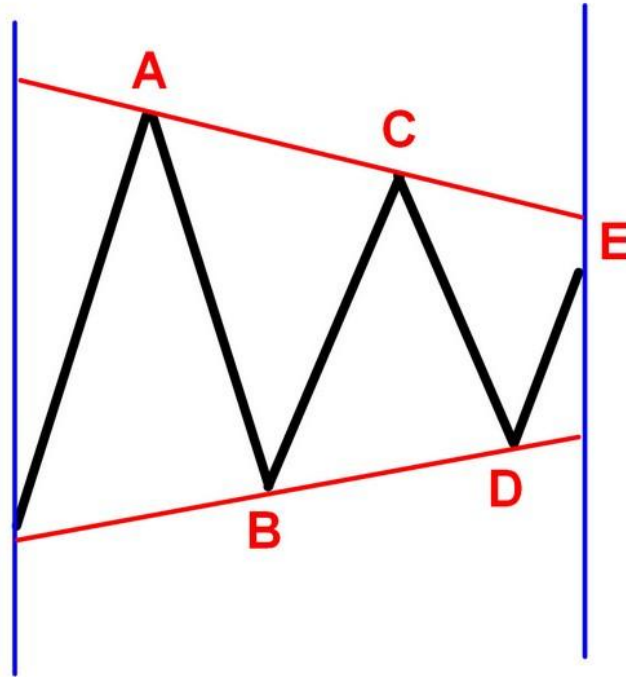
Tất cả các tam giác đều được tạo thành từ 5 sóng phụ được ký hiệu bằng các chữ cái A, B, C, D và E. Có rất nhiều phân loại cho mô hình này. Tất cả chúng đều khác nhau ở các dốc của các đường kiến tạo. Vì vậy, trước khi bắt đầu kiểm tra các tam giác có thể tìm thấy trên thị trường, chúng ta sẽ học cách vẽ các đường kiến tạo.

Để hiểu cách vẽ các đường kiến tạo, hãy vẽ một tam giác gồm các sóng phụ A-B-C-D-E (xem hình 52) và vẽ các đường kiến tạo từ đầu đến cuối mô hình thông qua các đỉnh của sóng A và C và các đỉnh của sóng B và D.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 52.

Phương pháp này được sử dụng để vẽ ra các đường kiến tạo trong tất cả các loại mô hình tam giác.

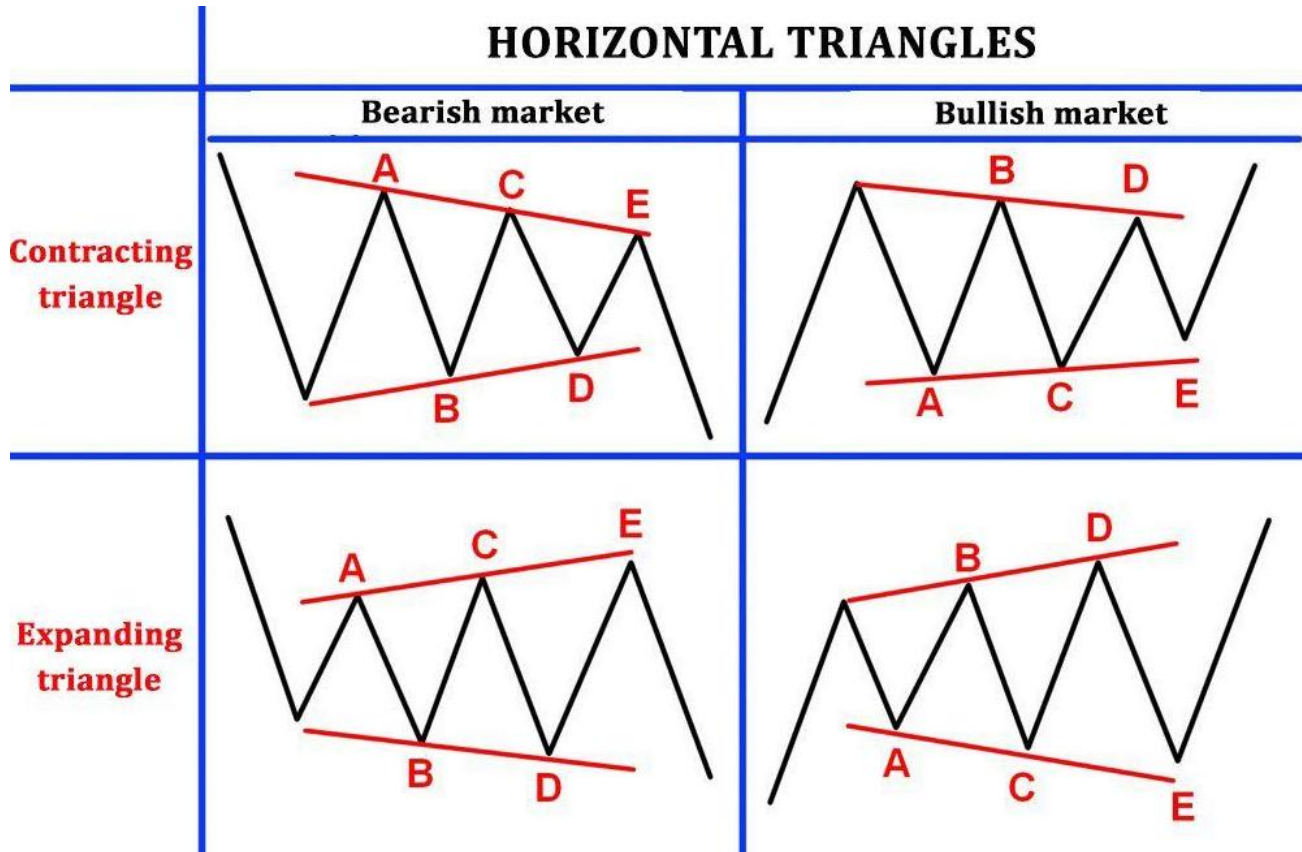
Bây giờ chúng ta đã học được cách vẽ các đường kiến tạo, tiếp theo ta sẽ tiến hành phân loại các sóng tam giác. Các sóng tam giác có thể nằm ngang hoặc theo hướng xiên. Ta sẽ cùng xem xét các tam giác nằm ngang trong phần này.

Các sóng tam giác nằm ngang có thể ở dạng nhỏ dần hoặc lớn dần. Nếu ta kéo dài các đường kiến tạo về phía trước trong một mô hình tam giác nhỏ dần, chúng sẽ thu nhỏ lại. Hình 53 biểu diễn một mô hình của một tam giác nhỏ dần nằm ngang cho thị trường giá lên và giá xuống.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 53.

Ta thấy rằng đường kiến tạo phía trên của tam giác đó chệch xuống trong khi đường kiến tạo phía dưới sẽ chệch lên trên. Những đường này dần tiến lại gần nhau do đó một tam giác như vậy được gọi là “nhỏ dần”.

Phần dưới của hình 53 cho thấy một số ví dụ về tam giác nằm ngang mở rộng trong thị trường giá xuống và giá lên. Ta thấy rằng đường kiến tạo phía trên của tam giác đó chệch lên trên trong khi đường kiến tạo phía dưới chệch xuống, nghĩa là các đường này đang dần tách xa nhau.

Thời điểm quan trọng: một trong các đường kiến tạo của tam giác nhỏ dần hoặc lớn dần có thể sẽ nằm ngang.

Bây giờ, hãy cùng xem xét các quy tắc cho các mô hình tam giác nằm ngang. Chúng ta sẽ bắt đầu với loại tam giác nằm ngang phổ biến nhất - tam giác nhỏ dần nằm ngang..

### **Quy tắc tam giác thu gọn theo chiều ngang:**

1. Gồm 5 sóng.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

2. Công thức sóng: C-C-C-C-C
3. Sóng B có thể ở bất kỳ kích thước nào.
4. Sóng C < Sóng B.
5. Sóng D < Sóng C.
6. Sóng E < Sóng D.
7. Có thể tìm thấy tại vị trí của sóng áp chót hoặc sóng cuối cùng trong mô hình cấp cao.

## Hướng dẫn cho tam giác nhỏ dần nằm ngang:

1. Sóng điều chỉnh nông.
2. Sóng điều chỉnh dài.

## Nhận xét về quy tắc và hướng dẫn của tam giác nhỏ dần nằm ngang:

Một tam giác nhỏ dần nằm ngang bao gồm 5 sóng có tính điều chỉnh. Tuy nhiên, có một số quan sát đáng cân nhắc có liên quan đến loại sóng này. Ít nhất 3 trong số 5 sóng trong tam giác dạng này là các zigzag, tức là các mô hình sóng đơn giản. Ít nhất một sóng là mô hình sóng điều chỉnh phức tạp, ví dụ như mô hình double hoặc triple three.

Quy tắc thứ ba là sóng B có thể có kích thước bất kỳ. Điều đó có nghĩa là sóng B có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn sóng A. Nếu sóng B lớn hơn sóng A thì tam giác đó được gọi là “đang chạy”. Quy tắc thứ 4, 5 và 6 chỉ rõ các kích thước tương đối của các sóng với nhau.

Đối với quy tắc thứ 7, mệnh đề một tam giác chỉ có thể xuất hiện ở vị trí của sóng áp chót hoặc sóng cuối cùng trong mô hình cấp cao nên được hiểu như sau: một tam giác không thể xuất hiện ở vị trí của sóng thứ hai trong một sóng đẩy vì sóng 2 không phải là sóng áp chót hoặc sóng cuối cùng trong một sóng đẩy, nhưng nó có thể xảy ra ở vị trí của sóng thứ tư trong một sóng đẩy vì sóng 4 là sóng áp chót. Theo cách tương tự, một tam giác có thể hình thành ở vị trí của sóng B bên trong zigzag, sóng B trong một sóng đi ngang, sóng X trong một zigzag kép hoặc sóng X và Y trong một mô hình double three. Ngoài ra, nó có thể được tìm thấy ở vị trí của sóng XX và Z trong mô hình triple three hoặc ở vị trí của sóng D hoặc E trong một tam giác.

Về phần hướng dẫn, nhận xét sẽ như sau:

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Sóng tam giác luôn là một sóng điều chỉnh nông của xu hướng trước đó và kích thước của nó hiếm khi đạt đến Fibonacci 36% của sóng trước đó. Bởi vì sóng tam giác là một sóng điều chỉnh nông nên thị trường còn nhiều sức mạnh và nó cần được sử dụng vào đâu đó. Vì vậy, sức mạnh này được tận dụng để xây dựng nên một sóng điều chỉnh dài, đó là lý do tại sao các sóng tam giác luôn là các sóng điều chỉnh dài.

### **Đây là những quy tắc cho tam giác lớn dần nằm ngang:**

1. Gồm 5 sóng.
2. Công thức sóng: C-C-C-C-C
3. Sóng B có thể có kích thước bất kỳ.
4. Sóng C > Sóng B.
5. Sóng D > Sóng C.
6. Có thể tìm thấy ở vị trí của sóng áp chót hoặc sóng cuối cùng theo các mô hình sóng ba và sóng tam giác.

### **Hướng dẫn cho tam giác lớn dần nằm ngang:**

1. Sóng điều chỉnh nông.
2. Sóng điều chỉnh dài.

Về cơ bản, các quy tắc cho các tam giác nhỏ dần và lớn dần nằm ngang là tương tự nhau. Điểm khác biệt chính nằm ở kích thước sóng, điều được phản ánh qua quy tắc 3, 4 và 5. Các quy tắc, hướng dẫn và vị trí khác của hai mô hình này đều tương tự nhau.

### **Tam giác xiên**

Trên quy mô lịch sử phân tích sóng Elliott, mô hình này chỉ được phát hiện cách đây không lâu. Khoảng 10 năm trước, các chuyên gia phân tích sóng của Nga đã phát hiện và công bố mô hình này trên một trong những diễn đàn nổi tiếng lúc bấy giờ. Sau đó, Dmitry Vozny, tác giả cuốn sách “Code Elliott”, đã xuất bản một loạt bài viết về mô hình này và trao đổi về chủ đề này với ông Robert Prechter, một trong những nhà nghiên cứu có năng lực nhất thế giới về phân tích sóng Elliott và là tác giả của cuốn sách “Nguyên lý Sóng Elliott”. Ông Prechter đã chấp nhận mô hình mới và nó có tên - Tam giác xiên.

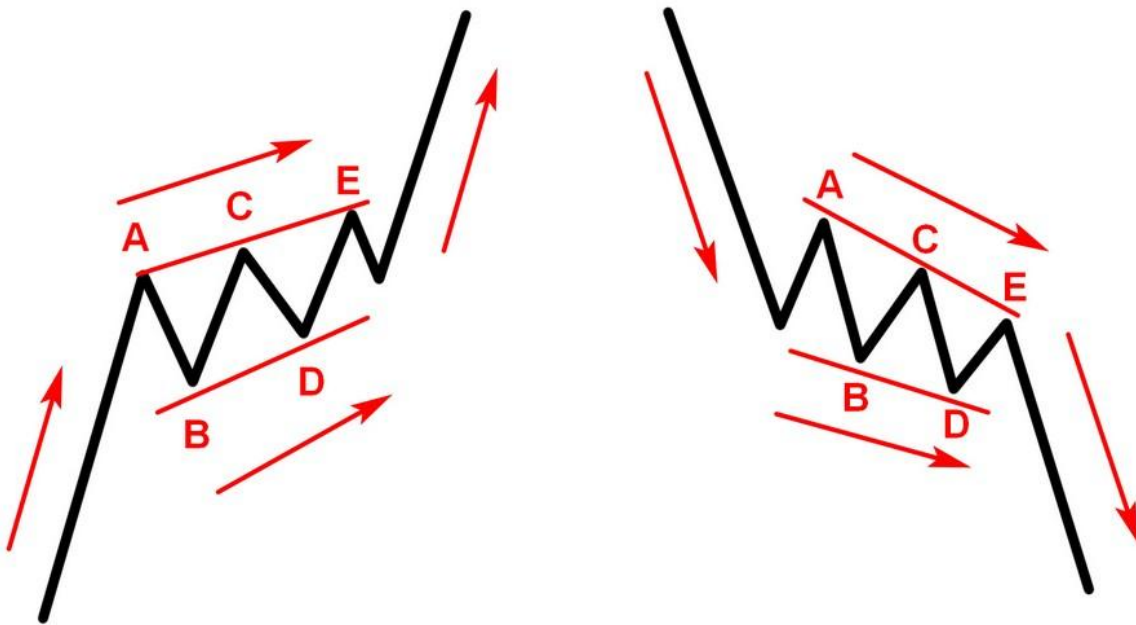
**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Một tam giác xiên khác với một tam giác nằm ngang ở độ dốc của các đường kiến – cả hai đường đều chệch theo cùng một hướng, hướng lên hoặc hướng xuống.

Hình 54 biểu diễn các tam giác xiên trong một thị trường giá lên và giá xuống.



Hình 54.

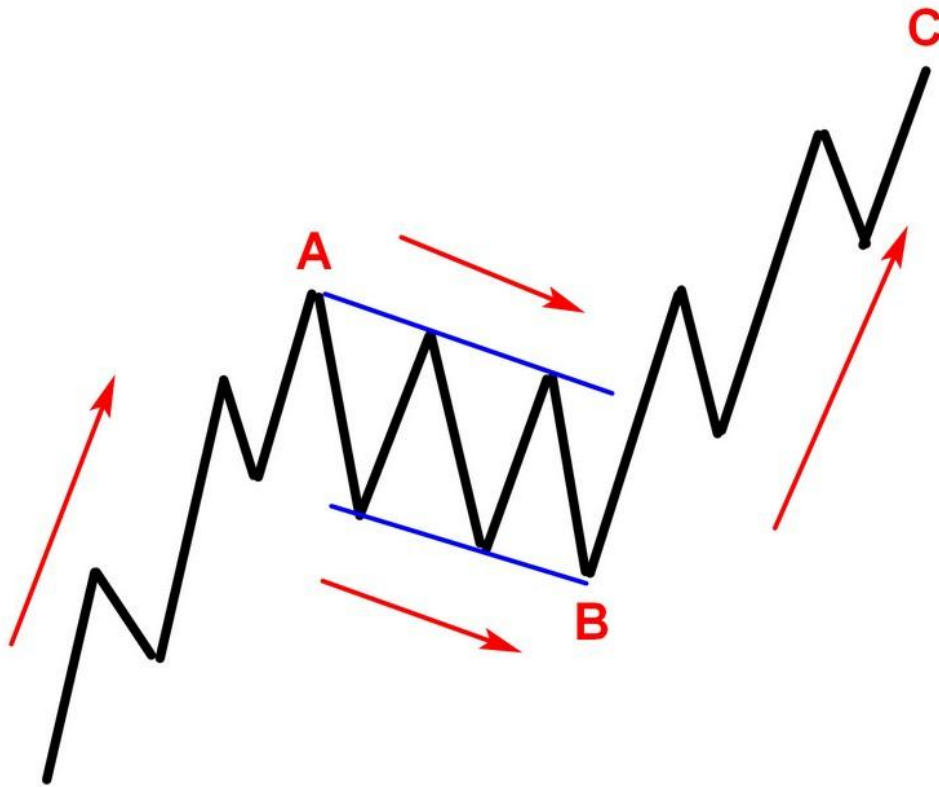
Có một điểm rất quan trọng cần nhớ: các đường kiến tạo của tam giác xiên luôn hướng theo chiều của xu hướng chính. Nếu xu hướng đang tăng dần thì các đường kiến tạo không thể chệch xuống và ngược lại, nếu xu hướng đang giảm dần thì các đường kiến tạo của tam giác xiên không thể chệch lên trên.

Đây là một ví dụ. Hãy vẽ một zigzag tăng dần có sóng B trông giống như một tam giác xiên (xem hình 55).

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Hình 55.

Ta thấy rằng xu hướng đang tăng dần trong khi các đường kiến tạo lại chệch xuống. Nếu chúng ta cho rằng mô hình đó là tam giác A-B-C-D-E thì đó là một sai lầm. Trên thực tế, mô hình này ở dạng sóng điều chỉnh đi ngang được tạo thành từ 5 sóng phụ và có hướng ngược lại với xu hướng chính là mô hình triple three và do đó phải được đánh dấu bằng các chữ cái W-X-Y-XX-Z.

Hãy nhớ những thông tin trên vì nhiều nhà giao dịch thường đánh dấu nhầm các mô hình theo xu hướng thành các tam giác.

Tiếp theo, hãy cùng tìm hiểu lý do tại sao các tam giác xiên lại xuất hiện trên thị trường. Nó thường xảy ra khi động lực tăng hoặc giảm quá mạnh và không cho phép hình thành một tam giác nằm ngang thường; thay vào đó, chúng khiến mô hình nghiêng theo hướng của xu hướng. Trong những trường hợp một tam giác như vậy đã hình thành, thị trường sẽ tiếp tục đi theo cùng hướng mà nó đã di chuyển trước khi tam giác xuất hiện. Đương nhiên, đặc tính này có thể và nên được áp dụng trong giao dịch.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét các quy tắc và hướng dẫn cho các tam giác xiên.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

## Quy tắc Tam giác xiên:

1. Gồm 5 sóng.
2. Công thức sóng: C-C-C-C-C
3. Sóng C < Sóng B.
4. Sóng D > Sóng C.
5. Sóng E < Sóng D.
6. Các đường kiến tạo luôn chệch theo hướng của xu hướng
7. Có thể tìm thấy tại vị trí sóng áp chót trong mô hình cấp cao.

## Nhận xét về các quy tắc tam giác xiên:

Điểm chính giúp phân biệt một tam giác xiên với một tam giác nằm ngang là kích thước sóng, được thể hiện qua quy tắc 3, 4 và 5. Ngoài ra, hai đường kiến tạo trong tam giác xiên luôn chệch theo cùng một hướng và cùng hướng với xu hướng, không giống như trong các tam giác nằm ngang. Một điểm khác biệt nữa là tam giác xiên có thể chỉ xuất hiện ở vị trí của sóng áp chót theo mô hình cấp cao trong khi tam giác nằm ngang còn có thể xuất hiện ở vị trí của sóng cuối cùng trong các mô hình double/triple three và tam giác.

Chúng ta đã nghiên cứu xong ba loại sóng có tính chất phát động và bảy loại sóng có tính chất điều chỉnh. Giờ đây, bạn đã quen thuộc với các quy tắc cho từng mô hình sóng có thể xuất hiện trong phân tích sóng Elliott trong Forex.

## Mối quan hệ giữa các sóng Elliott và số Fibonacci

Như tôi đã đề cập ở phần 5 của bài viết này, dãy Fibonacci giúp dự đoán kích thước của sóng trong phân tích sóng Elliott. Bây giờ tôi sẽ cung cấp một số quy luật thống kê sẽ giúp các nhà giao dịch đưa ra dự báo chính xác hơn về điểm kết thúc của các sóng.

Khi dự báo kích thước sóng, chúng ta nên xem xét cấu trúc bên trong, độ dài và kích thước của sóng.

Bất kỳ sóng nào cũng có thể được coi là hoàn thành chỉ khi

1. Nó bao gồm nhiều sóng phụ ở cấp thấp như các quy tắc phân tích sóng gợi ý.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

2. Thời gian hình thành của mô hình này tương ứng về mặt trực quan với các sóng phụ khác và kích thước của mô hình. Ví dụ: nếu sóng 2 đang hình thành trong một sóng đẩy thì nó không được quá dài hoặc quá ngắn so với sóng 1. Sóng điều chỉnh càng sâu thì thời gian điều chỉnh càng ngắn. Để hiểu rõ được điều này thì thường cần có nhiều kinh nghiệm thực tế. Việc quan sát biểu đồ thị trường và tỷ lệ sóng giúp phát triển kỹ năng đưa ra dự báo chính xác.
3. Kích thước sóng thường tương ứng với tỷ lệ chuỗi Fibonacci. Đó là lý do tại sao các đường Fibonacci là một công cụ mạnh mẽ trong việc dự báo kích thước sóng và xác định các mức đặt lệnh.

Tiếp theo, hãy xem xét tỷ lệ sóng chính dựa trên chuỗi Fibonacci.

### Phát động. Sóng đẩy

1. Sóng 2 thường bằng 50%, 61,8%, 76,4% của sóng 1.
2. Sóng 3 thường bằng 161,8%, 200%, 261,8%, 323,6%, 423,6% của sóng 1.
3. Sóng 4 thường bằng 14,6%, 23,6%, 38,2% nhưng không vượt quá 50% của sóng 3.
4. Sóng 5 thường bằng 61,8%, 76,4%, 100%, 123,6%, 161,8% của sóng 1 và 38,2%, 50%, 76,4%, 100% của sóng 3.

### Sóng Phát động. Leading diagonal

1. Sóng 2 thường bằng 50%, 61,8%, 76,4% của sóng 1.
2. Sóng 3 thường bằng 50%, 61,8%, 76,4%, 100%, 161,8% của sóng 1.
3. Sóng 4 thường bằng 38,2%, 50%, 61,8%, 76,4% của sóng 3.
4. Sóng 5 thường bằng 38,2%, 50%, 61,8% của sóng 1 nếu sóng 3 nhỏ hơn sóng 1 và bằng 76,4%, 100%, 161,8% của sóng 1 nếu sóng 3 lớn hơn sóng 1.
5. Sóng 5 thường bằng 38,2%, 50%, 61,8% của sóng 3 if wave 3 is smaller than wave 1, and 76,4%, 100%, 161,8% của sóng 3 if wave 3 is bigger than wave 1.

### Phát động. Ending diagonal

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

1. Sóng 2 thường bằng 50%, 61,8%, 76,4% của sóng 1.
2. Sóng 3 thường bằng 61,8%, 76,4%, 100%, 161,8% của sóng 1.
3. Sóng 4 thường bằng 38,2%, 50%, 61,8%, 76,4% của sóng 3.
4. Sóng 5 thường bằng 38,2%, 50%, 61,8% của sóng 1 nếu sóng 3 nhỏ hơn sóng 1 và bằng 76,4%, 100%, 161,8% của sóng 1 nếu sóng 3 lớn hơn sóng 1.
5. Sóng 5 thường bằng 38,2%, 50%, 61,8% của sóng 3 nếu sóng 3 nhỏ hơn sóng 1 và bằng 76,4%, 100%, 161,8% của sóng 3 nếu sóng 3 lớn hơn sóng 1.

## Sóng điều chỉnh. Zigzag

1. Sóng B thường bằng 50%, 61,8%, 76,4% sóng A.
2. Sóng C thường bằng 61,8%, 76,4%, 100%, 161,8%, 200% sóng A.

## Sóng điều chỉnh. Flat.

1. Sóng A thường gần bằng sóng B.
2. Sóng C thường bằng 76,4%, 100%, 161,8% của sóng B.

## Sóng điều chỉnh. Zigzag kép và ba.

1. Sóng Y thường bằng 61,8%, 76,4%, 100%, 161,8% của sóng W.
2. Sóng Z thường bằng 61,8%, 76,4%, 100%, 161,8% của các sóng W và Y.
3. Sóng X và XX thường bằng 50%, 61,8%, 76,4% sóng các sóng W và Y.

## Sóng điều chỉnh. Double and triple three

Các sóng thường có cùng kích thước vì double three và triple three là các mô hình đi ngang. Các đường kiến tạo của một mô hình có thể cho biết kích thước sóng gần đúng.

## Sóng điều chỉnh. Tam giác nhỏ dần nằm ngang.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Mỗi sóng đi sau thường bằng 61,8% hoặc 76,4% của sóng trước.

Sóng điều chỉnh. Tam giác lớn dần nằm ngang.

Mỗi sóng đi sau thường bằng 123,6% hoặc 161,8% của sóng trước.

Sóng điều chỉnh. Tam giác xiên.

1. Sóng B và D thường lần lượt bằng 123,6% hoặc 161,8% của sóng A và C.
2. Sóng C và E thường bằng 61,8% hoặc 76,4% của sóng B và D.

## Phương pháp xác định các mô hình sóng trên biểu đồ

Mọi nhà giao dịch thực hành phân tích sóng Elliott đều cần biết cách xác định sóng. Phương pháp dưới đây sẽ hỗ trợ cho việc này.

Khi xác định loại sóng, hãy luôn chọn loại đơn giản hơn. Nghĩa là nếu một sóng có thể được xác định là một zigzag hoặc một zigzag kép, hãy chọn lựa chọn zigzag thay vì zigzag kép. Những người mới bắt đầu thường vẽ các mô hình sóng phức tạp, điều này khiến việc đưa ra dự báo đúng và giao dịch sinh lời trở nên khó khăn hơn. Cần phải tối giản hết mức mọi thứ. Chỉ cần nhớ tuân thủ các quy tắc và hướng dẫn. Nếu bạn có xu hướng đơn giản hóa việc vẽ đồ thị nhưng vì lý do đó mà không tuân thủ một vài quy tắc, điều đó có nghĩa là bạn đã đạt đến một giới hạn nhất định và không thể khiến mô hình này đơn giản hơn nữa. Bạn phải tìm ra một lựa chọn đơn giản nhất, hài hòa nhất, cân đối nhất và tuân thủ toàn bộ các quy tắc và hướng dẫn.

Tất cả các sóng trên biểu đồ có thể được chia thành 2 loại:

- xu hướng
- đi ngang

Nếu bạn thấy một sóng xu hướng đang hình thành, nghĩa là thị trường đang tăng hoặc giảm mạnh, bạn có thể kết luận rằng một sóng đẩy, một zigzag hoặc một zigzag kép đang hình thành.

Nếu một flat đang hình thành, điều đó có nghĩa là chúng ta đang xử lý một mô hình flat, mô hình double/triple three hoặc một sóng tam giác.

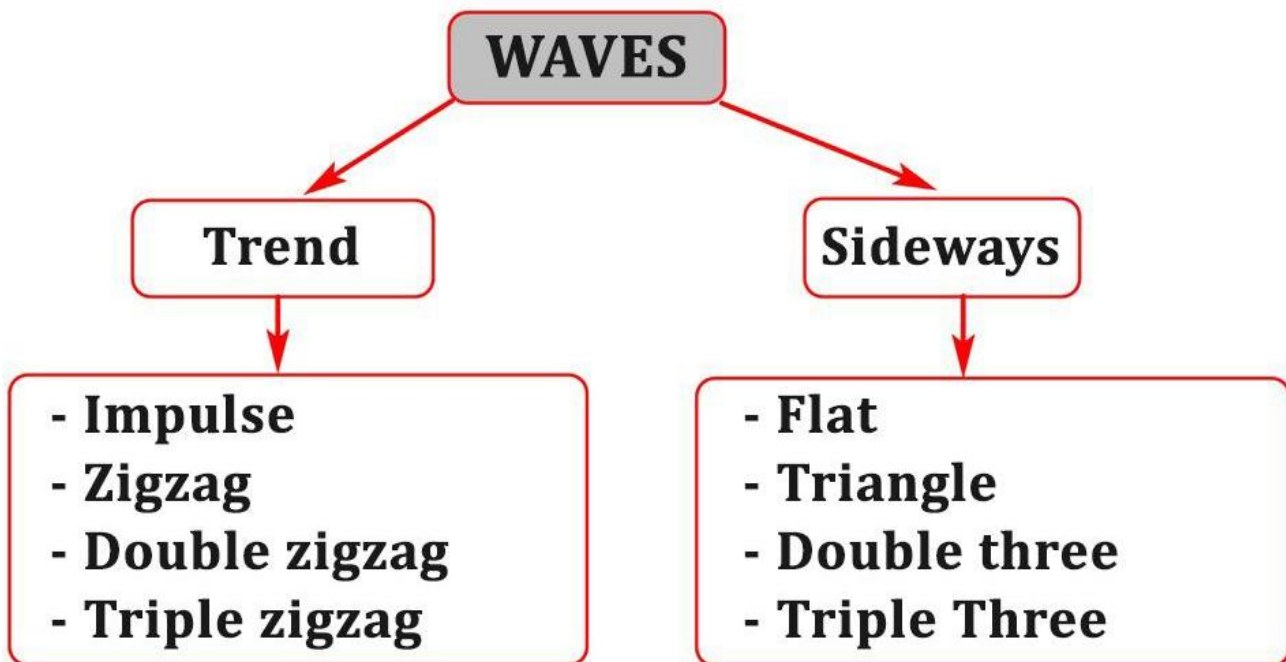
Khi bạn đã xác định được đó là sóng xu hướng hay đi ngang, bạn cần chọn cách vẽ biểu đồ đơn giản nhất.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Hình 56 thể hiện phân loại các sóng dựa trên hướng phát triển (xu hướng hoặc đi ngang) và mức độ phức tạp của chúng (từ đơn giản đến phức tạp).



Hình 56.

Dưới đây là 2 ví dụ về cách sử dụng sơ đồ này.

## Ví dụ 1

Giả sử chúng ta thấy một đoạn sóng xu hướng đang phát triển. Đầu tiên, nhìn vào phần bên trái của sơ đồ, ta hiểu rằng rất có thể đây là một sóng đẩy, một zigzag hoặc một zigzag kép/ba.

Kiểm tra xem sóng này có thể là sóng đẩy hay không. Nếu không, hãy kiểm tra xem đó có phải là zigzag không. Nếu không, sóng này liệu có thể là một zigzag kép không? Nếu câu trả lời là đúng. Từ đây, ta đã có được câu trả lời đúng.

## Ví dụ 2

Ta thấy một đoạn sóng đi ngang đang phát triển. Nghĩa là nó có thể là một flat, một tam giác hoặc một mô hình double/triple three. Đầu tiên, hãy kiểm tra xem sóng này có thể được xác định là một flat hay không. Nếu không, hãy kiểm tra xem đó có phải là tam giác không. Giả sử nó là một tam giác nhỏ dần trong ví dụ của chúng ta. Từ đây, ta đã tìm thấy câu trả lời đúng.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Tất nhiên sơ đồ này có phần đơn giản hóa và mọi thứ có thể trở nên phức tạp hơn trong thực tế, thậm chí còn phức tạp hơn khi có các lựa chọn thay thế khác. Tuy nhiên, việc nắm vững phần thực hành của phân tích sóng Elliott và học cách xác định sóng một cách dễ dàng sẽ không thể thực hiện được nếu không nắm rõ lý thuyết và các quy tắc.

Tiếp theo, hãy xem xét một số khuyến nghị về cách nghiên cứu phần thực hành của phân tích sóng Elliott.

## Khuyến nghị về việc nghiên cứu phần thực hành của phân tích sóng Elliott

Sau khi dạy nguyên lý sóng Elliott cho rất nhiều học viên, tác giả bài viết này đã tích lũy được một số kinh nghiệm và hiểu biết về cách tổ chức quá trình đào tạo.

Để nắm vững phần lý thuyết của phân tích sóng Elliott, người học cần hiểu và ghi nhớ các quy tắc. Các bài viết, khóa học video và sách về phân tích sóng Elliott sẽ giúp ích rất nhiều cho bạn tại đây.

Tuy nhiên, những người đã nắm được lý thuyết thì việc vẫn gặp một số vấn đề khi xác định sóng là có thể xảy ra. Một người khi phải đối mặt với khó khăn có thể được miêu tả tương tự như “Tôi nắm các quy tắc nhưng tôi vẫn cảm thấy bối rối khi nhìn vào biểu đồ thị trường”.

Cách đơn giản và nhanh nhất để nắm vững phần thực hành của phân tích sóng Elliott là tìm một chuyên gia.

Sẽ thật tuyệt nếu một huấn luyện viên có trình độ đi cùng bạn khi bạn bắt đầu đối diện với vấn đề này. Cách luyện tập tốt nhất là khi bạn cố gắng tự mình xác định các sóng, với sự hướng dẫn của người dạy và đặt cho bạn những câu hỏi gợi ý.

Sau đó, khi bạn đã có được kỹ năng thực tế trong việc xác định sóng, cách đào tạo sau sẽ tốt hơn: khi bạn xác định sóng trong các đoạn biểu đồ do người huấn luyện đề xuất. Khi làm điều này, bạn nên suy nghĩ tích cực, kiểm tra các quy tắc và cố gắng tìm ra câu trả lời đúng mà đơn giản nhất. Nói cách khác, bạn cần hình thành các kích hoạt những liên kết thần kinh mới trong não. Tiếp theo, điều rất quan trọng là phân tích của bạn phải được người huấn luyện kiểm tra. Người huấn luyện cần cho bạn biết phân đoạn nào đã được xác định chính xác và phân đoạn nào được xác định sai. Ngoài ra, họ nên giải thích trực tiếp cho bạn lý do cho việc xác định sai của bạn (không tuân thủ các quy tắc, hướng dẫn hoặc tỷ lệ sóng) hoặc gợi ý câu trả lời đúng.

Làm việc theo cách tiếp cận này cho phép việc nghiên cứu về nguyên lý sóng Elliott của bạn được thực hiện một cách bài bản và nhanh chóng nhất có thể.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

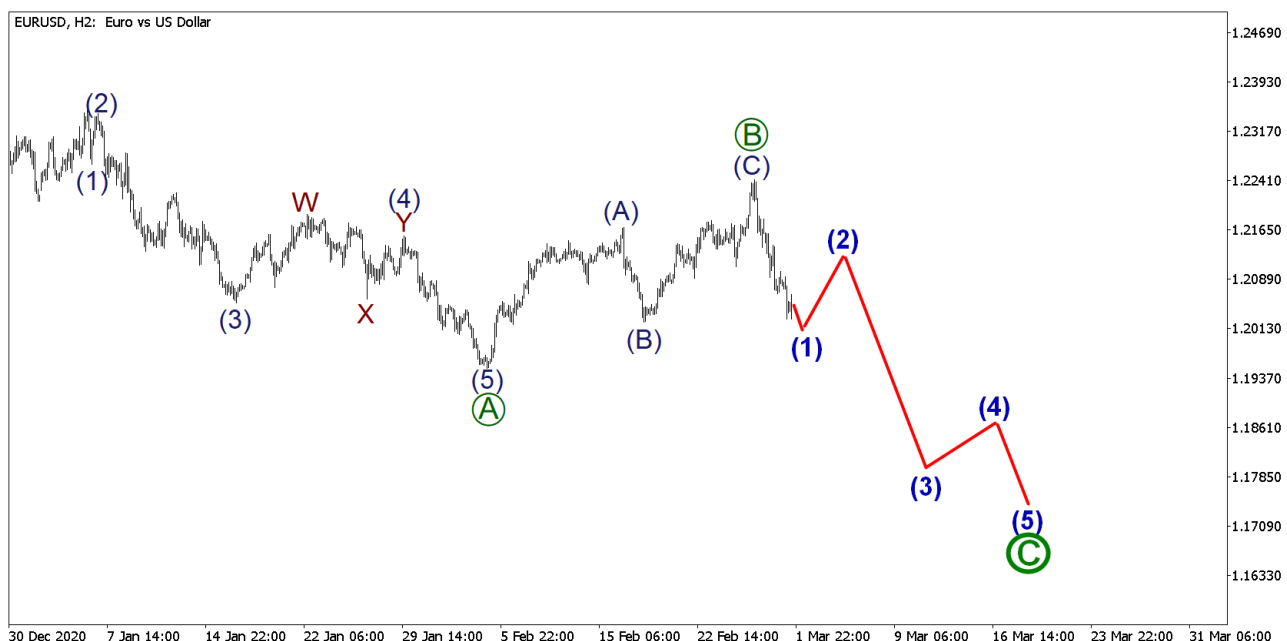
Tác giả của bài viết này đã xây dựng một chương trình đặc biệt nhằm giúp người học nắm vững cách phân tích sóng Elliott trong thực tế. Một số lượng lớn các nhà giao dịch thành công đã được huấn luyện từ trong khuôn khổ chương trình này.

Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào hoặc muốn đăng ký chương trình thực tế này, vui lòng gửi email cho tôi hoặc liên hệ với tôi qua các nền tảng mạng xã hội.

## Giao dịch Sử dụng Lý thuyết sóng Elliott

Bây giờ, tôi muốn đưa ra một ví dụ về giao dịch bằng phân tích sóng Elliott. Đầu tiên, chúng ta phân tích biểu đồ giá bằng lý thuyết sóng Elliott. Biểu đồ bên dưới cho thấy rõ rằng thị trường đang hình thành một zigzag giảm dần A]-[B]-[C], với các sóng [A] và [B] đã hoàn thành bên trong. Sóng [B] là một zigzag, có cấu trúc khá rõ ràng nên sóng đẩy [C] đã bắt đầu hình thành.

Nếu giả định này là đúng thì sóng đẩy giảm giá (1) sẽ được hình thành, sóng này được đánh dấu bằng số màu xanh dương. Vì vậy, sau khi sóng (1) hoàn thành, sóng điều chỉnh tăng (2) sẽ hình thành, sóng này sẽ bằng sóng đẩy (1) 50% - 76,4%. Vì vậy, chúng ta có thể đặt giới hạn bán ở mức 50% của sóng (1). Lệnh chờ có thể đặt ở mức thấp hơn một chút để đảm bảo an toàn nếu giá đạt đến chính xác mức đã chỉ định và ngay lập tức bắt đầu giảm trong sóng đẩy (3).

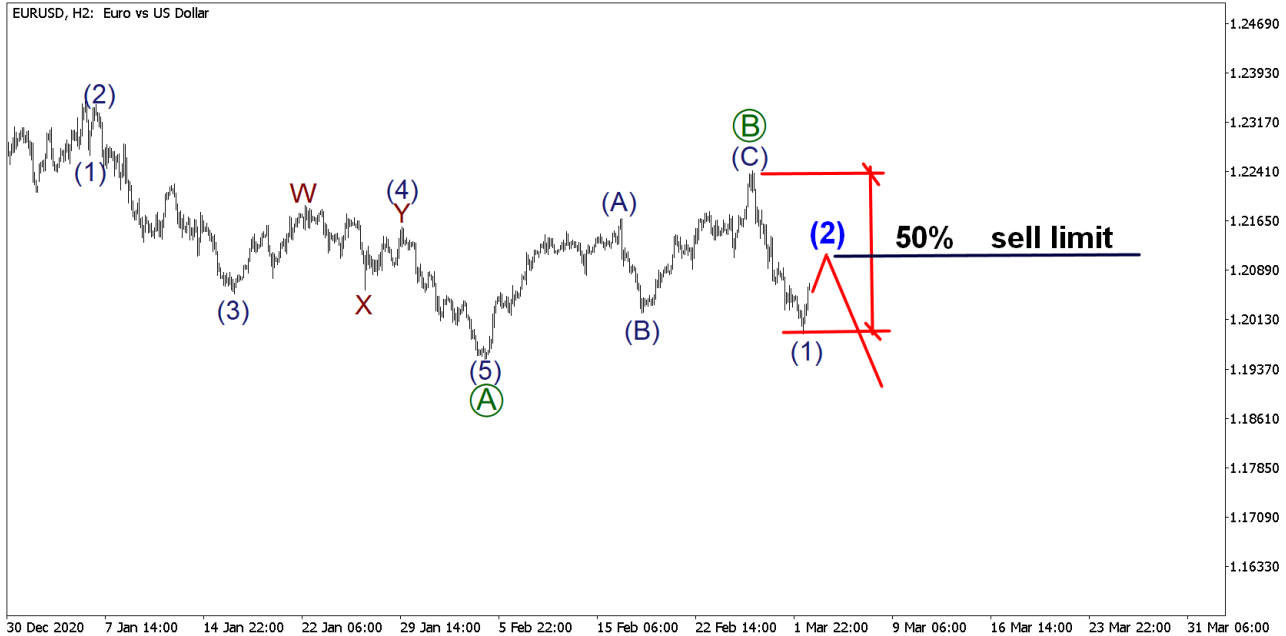


Tình huống tiếp theo sẽ như sau:

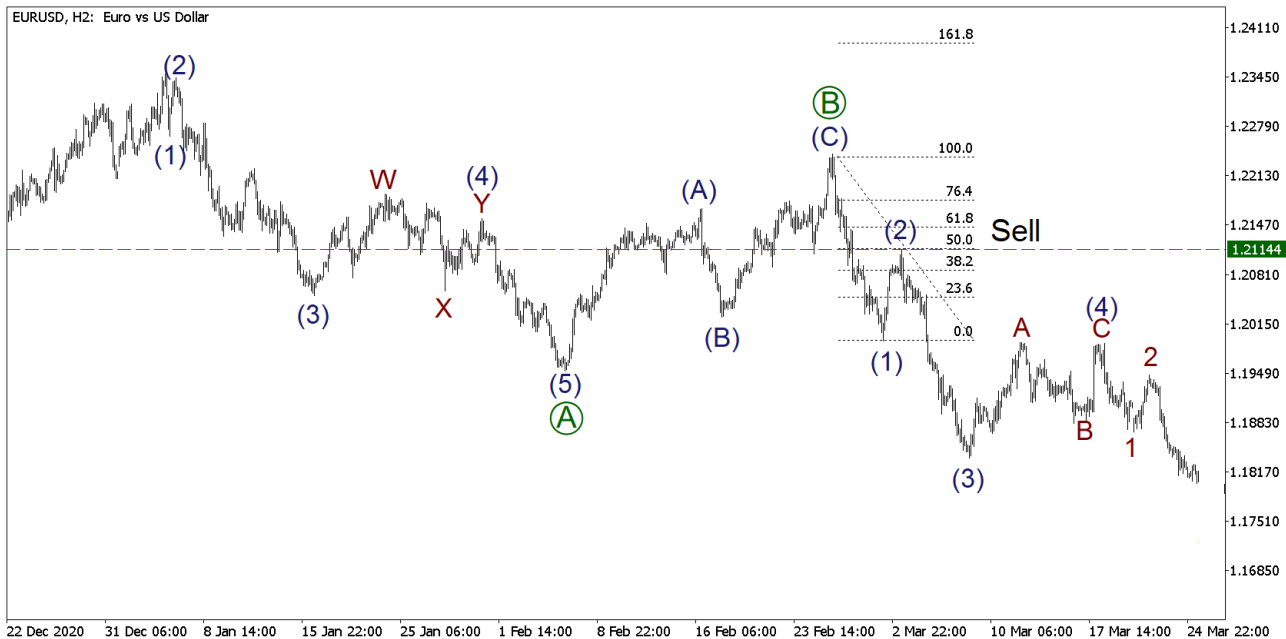
**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Giả định này được xác nhận và ta nhận ra kịch bản được đề xuất trước đó. Ta đặt giới hạn bán tại mức mà sóng (2) dự kiến sẽ bằng 50% sóng đẩy (1). Lệnh Cắt lỗ có thể được đặt ở mức bắt đầu của sóng (1). Mức Chốt lời được xác định dựa trên sóng đẩy giảm dần [A] bằng cách sử dụng các mức Fibonacci.

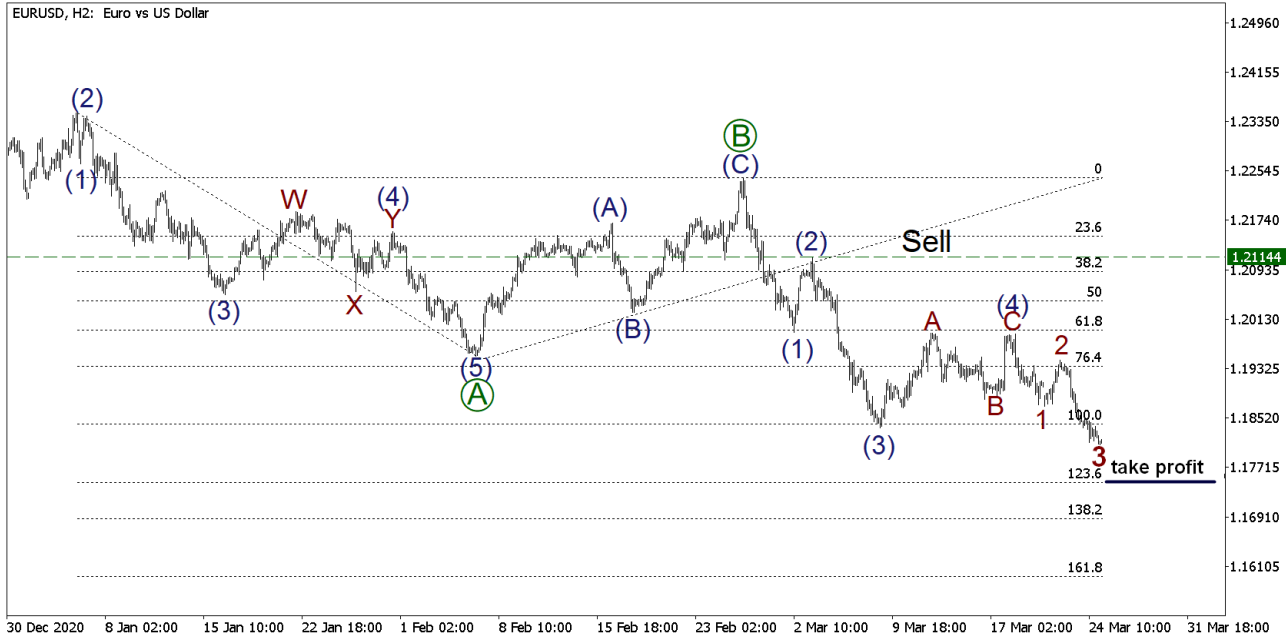


Từ biểu đồ trên, bạn có thể thấy thị trường đang tiếp tục di chuyển theo kịch bản dự kiến để hình thành sóng đẩy [C]. Các lệnh bán đã được vào tại mức 1.2114 khi sóng (2) đạt đến mức thoái lui Fibonacci 50% của sóng (1). Đây là điểm vào lệnh chính xác tại mức giá tốt nhất.

**Tác giả**

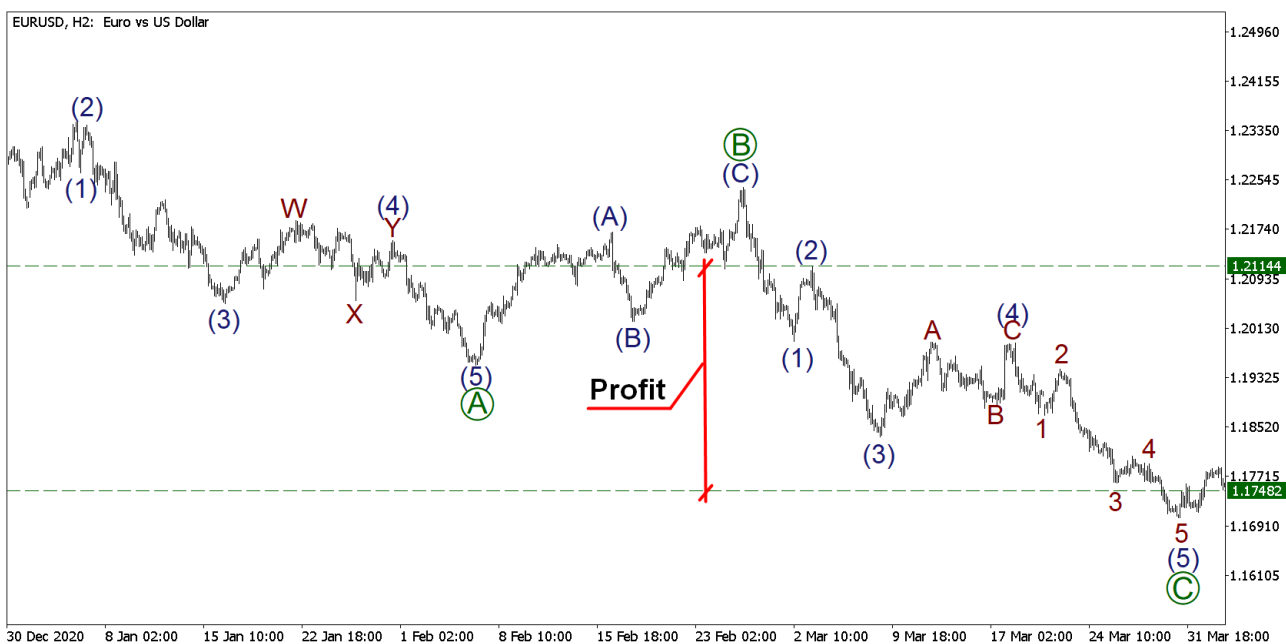
Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Sóng [A] và [C] thường có xu hướng bằng nhau trong các zigzag. Tuy nhiên, trong trường hợp này, chỉ có sóng 3 của sóng [C] đang mở ra và sóng [C] đã bằng 100% của sóng [A]. Do đó, sóng đẩy [C] phải lớn hơn sóng đẩy [A] và ít nhất phải đạt mức Fibonacci 123,6%, vì đây là tỷ lệ tiếp theo. Đó là lý do tại sao ta cần đặt mức chốt lời tại 123,6% của sóng [A].

Bây giờ, chúng ta hãy xem tình hình phát triển như thế nào và mô hình được hình thành sau cùng.



**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Ta nhận thấy thị trường đã diễn ra chính xác như kịch bản dự kiến. Sóng [C] đã hoàn thành zigzag giảm dần [A]-[B]-[C] và lệnh được đề xuất đã mang lại lợi nhuận. Lệnh bán được thực hiện tại mức được đánh dấu bằng đường màu xanh lá cây phía trên và thoát lệnh tại đường màu xanh lá cây phía dưới. Lợi nhuận thu được là khá lớn, cũng được đánh dấu trên biểu đồ (Profit).

## Chiến lược giao dịch sóng Elliott

Có hai chiến lược giao dịch sóng Elliott chính, giao dịch theo xu hướng và giao dịch đảo chiều.

Chiến lược giao dịch đảo chiều giúp bạn phát hiện các điểm xoay.

Bạn xác định trước các điểm xoay dựa trên dự báo của thị trường. Trong trường hợp này, quy mô đảo chiều không thành vấn đề vì giao dịch có thể vừa là ngắn hạn và dài hạn. Nói một cách đơn giản, nếu chúng ta phát hiện ra rằng một sóng đã kết thúc hoặc gần kết thúc, chúng ta sẽ vào lệnh nhằm kiếm lợi nhuận từ biến động giá mà đi ngược lại với xu hướng trước đó.

Chiến lược theo xu hướng, ngay từ tên gọi, chỉ việc phát hiện các xu hướng trên thị trường và giao dịch theo xu hướng đó. Ví dụ: chúng tôi đã xác định rằng một trong những sóng đầy mạnh nhất là sóng 3 đã bắt đầu phát triển. Từ đó, ta vào lệnh theo xu hướng (tức là giao lệnh mua trong xu hướng tăng, thị trường giá lên).

Các nhà giao dịch thường kết hợp hai chiến lược này tùy theo tình hình thị trường.

## Elliott dành cho giao dịch trong ngày

Lý thuyết sóng Elliott hoạt động hoàn hảo trong giao dịch trong ngày với các khung thời gian ngắn hạn. Các nhà giao dịch thường sử dụng khung thời gian từ 5-30 phút nhiều nhất để phân tích biểu đồ giá trong vòng một ngày. Tuy nhiên, bạn nên lưu ý rằng số lượng sóng trong khung thời gian tính theo phút thường là các sóng phức tạp và bị biến dạng. Điều đó chỉ có các nhà phân tích nâng cao mới có thể nhận biết thành công các mô hình sóng trong các khung thời gian ngắn hơn M5. Ngoài ra, giao dịch trong ngày có nhiều điểm chung với giao dịch trung và dài hạn.

## Dự đoán Dựa trên Mô hình Sóng

Theo thống kê, các sóng đầy là phổ biến nhất trên thị trường. Xét rằng các sóng đầy phụ là loại nhanh nhất và mạnh nhất trong tất cả các mô hình sóng Elliott, giao dịch trong sóng đầy là cách hiệu quả nhất để kiếm lợi nhuận từ giao dịch.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Loại sóng phổ biến thứ hai là zigzags. Zigzag cũng tốt cho giao dịch, nhưng nó có những đặc điểm riêng vì nó thuộc loại sóng điều chỉnh nên giao dịch với zigzag thường là một quy trình khó khăn hơn so với giao dịch theo sóng đẩy. Tuy nhiên, nhiều nhà giao dịch vẫn sử dụng mô hình này để kiếm lợi nhuận.

Việc sử dụng các loại sóng khác vẫn có thể mang lại lợi nhuận, nhưng những người thực hành sóng Elliott có kinh nghiệm hơn mới có thể làm được.

Tôi đã viết dự báo sóng Elliott hàng ngày cho thị trường tiền điện tử dựa trên lý thuyết sóng Elliott. Đồng nghiệp của tôi, Alex Geuta xuất bản phân tích hàng tuần về các cặp tiền tệ chính.

## Các indicator cho sóng Elliott

Để đánh dấu cấu trúc sóng Elliott một cách chính xác, người ta cần biết các quy tắc và hướng dẫn phân tích sóng và có thể áp dụng kiến thức này vào giao dịch thực tế trên biểu đồ giá thực. Một số nhà giao dịch sử dụng các chỉ báo để xác nhận các mô hình sóng được xác định trong biểu đồ.

### MACD

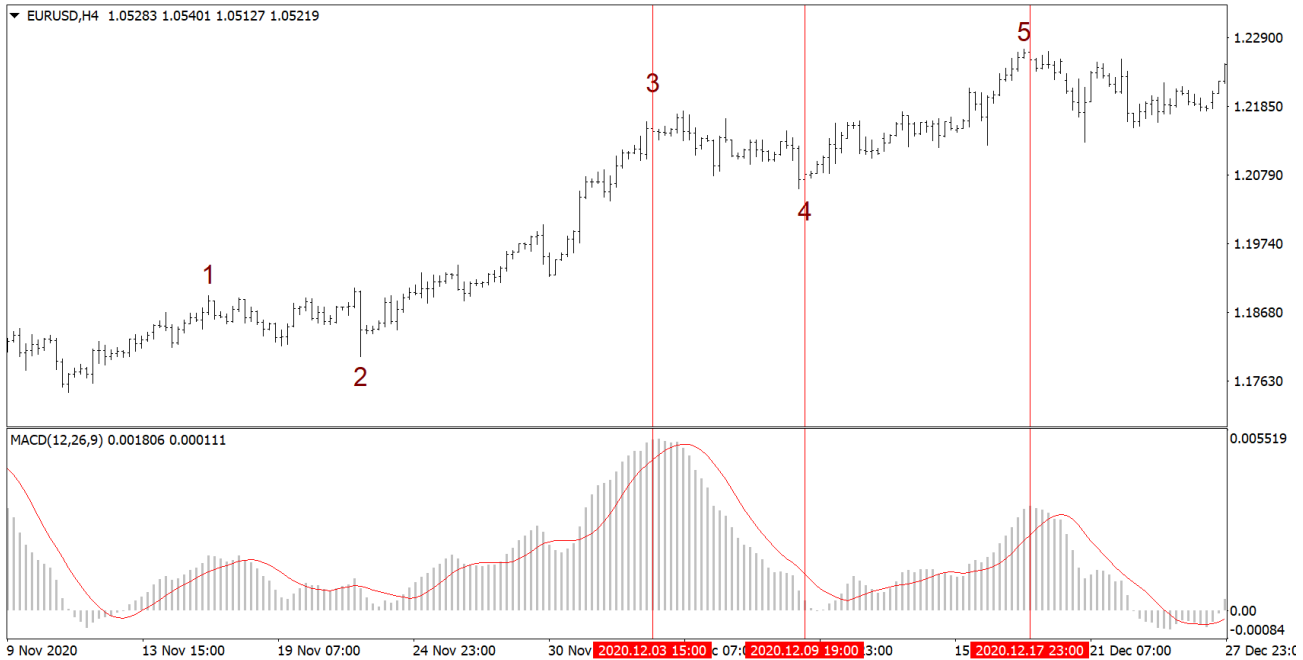
Chỉ báo MACD rất phổ biến đối với các nhà giao dịch nhưng nó thường được sử dụng trong phân tích kỹ thuật cổ điển. Tuy nhiên, các nhà phân tích sóng Elliott đã điều chỉnh việc sử dụng nó để xác nhận các mô hình sóng giả định. Ví dụ: Bill Williams đề xuất sử dụng chỉ báo MACD với các thông số cụ thể làm công cụ bổ sung để xác định sự hình thành sóng.

Chỉ báo MACD có thể giúp xác định điểm cuối của sóng đẩy 3. Sóng thứ ba thường đại diện cho phần mạnh nhất của xu hướng, biến động giá sẽ nhanh nhất trong sóng này. Đó là lý do tại sao dữ liệu cực trị của chỉ số MACD thường liên quan đến điểm kết thúc của sóng 3.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Trong hình trên, bạn thấy rằng giá trị cao nhất của MACD trùng với mức đỉnh được tạo bởi sóng 3.

Tiếp theo, các thanh chỉ báo giảm xuống 0 ở cuối sóng 4 (đường thẳng đứng màu đỏ ở chính giữa).

Một khoảnh khắc thú vị khác được đánh dấu bằng đường thẳng đứng bên phải. Tại điểm này, giá tăng cao hơn trong sóng 5 tạo thành mức đỉnh mới, trong khi các thanh MACD cũng báo hiệu mức đỉnh nhưng thấp hơn mức trước đó tại cuối sóng 3. Do đó, chỉ báo MACD có thể giúp phát hiện điểm kết thúc của sóng 3, 4 và 5 trong một sóng 5.

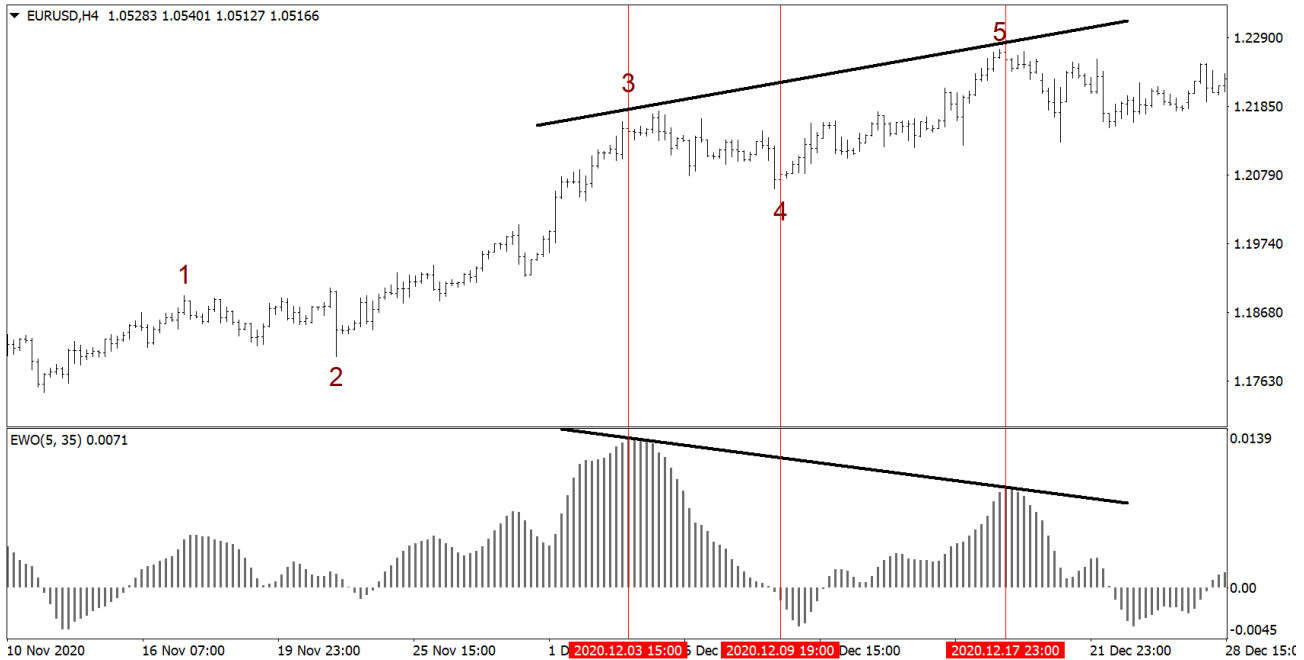
## Elliott Wave Oscillator

Elliott Wave Oscillator là một chỉ báo đo lường sự khác biệt giữa hai Đường Trung bình Động Đơn giản. EWO giống như chỉ báo MACD nhưng có các thông số khác nhau. Ngoài ra, không có đường tín hiệu nào trong biểu đồ EWO. Bạn biết rằng chỉ số MACD được tính bằng chênh lệch giữa hai đường trung bình động. Oscillator cho sóng Elliott đo lường sự khác biệt giữa đường trung bình động đơn giản (SMA) trong 5 kỳ và 35 kỳ dựa trên mức đóng cửa của mỗi thanh nến.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập



Bạn có thể quan sát từ biểu đồ trên, EWO cũng tương tự như MACD, thực tế là chúng giống nhau, điểm khác biệt là các tham số EWO không thể thay đổi và các chu kỳ MA luôn là 5 và 35, vốn thích hợp nhất để xác định hình dạng sóng.

Tôi muốn bổ sung rằng mô hình năm sóng ở đây kết thúc bằng sự phân kỳ được đánh dấu bằng các đường màu đen trong biểu đồ. Các đặc tính mang tính kỹ thuật của việc áp dụng EWO cũng giống như MACD.

Tôi đã mô tả các chỉ báo thường được sử dụng để xác nhận các dạng sóng được phát hiện trong biểu đồ. Đã có nhiều nỗ lực phát triển các chỉ báo có thể vẽ sóng một cách độc lập trên biểu đồ. Tuy nhiên, tôi chưa bao giờ gặp bất kỳ chỉ báo nào có thể vẽ các mô hình sóng theo tất cả các quy tắc và hướng dẫn. Đó là lý do tại sao tôi không khuyên bạn nên sử dụng những công cụ như vậy. Bạn nên sử dụng các chỉ báo kỹ thuật phổ biến làm công cụ bổ sung để xác nhận các mô hình sóng mà bạn tìm hiểu ra.

## Elliott Wave Prophet (Nhà tiên tri Sóng Elliott)

Chỉ báo The Elliott Wave Prophe (Nhà tiên tri Sóng Elliott) được thiết kế để hỗ trợ quá trình phân tích sóng và như các tác giả của nó đảm bảo, ở một mức độ nào đó, nó có thể dự đoán biến động giá tiếp theo dựa trên các sóng đã hình thành. Tôi đã khám phá chỉ báo này và quan điểm của tôi là nó sẽ không giúp ích gì trong giao dịch mà ngược lại, nó chỉ có thể khiến các nhà giao dịch thêm bối rối.

WATL

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Chỉ báo WATL xác định mức đỉnh và mức đáy mà chỉ báo Fractal thực hiện một cách hoàn hảo, và vẽ ra các đường xu hướng. Cả hai chức năng đều không liên quan đến phân tích sóng. Vậy nên, tôi không thể khuyên bạn nên sử dụng WALT.

## Cách đọc biểu đồ sóng Elliott

Nếu muốn đọc biểu đồ sóng Elliott, bạn nên học cách xác định và gắn nhãn sóng trong biểu đồ.

Nếu muốn xác định sóng nào hiện đang hình thành, bạn nên đánh dấu các sóng trong biểu đồ. Để thực hiện việc này, bạn có thể sử dụng quy trình từng bước sau:

1. Bạn nên bắt đầu gắn nhãn cho sóng từ khung thời gian dài nhất hiện có, tốt hơn là hãy nghiên cứu tất cả dữ liệu lịch sử có sẵn và xác định mô hình nào hiện đang hình thành về mặt phân tích sóng và nó đã hoàn thành ở mức độ nào.
2. Xác định mô hình lớn hơn và gắn nhãn cho nó bằng các chữ cái hoặc số của một mức sóng cụ thể. Nên ưu tiên các mức sóng cấp cao hơn, chẳng hạn như chu kỳ hoặc siêu chu kỳ.
3. Chuyển sang khung thời gian ngắn hơn và gắn nhãn các sóng phụ của mô hình lớn hơn bằng các chữ cái hoặc số mới của mức sóng nhỏ hơn một cấp độ.
4. Tương tự, hãy chuyển xuống khung thời gian bạn cần, ví dụ H4 hoặc H1. Tại thời điểm này, bạn sẽ nắm được bức tranh đầy đủ về những gì đang hình thành trong biểu đồ để có thể đưa ra dự báo dựa trên định nghĩa sóng hiện tại.

## Mẹo quan trọng khi sử dụng Sóng Elliott

Có những mẹo hàng đầu để giao dịch ngoại hối với sóng Elliott::

- Bắt đầu gắn nhãn các sóng với khung thời gian dài nhất hiện có;
- Chọn tùy chọn gắn nhãn đơn giản nhất;
- Đảm bảo rằng tất cả các quy tắc và hướng dẫn phân tích sóng đều được tuân thủ. Nếu không tuân theo bất kỳ quy tắc nào, mô hình sóng có thể không được xác định chính xác;

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

- Các sóng phổ biến nhất có xu hướng kết thúc ở mức giá cực trị. Có những cách cắt ngắn, nhưng chúng ít phổ biến hơn;
- Thực hiện theo thứ tự gắn nhãn và trình tự các mức độ sóng. Thứ tự trong các nhãn sẽ cho ra thứ tự trong kế hoạch giao dịch, đảm bảo giao dịch kiếm được lợi nhuận.

## Thuật ngữ Lý thuyết Sóng Elliott

Thuật ngữ	Định nghĩa
Elliott wave theory - Lý thuyết sóng Elliott	Phân tích sóng theo lý thuyết Elliott là một phương pháp phổ biến được sử dụng để khám phá thị trường tài chính. Phương pháp phân tích sóng này được phát triển bởi Ralph Nelson Elliott. Sau 9 năm liên tục nghiên cứu thị trường tài chính, ông đã xuất bản cuốn sách đầu tiên mang tên Nguyên lý Sóng vào năm 1938. Lý thuyết sóng Elliott cho rằng cảm tính và tâm lý của các nhà đầu tư sẽ hình thành nên xu hướng thị trường. Ông Elliott nhận thấy rằng hầu hết các nhà giao dịch đều hành xử theo cách có thể dự đoán được và biểu đồ giá sẽ vẽ ra các mô hình lặp lại - các sóng. Ông đã mô tả và phân loại tất cả các loại sóng diễn ra trên thị trường. Nếu bạn biết các loại sóng và nguyên tắc phát triển của chúng, bạn có thể dự đoán diễn biến thị trường trong tương lai và vào được các lệnh có lãi.
Wave - Sóng	Sóng là một phần của chuyển động giá từ hướng này sang hướng khác.
Actionary wave - Sóng hoạt động	Sóng hoạt động hoặc sóng phát động là sóng di chuyển cùng hướng với sóng ở một cấp độ lớn hơn.
Reactionary wave - Sóng ngược xu hướng	Sóng phản ứng hoặc sóng ngược xu hướng là sóng có hướng đi ngược lại với sóng ở một cấp độ lớn hơn.
Motive mode - Chế độ phát động	Các sóng phát triển ở chế độ phát động luôn gồm năm sóng.
Corrective mode - Chế độ điều chỉnh	Các sóng ở chế độ điều chỉnh bao gồm ba sóng hoặc một số thành phần ba sóng. Ví dụ: có thể có hai hoặc ba phần tử được kết nối bằng một sóng liên kết.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Impulse - Sóng đẩy	Sóng đẩy là loại sóng phổ biến nhất. Bất kỳ mô hình điều chỉnh phức tạp nào cũng có thể được chia thành các sóng đẩy, do đó, các sóng đẩy là những yếu tố cơ bản. Một sóng ở bất kỳ mức độ phức tạp nào đều bao gồm các yếu tố cơ bản - đó là các sóng đẩy.
Leading diagonal (wedge)	Leading diagonal là một mô hình sóng thường được theo sau bởi một biến động giá mạnh. Các leading diagonal thường xuất hiện ở vị trí của sóng 1 bên trong các sóng đẩy hoặc ở vị trí của sóng A trong một zigzag đơn giản.
Truncation - Cắt ngắn	Sự cắt ngắn xảy ra khi sóng thứ năm của sóng đẩy không đáp ứng hoặc vượt quá điểm cuối của sóng thứ ba.
Ending diagonal	Một ending diagonal xuất hiện trong biểu đồ nghĩa là xu hướng đang diễn ra đang dần cạn kiệt và sẽ sớm bắt đầu điều chỉnh hoặc xu hướng ngược lại. Ending diagonal được tìm thấy ở vị trí của sóng 5 bên trong một sóng đẩy hoặc ở vị trí của sóng C bên trong một zigzag đơn giản.
Zigzag	Các zigzag xảy ra thường xuyên gần bằng sóng đẩy. Tất cả các sóng điều chỉnh có thể được chia thành các zigzag, bao gồm các sóng đẩy. Một zigzag được tạo thành từ ba sóng được đánh dấu bằng các chữ cái.
Deep correction - Sóng điều chỉnh sâu	Một sóng điều chỉnh sâu vượt thường có kích thước hơn 50% sóng trước đó.
Shallow correction - Sóng điều chỉnh nông	Một sóng điều chỉnh nông có kích thước so với sóng trước đó là thấp hơn 50%
Flat	Một flat, tương tự như một zigzag, là một mô hình sóng đơn giản bao gồm ba sóng.
Regular flat - Flat thường	Tất cả các sóng gần như bằng nhau trong một flat thông thường.
Expanding flat	Trong một mô hình expanding flat, mỗi sóng sau sẽ lớn hơn sóng trước đó. Mô hình này xảy ra khi sức mua và bán gần bằng nhau, giá lên xuống và độ biến động tăng lên. Vì vậy, sóng sau sẽ lớn hơn sóng trước.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Running flat	Trong mô hình running Flat, sóng B sẽ lớn hơn sóng A và sóng C nhỏ hơn sóng B. Running Flat thường xuất hiện trong một thị trường mà “phe Bò” hoặc “phe Gấu” chiếm ưu thế và sóng không thể mở rộng theo chiều đi ngang.
Double zigzag - Zigzag kép	Một zigzag kép bao gồm hai phần tử được kết nối bằng một sóng liên kết. Zigzag đầu tiên được đánh dấu bằng W, zigzag thứ hai được đánh dấu bằng Y và hai sóng này được kết nối bằng sóng liên kết X.
Triple zigzag - Zigzag ba	Một zigzag ba bao gồm ba zigzag được kết nối bằng các sóng liên kết.
Double three	Double three bao gồm hai sóng ba được kết nối bằng một sóng liên kết điều chỉnh. Sóng ba là một loại sóng khác phát triển ở chế độ điều chỉnh. Ba sóng đầu tiên được gán là W và sóng thứ hai được gán là Y. Hai sóng này được kết nối bởi sóng liên kết X. Double three là sóng điều chỉnh đi ngang.
Triple three	Sự khác biệt chính giữa triple three và double three là double three bao gồm ba sóng phụ W-X-Y và triple three bao gồm năm sóng phụ W-X-Y-XX-Z.
Horizontal triangles - Tam giác nằm ngang	Tất cả các tam giác nằm ngang bao gồm năm sóng phụ, được gán các chữ cái A, B, C, D và E. Có nhiều loại mô hình tam giác và chúng khác biệt ở độ dốc của các đường kiến tạo.
Horizontal contracting triangle - Tam giác nhỏ dần nằm ngang	Trong một tam giác nhỏ dần, các đường kiến tạo, nếu ta hình dung chúng trong đầu, dần tiến đến gần nhau.
Horizontal expanding triangle - Tam giác lớn dần nằm ngang	Trong một tam giác lớn dần, đường kiến tạo phía trên chếch lên và đường kiến tạo phía dưới chếch xuống.
Skewed triangle - Tam giác xiên	Trong một tam giác xiên, không giống như trong một tam giác nằm ngang, cả hai đường kiến tạo đều chếch theo cùng một hướng, cùng lên hoặc xuống.

## Bàn luận về sóng Elliott

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

Nhược điểm chính của lý thuyết sóng này là độ phức tạp của nó. Có rất nhiều quy tắc và hướng dẫn khác nhau và phải mất nhiều thời gian và công sức để nghiên cứu tất cả chúng. Nhưng quá trình học tập phương pháp này lại không hề khó khăn.

Những người mới bắt đầu thường nghĩ rằng phân tích sóng là một phương pháp mang tính chủ quan. Điều này là do các nhà giao dịch khác nhau xác định các dạng sóng khác nhau ngay từ đầu. Tuy nhiên, những nhà giao dịch có kinh nghiệm có thể tiến hành phân tích rõ ràng và khách quan hơn, cũng như các nhà phân tích khác nhau cũng có thể sẽ có cấu trúc sóng tương tự nhau. Tôi sẽ không nói đó là nhược điểm vì điều này sẽ được giải quyết khi bạn có đủ kinh nghiệm. Đây là một lý thuyết phổ quát sẽ hoạt động hiệu quả trên thị trường chứng khoán, Forex, thị trường hàng hóa hoặc tiền điện tử.

## Bài học rút ra: ưu điểm và nhược điểm của Sóng Elliott

<b>Ưu điểm của việc sử dụng sóng Elliott</b>	<b>Nhược điểm của việc sử dụng sóng Elliott</b>
Cung cấp sự hiểu biết đầy đủ về tình hình thị trường hiện tại, bắt đầu từ khung thời gian dài hơn cho đến biểu đồ phút.	Lý thuyết phức tạp.
Không có độ trễ như khi sử dụng các chỉ báo, bạn có thể xác định chính xác khởi đầu của xu hướng.	Trong giai đoạn đầu nghiên cứu sóng, phân tích sẽ có vẻ khá chủ quan.

Để hiểu sâu hơn về chủ đề này, tôi khuyên bạn nên đọc những cuốn sách sau về sóng Elliott được quốc tế công nhận:

- Dmitry Vozny "Mã Elliott: phân tích sóng cho thị trường ngoại hối".
- Alfred Frost, Robert Prechter "Nguyên lý sóng Elliott: Chìa khóa giải mã Hành vi Thị trường".

Phân tích sóng Elliott được sử dụng thành công trong giao dịch trên thị trường chứng khoán, ngoại hối, tiền điện tử hoặc bất kỳ loại tài sản tài chính nào khác.

Tôi hy vọng hướng dẫn chi tiết về Phân tích sóng Elliot của tôi hữu ích cho bạn. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng hỏi trong phần bình luận bên dưới! Tôi sẽ vui lòng trả lời và giải thích!

Chúc bạn giao dịch thành công!

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

## Câu hỏi thường gặp về sóng Elliott

### Làm thế nào để xác định sóng Elliott 1?

Sóng đầu tiên luôn hình thành khi bắt đầu các xu hướng hoặc sóng điều chỉnh mới. Để xác định sóng 1, bạn cần phát hiện điểm cuối của sóng trước đó. Điều quan trọng là phải nghiên cứu cấu trúc bên trong của sóng tiềm năng đầu tiên và đảm bảo rằng đó là một sóng đầy lực thực sự.

### Cách sử dụng chỉ báo sóng Elliott?

Cho đến nay, tôi chưa gặp bất kỳ chỉ báo nào có thể vẽ sóng Elliott trên biểu đồ. Tuy nhiên, có một số chỉ báo kỹ thuật giúp các nhà phân tích sóng xác nhận các mô hình sóng trong biểu đồ. Ví dụ: người ta có thể sử dụng thành công chỉ báo MACD hoặc Elliott Wave Oscillator (một biến thể của chỉ báo MACD). Trong một số trường hợp, nhà giao dịch có thể sử dụng chỉ báo RSI hoặc stochastic, kết hợp phân tích kỹ thuật và phân tích sóng Elliott.

### Tại sao sóng Elliott lại hiệu quả?

Biểu đồ giá hiển thị sự tương tác của những người tham gia thị trường với nhau. Nói cách khác, biểu đồ giá sẽ bị ảnh hưởng bởi số đông các nhà giao dịch. Một người có thể cư xử bất ngờ, nhưng đa số lại có những động thái đi theo những mô hình. Đó là lý do tại sao biểu đồ giá luôn vẽ 1 trong 10 loại sóng đã được khám phá và mô tả. Chỉ vì đa số luôn hành động theo những mô hình cụ thể nên sóng Elliott trở nên hiệu quả.

### Áp dụng lý thuyết sóng Elliott như thế nào?

Trước tiên, bạn cần xác định loại sóng hiện đang diễn ra và nó đã được hoàn thành ở mức độ nào. Tiếp theo, bạn đưa ra dự báo dựa trên điểm kết thúc dự kiến của sóng hiện tại, sử dụng các quy tắc và hướng dẫn của lý thuyết sóng Elliott.

### Chu kỳ sóng Elliott là gì?

Chu kỳ sóng là một mô hình bao gồm một sóng phát động và một sóng điều chỉnh. Sóng phát động là mô hình năm sóng được gán các số 1-2-3-4-5 và sóng điều chỉnh bao gồm ba sóng được gán nhãn bằng các chữ cái A-B-C. Do đó, một chu kỳ hoàn chỉnh của các xu hướng phát động và điều chỉnh sẽ bao gồm 8 sóng.

### Phân tích sóng Elliott hoạt động như thế nào?

Phân tích sóng Elliott nghiên cứu các loại sóng khác nhau hình thành trong biểu đồ giá. Có 10 loại sóng đã được khám phá và mô tả. Phân tích sóng hoạt động hiệu quả vì các cấu trúc sóng giống nhau xuất hiện trong các phần khác nhau của biểu đồ.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập

## Cách sử dụng chỉ báo sóng Elliott?

Chỉ báo sóng Elliott được sử dụng để xác nhận sóng. Thông thường, các chỉ báo Sóng Elliott phục vụ như là các chỉ báo kỹ thuật phổ biến với các thông số được tối ưu hóa để hoạt động với sóng Elliott.

## Elliott wave oscillator là gì?

Oscillator cho sóng Elliott là một chỉ báo kỹ thuật về cơ bản là chỉ báo MACD với các tham số MA cố định là 5 và 35 và không có đường tín hiệu. Chỉ báo này được sử dụng để xác định điểm cuối của sóng 3, 4 và 5 trong một sóng đẩy.

## Sóng Elliott có hiệu quả với giao dịch trong ngày không?

Phân tích sóng Elliott hoạt động hoàn hảo trong giao dịch trong ngày. Khung thời gian từ năm phút đến một giờ có thể được sử dụng để phân tích.

## Cách nhận biết sóng Elliott trên biểu đồ.

Để xác định sóng Elliott trong biểu đồ, trước tiên, bạn cần xác định mô hình sóng đang diễn ra trong khung thời gian dài nhất hiện có. Tiếp theo, bạn dần dần chuyển sang các khung thời gian ngắn hơn và gắn nhãn các sóng nhỏ hơn.

## Làm thế nào để tạo ra một sóng Elliott?

Bạn nên bắt đầu tạo sóng Elliott từ khung thời gian dài nhất và chuyển sang các khung thời gian ngắn hơn cho đến khi đạt được khung thời gian bạn muốn giao dịch. Điều này nhằm mục đích xây dựng sự hiểu biết rộng hơn về tình hình thị trường.

**Tác giả**

Roman Onegin

Tôi là một nhà phân tích và giao dịch độc lập